

DSD

CONSTRUCTION

TẬN TỤY XÂY DỰNG NIỀM TIN

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI**

DSD

DSD TRADING AND INVESTMENT CONSTRUCTION
JOINT STOCK COMPANY



HỒ SƠ NĂNG LỰC PROFILE



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD
VPDD: Tầng 7, Tòa nhà Việt Đức, Số 8 Tôn Đức Thắng, Phường Khai Quang,
Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc.



MỤC LỤC

PHẦN 01: GIỚI THIỆU CHUNG.....

PHẦN 02: NĂNG LỰC TÀI CHÍNH.....

PHẦN 03: SƠ ĐỒ TỔ CHỨC.....

PHẦN 04: NHÂN SỰ CÔNG TY

PHẦN 05: THIẾT BỊ MÁY MÓC.....

PHẦN 06: CÔNG TRÌNH THI CÔNG TIÊU BIỂU.....



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD
VPĐD: Tầng 7, Tòa nhà Việt Đức, Số 8 Tôn Đức Thắng, Phường Khai Quang,
Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc.



PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD
VPĐD: Tầng 7, Tòa nhà Việt Đức, Số 8 Tôn Đức Thắng, Phường Khai Quang,
Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

THƯ NGỎ

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại DSD xin gửi lời chào trân trọng đến Quý khách hàng đã, đang và sẽ cho phép Chúng tôi được trở thành người bạn đồng hành cũng như dành sự tín nhiệm và ủng hộ dịch vụ của Công ty chúng tôi trong suốt thời gian qua.

Thưa Quý khách hàng, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại DSD hoạt động trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ thiết kế, thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, công trình hạ tầng, thiết kế và thi công nội thất văn phòng, khách sạn, nhà hàng, nhà ở... Với phương châm “Tận tụy xây dựng niềm tin” – Chúng tôi hiểu rằng mọi sự nỗ lực về chất lượng phục vụ của chúng tôi sẽ luôn góp phần vào những thành công trong tương lai cho khách hàng.

Dựa trên tiềm lực hiện có về cơ sở vật chất và con người, với bề dày kinh nghiệm, khả năng sẵn có đội ngũ cán bộ kỹ thuật giỏi, công nhân lành nghề, phương tiện máy móc đầy đủ, hiện đại. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại DSD tin rằng sẽ mang đến cho Quý khách hàng những dịch vụ tốt nhất, sản phẩm chất lượng nhất đến người sử dụng. Đồng thời góp phần để quảng bá thương hiệu của mình một cách có hiệu quả. Sự tin tưởng, hài lòng của Quý khách chính là thành công của Công ty chúng tôi.

Để thuận lợi cho việc tìm hiểu và lựa chọn, Chúng tôi xin gửi đến Quý khách hàng bản hồ sơ năng lực với đầy đủ thông tin cơ bản về Công ty chúng tôi.

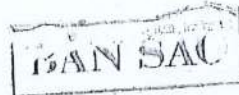
Chúng tôi hy vọng nhận được sự hợp tác của Quý khách hàng.

Trân trọng!

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ THƯƠNG MẠI DSD

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ THƯƠNG MẠI
DSD
TP. VINH YÊN - T. VĨNH PHÚC

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Sơn



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH VINH PHÚC
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 2500679351

Đăng ký lần đầu: ngày 02 tháng 03 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DSD INVESTMENT CONSTRUCTION AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tầng 7, Tòa nhà Việt Đức, Số 8 Tôn Đức Thắng, Phường Khai Quang, Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vinh Phúc, Việt Nam

Điện thoại: 0947822223

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 2.000.000

4. Người đại diện (theo pháp luật của công ty)

* Họ và tên: NGUYỄN NGỌC SƠN

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 10/05/1986 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

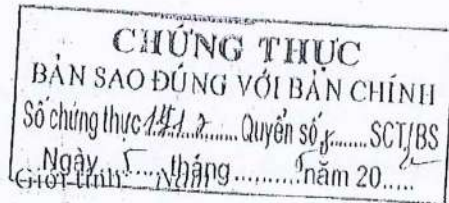
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 026086013807

Ngày cấp: 10/05/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Đồn, Xã Kim Long, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vinh Phúc, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Đồn, Xã Kim Long, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vinh Phúc, Việt Nam



Nguyễn Văn Minh Lương Quốc Tuấn

SỞ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CHỨNG CHỈ

NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: HAN-00069939

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 860/QĐ-SXD ngày 23/12/2022 của Sở Xây dựng Hà Nội)

Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 2500679351

Đăng ký lần đầu: 02/03/2022 Nơi cấp: Sở kế hoạch & đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc

Tên người đại diện theo pháp luật:

Ông (Bà): Nguyễn Ngọc Sơn Chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7, tòa nhà Việt Đức, số 8 Tôn Đức Thắng, phường Khai Quang, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Số điện thoại: 0947822223

Số fax:

Email:

Website:

Phạm vi hoạt động xây dựng:

- Lĩnh vực hoạt động: (Lĩnh vực/Loại công trình/Hạng)

Thiết kế, thẩm tra TK/Dân dụng/Hạng III

Thi công XD/Dân dụng/Hạng III

Thi công XD/Nhà công nghiệp/Hạng III

Thi công XD/Giao thông (Cầu, đường bộ)/Hạng III

Thi công XD/Hạ tầng kỹ thuật/Hạng III

Thi công XD/NN & PTNT/Hạng III

Có giá trị đến ngày: 23/12/2032

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2022

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hồng Cao Thắng



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD
VPDD: Tầng 7, Tòa nhà Việt Đức, Số 8 Tôn Đức Thắng, Phường Khai Quang,
Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc.



PHẦN II: NĂNG LỰC TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NĂM)

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giá định hoạt động liên tục)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

[01] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD

[02] Mã số thuế: 2500679351

[03] Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà Việt Đức, Số 8
Đường Tôn Đức Thắng, Phường Khai Quang

[04] Quận/Huyện: Thành
phố Vinh Yên

[05] Tỉnh/Thành phố: Vinh Phúc

[06] Điện thoại: 0947822223

[07] Fax:

[08] E-mail:

congty@xaydungdsd.com.vn

BCTC đã được kiểm toán:

Ý kiến kiểm toán:



Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+ 120 + 130 + 140 + 150)	100		20.384.504.860	0
I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110 = 111 + 112)	110		3.828.404.938	0
1. Tiền	111	VI.01	3.828.404.938	0
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120 = 121 + 122 + 123)	120		0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130 = 131 + 132 +...+ 137 + 139)	130		15.994.652.300	0
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.03.a	0	0
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		117.796.300	0
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		876.856.000	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.04.a	15.000.000.000	0
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	VI.05	0	0
IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149)	140	VI.07	340.013.914	0
1. Hàng tồn kho	141		340.013.914	0
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác (150= 151 + 152 + ...+ 155)	150		221.433.708	0
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.13.a	106.861.556	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		114.572.152	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	VI.17.b	0	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	VI.14.a	0	0
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200= 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		1.048.059.081	0
I- Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 +...+ 216 + 219)	210		0	0

1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	VI.03.b	0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216	VI.04.b	0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227)	220		1.048.059.081	0
1. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)	221	VI.09	1.048.059.081	0
- Nguyên giá	222		1.078.386.091	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(30.327.010)	0
2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226)	224	VI.11	0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình (227 = 228 + 229)	227	VI.10	0	0
- Nguyên giá	228		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		0	0
III. Bất động sản đầu tư (230 = 231 + 232)	230	VI.12	0	0
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
IV. Tài sản đang dở dài hạn (240 = 241 + 242)	240	VI.08	0	0
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	VI.08.a	0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	VI.08.b	0	0
V. Đầu tư tài chính dài hạn (250 = 251 + ...+ 255)	250		0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư khác vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
V. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 263 + 268)	260		0	0
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13.b	0	0
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	VI.24.a	0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268	VI.14.b	0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		21.432.563.941	0
C - NỢ PHẢI TRẢ (300= 310 + 330)	300		1.402.107.003	0
I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 +...+ 323 + 324)	310		1.402.107.003	0
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.16.a	0	0
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		0	0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.17.a	7.614.235	0
4. Phải trả người lao động	314		0	0
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.18.a	0	0



6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		876.856.000	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	VI.20.a	0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.19.a	35.840.000	0
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		481.790.768	0
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	VI.23.a	0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		0	0
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 + ... + 342 + 343)	330		0	0
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	VI.18.b	0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	VI.20.b	0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337	VI.19.b	0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		0	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	VI.24.b	0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	VI.23.b	0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		20.030.456.938	0
I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 + ... + 421 + 422)	410	VI.25	20.030.456.938	0
1. Vốn góp của chủ sở hữu (411 = 411a + 411b)	411		20.000.000.000	0
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	0
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		0	0
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421 = 421a + 421b)	421		30.456.938	0
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		0	0
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		30.456.938	0
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (430 = 431 + 432)	430	VI.28	0	0



1. Nguồn kinh phí	431		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		21.432.563.941	0

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Cao Hương

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Cao Thị Thanh Hương

Lập, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Ngọc Sơn



Số chứng chỉ hành nghề: HAN-00069939

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú:

- Những chi tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại "Mã số" chi tiêu.
- Số liệu trong các chi tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).
- Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì "Số cuối năm" có thể ghi là "31.12.X"; "Số đầu năm" có thể ghi là "01.01.X".
- Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.

Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD.

Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD.

Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2022

Mẫu số: B 02
- DN
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC Ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)



[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD

[03] Mã số thuế: 2500679351

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	744.636.666	0
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		744.636.666	0
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	277.175.758	0
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		467.460.908	0
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	895.886	0
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	30.854.314	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí bán hàng	25	VII.8	0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8	399.378.093	0
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		38.124.387	0
11. Thu nhập khác	31	VII.6	0	0
12. Chi phí khác	32	VII.7	53.214	0
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(53.214)	0
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		38.071.173	0
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.10	7.614.235	0
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VII.11	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		30.456.938	0
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 27 tháng 03 năm 2023
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Cao Hương

Cao Thị Thanh Hương



Số chứng chỉ hành nghề: HAN-00069939

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

(*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.

- Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD.
- Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD.
- Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp) (*)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2022

Mẫu số: B 03
- DN

(Ban hành
theo Thông
tư số

200/2014/TT-

BTC ngày

22/12/2014

của Bộ Tài

chính)



[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD

[03] Mã số thuế: 2500679351

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		805.103.486	0
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(2.014.481.717)	0
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(155.797.376)	0
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(30.854.314)	0
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		0	0
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.113.144.000	0
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(370.505.909)	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.346.608.170	0
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		0	0
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		540.000.000	0
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(58.203.232)	0
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		481.796.768	0
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		3.828.404.938	0
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		0	0
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		3.828.404.938	0

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Cao Hương

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Cao Thị Thanh Hương

Lập, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)





Số chứng chỉ hành nghề: HAN-00069939

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD.

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD.

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: 03/TNDN
(Ban hành kèm theo
Thông tư số 80/2021/TT-
BTC ngày 29 tháng 9 năm
2021 của Bộ trưởng Bộ
Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023 Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: F41 - Xây dựng nhà các loại

[] Tỷ lệ (%): 100,00 %

[05] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI
DSD

[] Mã số thuế: 2500679351

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam



STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	7.787.515
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	3.251.156
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	3.251.156
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	11.038.671
1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	11.038.671
2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	11.038.671
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0

4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	11.038.671
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	11.038.671
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%	C7	11.038.671
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C9=(C7 x 20%) + (C8 x C8a))	C9	2.207.734
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN (C10 = C11 + C12 + C13)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh (C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	2.207.734
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế (D1 = B15)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế (D3=D1-D2)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quy khoa học công nghệ (D5=D3-D4)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này (D8=D6-D7)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)	E	2.207.734
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	2.207.734
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0



H		H	
	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	2.207.734
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS ($H2=E3-G4$)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ ($H3=E4-G5$)	H3	0
1	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-G=I1+I2$)	I	2.207.734
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	$I1=E1+E5-G1-G2$	2.207.734
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	$I2=E2-G3-G4-G5$	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 08 tháng 03 năm 2024

HÃN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
 Họ và tên:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
 ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Chứng chỉ hành nghề số:



Ghi chú:

- 1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BĐS: Bất động sản;
- 2. Chi tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
- 3. Chi tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
- 4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xổ số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xổ số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số vào chi tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chi tiêu E2, E3.
- 5. Các chi tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tỉnh đã kê khai riêng.
- 6. Chi tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
- 7. Hạch toán số tiền 2.207.734 vào tiêu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
- 8. Hạch toán số tiền 0 vào tiêu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
- 9. Hạch toán số tiền 0 vào tiêu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết
- 10. Hạch toán số tiền 0 vào tiêu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản

Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD.

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Mẫu số: 03-1A/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023



[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD

[03] Mã số thuế: 2500679351

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[04]	2.396.158.753
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])	[06]	0
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[10]	104.857
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	0
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])	[12]	2.330.938.256
a	Giá vốn hàng bán	[13]	1.629.993.247
b	Chi phí bán hàng	[14]	0
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	700.945.009
5	Chi phí tài chính	[16]	54.286.683
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	54.286.683
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])	[18]	11.038.671
7	Thu nhập khác	[19]	0
8	Chi phí khác	[20]	3.251.156
9	Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])	[21]	(3.251.156)
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])	[22]	7.787.515

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai/...

Ngày 08 tháng 03 năm 2024

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú: Số liệu chỉ tiêu [22] được tổng hợp vào chỉ tiêu A1 của Tờ khai 03/TNDN

Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD.

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)
[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023

Mẫu số: 03-1A/TNDN
(Ban hành kèm theo
Thông tư số 80/2021/TT
-BTC ngày 29 tháng 9
năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD
[03] Mã số thuế: 2500679351

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[04]	2.396.158.753
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])	[06]	0
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[10]	104.857
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	0
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])	[12]	2.330.938.256
a	Giá vốn hàng bán	[13]	1.629.993.247
b	Chi phí bán hàng	[14]	0
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	700.945.009
5	Chi phí tài chính	[16]	54.286.683
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	54.286.683
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])	[18]	11.038.671
7	Thu nhập khác	[19]	0
8	Chi phí khác	[20]	3.251.156
9	Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])	[21]	(3.251.156)
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])	[22]	7.787.515

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 08 tháng 03 năm 2024

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú: Số liệu chỉ tiêu [22] được tổng hợp vào chỉ tiêu A1 của Tờ khai 03/TNDN

Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NĂM)

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giá định hoạt động liên tục)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số: B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT-BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài
chính)

[01] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD
[02] Mã số thuế: 2500679351
[03] Địa chỉ: Tầng 7, Toà nhà Việt Đức, Số 8 [04] Quận/Huyện: Thành [05] Tỉnh/Thành phố:
Tôn Đức Thắng, Phường Khai Quang phố Vinh Yên Vĩnh Phúc
[06] Điện thoại: [07] Fax: [08] E-mail:
BCTC đã được kiểm toán:
Ý kiến kiểm toán:



Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+ 120 + 130 + 140 + 150)	100		19.596.916.281	20.384.504.860
I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110 = 111 + 112)	110		18.823.586.012	3.828.404.938
1. Tiền	111		18.823.586.012	3.828.404.938
2. Các khoản tương đương tiền	112			0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120 = 121 + 122 + 123)	120			0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130 = 131 + 132 +...+ 137 + 139)	130		27.520.000	15.994.652.300
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		0	0
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		27.520.000	117.796.300
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	876.856.000
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		0	15.000.000.000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149)	140		665.479.381	340.013.914
1. Hàng tồn kho	141		665.479.381	340.013.914
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác (150= 151 + 152 + ...+ 155)	150		80.330.888	221.433.708
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		0	106.861.556
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		80.330.888	114.572.152
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		0	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200= 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		1.000.933.952	1.048.059.081
I- Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 +...+ 216 + 219)	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227)	220		918.048.633	1.048.059.081
1. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)	221		918.048.633	1.048.059.081
- Nguyên giá	222		1.078.386.091	1.078.386.091



- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(160.337.458)	(30.327.010)
2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226)	224	0	0
- Nguyên giá	225	0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226	0	0
3. Tài sản cố định vô hình (227 = 228 + 229)	227	0	0
- Nguyên giá	228	0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	0	0
III. Bất động sản đầu tư (230 = 231 + 232)	230		
- Nguyên giá	231		
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		
IV. Tài sản dang dở dài hạn (240 = 241 + 242)	240	0	0
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	0	0
V. Đầu tư tài chính dài hạn (250 = 251 + ... + 255)	250	0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251	0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	0	0
3. Đầu tư khác vào đơn vị khác	253	0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	0	0
V. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 263 + 268)	260	82.885.319	0
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	82.885.319	0
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268	0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	20.597.850.233	21.432.563.941
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	561.813.514	1.402.107.003
I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 + ... + 323 + 324)	310	561.813.514	1.402.107.003
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	88.259.200	0
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	47.520.000	0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.207.734	7.614.235
4. Phải trả người lao động	314	0	0
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	0	0
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	0	876.856.000
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	22.560.000	35.840.000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	401.266.580	481.796.768
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	0	0
13. Quỹ bình ổn giá	323	0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	0	0
II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 + ... + 342 + 343)	330	0	0



1. Phải trả người bán dài hạn	331	0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337	0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	0	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	0	0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	20.036.036.719	20.030.456.938
I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 + ... + 421 + 422)	410	20.036.036.719	20.030.456.938
1. Vốn góp của chủ sở hữu (411 = 411a + 411b)	411	20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	0	0
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421 = 421a + 421b)	421	36.036.719	30.456.938
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	30.456.938	0
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	5.579.781	30.456.938
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (430 = 431 + 432)	430	0	0
1. Nguồn kinh phí	431	0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	20.597.850.233	21.432.563.941



Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 08 tháng 03 năm 2024
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú:

- (1) Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại "Mã số" chỉ tiêu.
- (2) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).
- (3) Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì "Số cuối năm" có thể ghi là "31.12.X", "Số đầu năm" có thể ghi là "01.01.X".
- (4) Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.

Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số: B 02 – DN
(Ban hành theo Thông
tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của
Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD

[03] Mã số thuế: 2500679351

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
			4	5	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.396.158.753	744.636.666		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		2.396.158.753	744.636.666		
4. Giá vốn hàng bán	11		1.629.993.247	277.175.758		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		766.165.506	467.460.908		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		104.857	895.886		
7. Chi phí tài chính	22		54.286.683	30.854.314		
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		54.286.683	0		
8. Chi phí bán hàng	25		0	0		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		700.945.009	399.378.093		
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		11.038.671	38.124.387		
11. Thu nhập khác	31		0	0		
12. Chi phí khác	32		3.251.156	53.214		
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(3.251.156)	(53.214)		
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.787.515	38.071.173		
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.207.734	7.614.235		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		5.579.781	30.456.938		
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0		

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 08 tháng 03 năm 2024
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Ngọc Sơn

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

(*): Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.

Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp) (*)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023

Mẫu số: B 03 – DN
(Ban hành theo Thông
tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của
Bộ Tài chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD

[03] Mã số thuế: 2500679351

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2.683.294.639	805.103.486
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(2.104.583.133)	(2.014.481.717)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(317.282.821)	(155.791.376)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(54.286.683)	(30.854.314)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(7.614.235)	0
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		15.074.238.081	5.113.144.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(198.159.434)	(370.505.909)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		15.075.606.405	3.346.608.170
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		104.857	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		104.857	0
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		0	540.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(80.530.188)	(58.203.232)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(80.530.188)	481.796.768
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		14.995.181.074	3.828.404.938
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.828.404.938	0
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		18.823.586.012	3.828.404.938



Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 08 tháng 03 năm 2024



Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.

Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (MẪU SỐ 05/QTT-TNCN)
(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

Mẫu số: 05/QTT-TNCN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[04] Tổ chức có quyết toán thuế theo ủy quyền của cá nhân được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới do tổ chức cũ thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp hoặc điều chuyển trong cùng hệ thống

[05] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD

[06] Mã số thuế: 2500679351

[07] Địa chỉ: Tầng 7, Toà nhà Việt Đức, Số 8 Tôn Đức Thắng, Phường Khai Quang

[08] Quận/Huyện: Thành phố Vinh Yên

[10] Điện thoại:

[09] Tỉnh/Thành phố: Vinh Phúc

[11] Fax:

[12] E-mail:

[13] Tên đại lý thuế (nếu có):

[14] Mã số thuế:

[15] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày: .



I. NGHĨA VỤ KHẤU TRỪ THUẾ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRẢ THU NHẬP

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số người/ Số tiền
1	Tổng số người lao động:	[16]	Người	6
	Trong đó: Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động	[17]	Người	6
2	Tổng số cá nhân đã khấu trừ thuế [18]=[19]+[20]	[18]	Người	0
2.1	Cá nhân cư trú	[19]	Người	0
2.2	Cá nhân không cư trú	[20]	Người	0
3	Tổng số cá nhân thuộc diện được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	[21]	Người	0
4	Tổng số cá nhân giảm trừ gia cảnh	[22]	Người	0
5	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân [23]=[24]+[25]	[23]	VNĐ	304.025.320
5.1	Cá nhân cư trú	[24]	VNĐ	304.025.320
5.2	Cá nhân không cư trú	[25]	VNĐ	0
5.3	Trong đó: Tổng thu nhập chịu thuế từ tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	[26]	VNĐ	0
6	Trong đó tổng thu nhập chịu thuế được miễn theo quy định của Hợp đồng đầu khí	[27]	VNĐ	0
7	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân thuộc diện phải khấu trừ thuế [28]=[29]+[30]	[28]	VNĐ	0
7.1	Cá nhân cư trú	[29]	VNĐ	0
7.2	Cá nhân không cư trú	[30]	VNĐ	0
8	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ [31]=[32]+[33]	[31]	VNĐ	0
8.1	Cá nhân cư trú	[32]	VNĐ	0
8.2	Cá nhân không cư trú	[33]	VNĐ	0
8.3	Trong đó: Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ trên tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	[34]	VNĐ	0

II. NGHĨA VỤ QUYẾT TOÁN THAY CHO CÁ NHÂN

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số người/ Số tiền
1	Tổng số cá nhân uỷ quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thay	[35]	Người	5

	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ	[36]	VND	0
1	Trong đó: Số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ tại tổ chức trước khi điều chuyển (trường hợp có đánh dấu vào chỉ tiêu [04])	[37]	VND	0
3	Tổng số thuế thu nhập cá nhân phải nộp	[38]	VND	0
4	Tổng số thuế thu nhập cá nhân được miễn do cá nhân có số thuế còn phải nộp sau ủy quyền quyết toán từ 50.000 đồng trở xuống	[39]	VND	0
5	Tổng số thuế thu nhập cá nhân còn phải nộp	[40]	VND	0
6	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã nộp thừa	[41]	VND	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 07 tháng 03 năm 2024

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)



Nguyễn Ngọc Sơn

PHỤ LỤC

BẢNG KẾ CHI TIẾT CÁ NHÂN THUỘC DIỆN TÍNH THUẾ THEO BIỂU LUY TIẾN TÙNG PHẦN

Mẫu số: 05-1/BK-
QTT-TNCN
(Ban hành kèm theo
Thông tư số
80/2021/TT-BTC ngày
29 tháng 9 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài
chính)

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 05/QTT-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023:

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

[04] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD

[05] Mã số thuế: 2500679351

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Loại giấy tờ	Số CMND/CCCD/SDDCN Hệ chiếu (trường hợp chưa có MST)	Cá nhân ủy quyền quyết toán thay	CN nước ngoài ủy quyền quyết toán dưới 12 tháng	Thu nhập chịu thuế (TNCN)							Các khoản giảm trừ					Số thuế TNCN đã khấu trừ					Chi tiết kết quả quyết toán thay cho cá nhân nộp thuế					Cá nhân có số thuế được miễn do có số thuế còn phải nộp từ 50.000 đồng trở xuống
							Trong đó: TNCN tại trước khi chuyển (trường hợp có đánh dấu vào chỉ tiêu [04] tại Tờ khai 05/QTT-TNCN)	Trong đó: thu nhập chịu thuế được miễn theo quy định của Hợp đồng kinh	Trong đó: thu nhập chịu thuế được miễn theo quy định của Hợp đồng kinh	Số lượng NPT tính giảm trừ	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học	Bảo hiểm được trừ	Qui trừ nguyên được trừ	Thu nhập tính thuế (21) = (12) - (14) - (15) - (17)	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	Tổng số thuế đã nộp	Số thuế còn phải nộp	Số thuế đã nộp	Số thuế còn phải nộp	Số thuế đã nộp	Số thuế còn phải nộp							
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]	[19]	[20]	[21]	[22]	[23]	[24]	[25]	[26]	[27]								
1	Nguyễn Ngọc Sơn	8821675046	Thẻ CCCD	026086013807	[X]	[]	57.665.321	0	0	0	132.000.000	0	6.930.000	0	0	0	0	0	0	0	0								
2	Cao Thị Hương	8818587047	Thẻ CCCD	019181000253	[X]	[]	44.417.308	0	0	0	132.000.000	0	5.670.000	0	0	0	0	0	0	0	0								
3	Dương Phương Anh	8751661382	Thẻ CCCD	026195001228	[X]	[]	21.680.769	0	0	0	66.000.000	0	2.835.000	0	0	0	0	0	0	0	0								
4	Phùng Đức Nguyễn	8821675085	Thẻ CCCD	026094013201	[X]	[]	45.657.115	0	0	0	132.000.000	0	5.670.000	0	0	0	0	0	0	0	0								



Số: **K-
 QTT-TNCN**
 (Ban hành kèm theo
 Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày
 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài
 chính)

**BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁ NHÂN THUỘC DIỆN TÍNH THUẾ THEO THUẾ SUẤT
 TOÀN PHẦN**

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 05/QTT-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023:

[02] Lần đầu: [X] [03] Bò sung lần thứ: []

[04] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD

[05] Mã số thuế: 2500679351

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Loại giấy tờ	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu	Cá nhân không cư trú	Thu nhập chịu thuế (TNCT)			Trong đó TN chịu thuế được miễn theo quy định của Hợp đồng đầu khí	Số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã khấu trừ	
						Tổng số	[12]	[13]		[14]	[15]
		[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
1	Phùng Văn Kiêm	8464063043	Thẻ CCCD	026092005607	<input type="checkbox"/>	17.700.000	0	0	0	0	0
2	Phạm Văn Lành	8075049416	Thẻ CCCD	026084002843	<input type="checkbox"/>	14.250.000	0	0	0	0	0
3	Phùng Đắc Quân	8417556355	Thẻ CCCD	026089006924	<input type="checkbox"/>	15.960.000	0	0	0	0	0
4	Nguyễn Văn Quân	8870322808	Thẻ CCCD	026085000872	<input type="checkbox"/>	16.240.000	0	0	0	0	0
5	Phạm Văn Thái	8822012771	Thẻ CCCD	026075004974	<input type="checkbox"/>	16.240.000	0	0	0	0	0
	Tổng					80.390.000					



(BH: Bảo hiểm; DN: doanh nghiệp; CMND: Chứng minh nhân dân; CCCD: Căn cước công dân)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 07 tháng 03 năm 2024

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Chứng chỉ hành nghề số:



Nguyễn Ngọc Sơn

Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại DSD			Mẫu số B 01 - DN	
			(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
Ngày 31/12/2024				
Đơn vị tính: VND				
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		22.362.905.831	19.596.916.281
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		20.122.816.995	18.823.586.012
1. Tiền mặt	111		20.122.816.995	18.823.586.012
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.373.289.019	27.520.000
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		994.420.219	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		378.868.800	27.520.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136			
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		784.823.338	665.479.381
1. Hàng tồn kho	141		784.823.338	665.479.381
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		81.976.479	80.330.888
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		79.976.479	80.330.888
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2.000.000	
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		802.799.997	1.000.933.952
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			

1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216			
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		788.038.185	918.048.633
1. Tài sản cố định hữu hình	221		788.038.185	918.048.633
- Nguyên giá	222		1.078.386.091	1.078.386.091
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-290.347.906	-160.337.458
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
V. Tài sản dài hạn khác	260		14.761.812	82.885.319
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		14.761.812	82.885.319
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		23.165.705.828	20.597.850.233

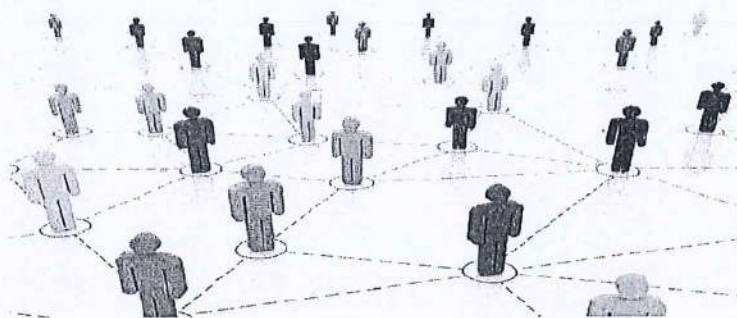
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300		2.659.902.928	561.813.514
I. Nợ ngắn hạn	310		2.659.902.928	561.813.514
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		88.259.200	88.259.200
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.247.520.000	47.520.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313			2.207.734
4. Phải trả người lao động	314			
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315			
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319			22.560.000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		324.123.728	401.266.580
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322			
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		20.505.802.900	20.036.036.719
I. Vốn chủ sở hữu	410		20.505.802.900	20.036.036.719
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			

Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại DSD		Mẫu số B02 - DN (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)		
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Năm 2024				
Đơn vị tính: VNĐ				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.329.454.000	2.396.158.753
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.329.454.000	2.396.158.753
4. Giá vốn hàng bán	11			1.629.993.247
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.329.454.000	766.165.506
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		47.086	104.857
7. Chi phí tài chính	22		46.448.110	54.286.683
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		46.448.110	54.286.683
8. Chi phí bán hàng	25			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		806.742.181	700.945.009
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		476.310.795	11.038.671
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32		964.833	3.251.156
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-964.833	-3.251.156
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		475.345.962	7.787.515
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			2.207.734
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		475.345.962	5.579.781
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			
Lập, ngày....tháng....năm.....				
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc		
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại DSD		Mẫu số B03 - DN (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)		
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp) (*) Năm 2024				
Đơn vị tính: VNĐ				
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2.555.810.320	2.683.294.630
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		-483.348.800	-2.104.583.133
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-339.906.154	-317.282.821
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-46.448.110	-54.286.683
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-2.207.734	-7.614.235
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.000.000	15.074.238.081
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-308.572.773	-198.159.434
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.376.326.749	15.075.606.405
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		47.086	104.857
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		47.086	104.857
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-77.142.852	-80.530.188
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-77.142.852	-80.530.188
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		1.299.230.983	14.995.181.074
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		18.823.586.012	3.828.404.938
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70		20.122.816.995	18.823.586.012
			Lập, ngày tháng.....năm.....	
Người lập biểu (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)		



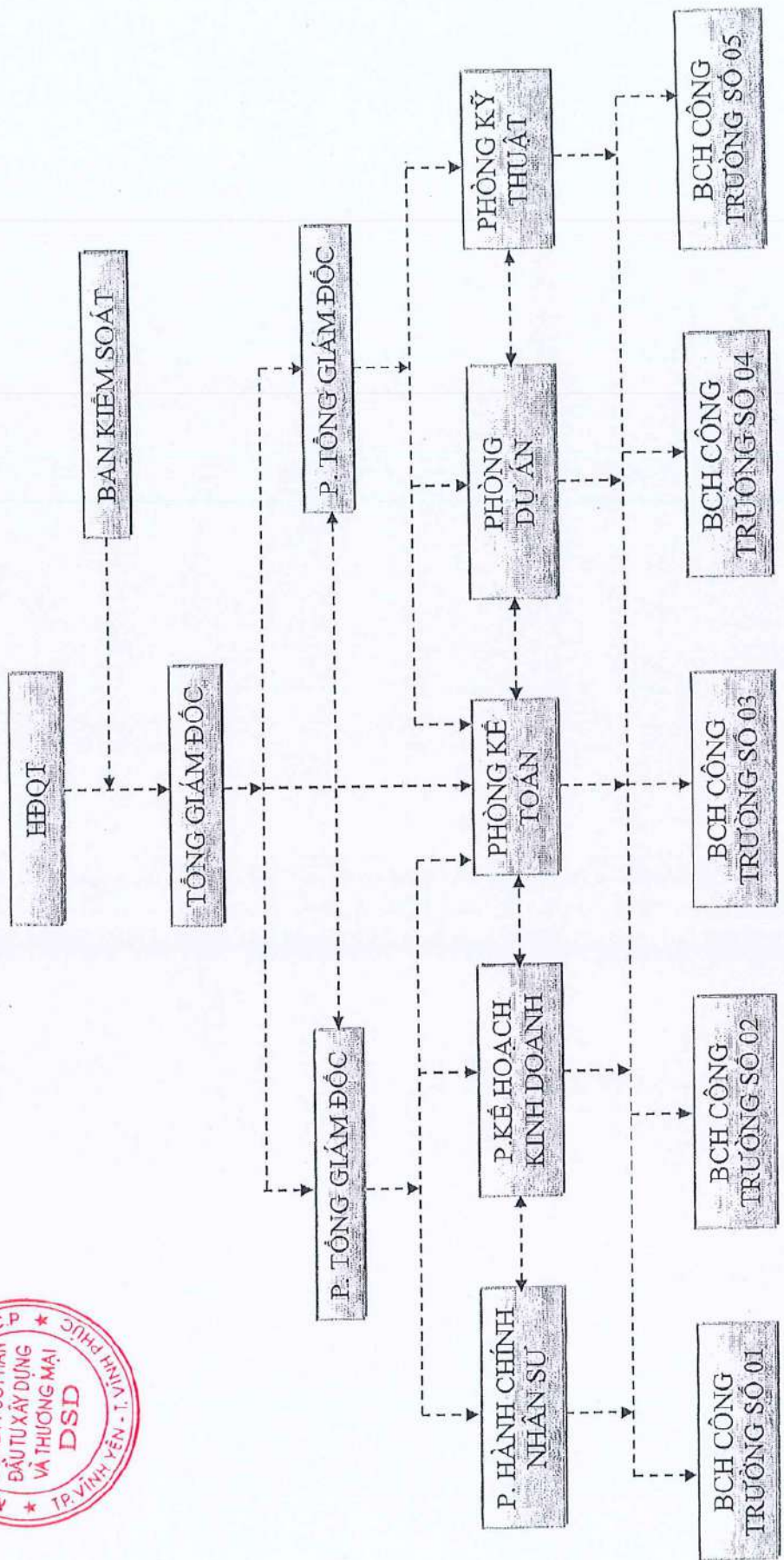
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD
VPĐD: Tầng 7, Tòa nhà Việt Đức, Số 8 Tôn Đức Thắng, Phường Khai Quang,
Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc.



PHẦN III: SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



I. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD
VPĐD: Tầng 7, Tòa nhà Việt Đức, Số 8 Tôn Đức Thắng, Phường Khai Quang,
Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc.



2. THUYẾT MINH SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY

Chủ tịch HĐQT: Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đứng đầu Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền hạn sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty.
- Quyết định chiến lược đầu tư phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc.
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh.
- Triệu tập chỉ đạo, chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- Các quyền khác được quy định tại điều lệ.

Ban kiểm soát: Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Tổng công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
- Trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Tổng công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.
- Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD
VPĐD: Tầng 7, Tòa nhà Việt Đức, Số 8 Tôn Đức Thắng, Phường Khai Quang,
Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc.



Tổng giám đốc: là người do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị và trước pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

- Tổ chức điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các quy chế điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty.
- Ký kết thực hiện các hợp đồng theo quy định của Pháp luật.
- Các quyền khác được quy định tại điều lệ.

Phó Tổng giám đốc: là người có trách nhiệm hỗ trợ Tổng giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thay mặt Tổng giám đốc giải quyết các công việc khi Tổng Giám đốc vắng mặt và có nhiệm vụ giúp việc cho Tổng Giám đốc theo nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Phó Tổng giám đốc chủ động giải quyết các công việc được phân công hoặc ủy quyền và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về quyết định của mình, cụ thể:

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh trong những năm tiếp theo.
- Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm, hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh.
- Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Chỉ đạo các phòng ban thực hiện các công việc do mình phụ trách.
- Kiểm tra, đôn đốc các phòng ban trong việc thực hiện các quy định của Công ty.
- Giải quyết các công việc phát sinh hàng ngày thuộc thẩm quyền của Phó Tổng giám đốc.
- Báo cáo kịp thời cho Tổng Giám đốc về việc thực hiện các công việc thuộc trách nhiệm của mình theo kế hoạch đã định hoặc theo yêu cầu của Tổng Giám đốc.
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại điều lệ.

Các phòng ban: Trưởng phòng có trách nhiệm:

- Chỉ đạo phòng thực hiện công việc được giao.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD
VPĐD: Tầng 7, Tòa nhà Việt Đức, Số 8 Tôn Đức Thắng, Phường Khai Quang,
Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc.



- Kiểm tra đôn đốc các nhân viên trong phòng của mình thực hiện các quy định của Công ty.
 - Giải quyết các công việc phát sinh hàng ngày thuộc thẩm quyền của mình.
 - Báo cáo kịp thời cho lãnh đạo về việc thực hiện các công việc thuộc trách nhiệm của mình.
 - Các phòng trong công ty có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban giám đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và phân công, chỉ đạo của Ban giám đốc.
- Công ty hiện nay có 05 phòng nghiệp vụ với chức năng được quy định như sau:**

2.1. Phòng dự án:

Phòng dự án được lập ra để đảm bảo các nhiệm vụ sau:

- Đảm bảo nguồn cung cấp vật tư đúng tiến độ, đảm bảo số lượng, chất lượng, chủng loại theo đúng hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật, hợp đồng đã ký, đảm bảo hồ sơ pháp lý của vật tư nhập về.
- Kiểm soát pháp lý dự án, công trình, làm hợp đồng với các tổ đội thi công tại công trường.
- Lập hồ sơ pháp sinh của dự án (nếu có).
- Kiểm soát chi phí của công trình.

2.2. Phòng kỹ thuật:

Là phòng ban trực tiếp quản lý ban chỉ huy công trình, Phòng kỹ thuật có nghĩa vụ kiểm soát toàn bộ thông tin về công trình để thực hiện các công tác kết nối ban chỉ huy công trình với các phòng ban khác trong công ty và giải quyết nhanh chóng, kịp thời các vướng mắc của ban chỉ huy công trình.

Phòng kỹ thuật thi có các nhiệm vụ sau:

- Kiểm soát về tiến độ, chất lượng thi công công trình thông qua việc kiểm tra trực tiếp dưới hiện trường và báo cáo với công ty.
- Kiểm soát về hồ sơ chất lượng, hồ sơ pháp lý của dự án.
- Kiểm soát hồ sơ thanh quyết toán của ban chỉ huy công trình gửi lên trước khi thanh toán với Chủ đầu tư.
- Kiểm soát hồ sơ thanh quyết toán của các tổ đội cũng như nhà cung cấp trước khi gửi sang phòng dự án và phòng kế toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD
VPĐD: Tầng 7, Tòa nhà Việt Đức, Số 8 Tôn Đức Thắng, Phường Khai Quang,
Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc.



2.3. Phòng Tài chính kế toán:

Quản lý công tác thu chi tài chính của Công ty đảm bảo vốn cho sản xuất, hạch toán giá thành hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Bộ phận này có trách nhiệm giải quyết các thủ tục hành chính và căn cứ vào khối lượng (do phòng Kỹ thuật thi công tập hợp) để giải quyết các khoản tạm ứng, thanh quyết toán với các tổ thợ và với bên Chủ đầu tư (thông qua Công ty).

Thực hiện công tác đóng BHXH, BHYT với Người lao động.

2.4: Phòng kế hoạch, kinh doanh:

Lập kế hoạch về tiến độ cung ứng vật tư, hàng hóa đến công trường.

Lập kế hoạch về cung cấp các vật tư, thiết bị khác của khối văn phòng.

Kiểm soát khối lượng vật tư, hàng hóa cung cấp đến công trường.

Kiểm tra, bảo quản các vật tư, thiết bị thuộc khối văn phòng.

Lập phương án dự trữ vật tư, hàng hóa, thiết bị.

Liên hệ mua hàng, lên hợp đồng với các đơn vị cung cấp, đối tác kinh doanh.

Tổng hợp các thông tin liên quan đến hoạt động mua bán vật tư, hàng hóa, thiết bị, kiểm tra, kiểm soát định mức, hao phí. Tổng hợp khối lượng, đề xuất, đánh giá chất lượng hàng hóa, nhà cung cấp trình Ban giám đốc phê duyệt.

Xây dựng chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty từng giai đoạn. Chủ trì lập kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng tháng, quý, năm. Theo dõi và chỉ đạo thực hiện sản xuất kinh doanh, báo cáo phân tích kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo phân tích kết quả sản xuất và hiệu quả, chỉ đạo và hướng dẫn nghiệm thu, thanh toán. Giao kế hoạch sản xuất kinh doanh cho các bộ phận sản xuất. Lập thiết kế bản vẽ thi công, lập tiến độ thi công, quản lý chất lượng công trình, chỉ đạo hướng dẫn lập hồ sơ nghiệm thu, hoàn công, quản lý và xác định kết quả sản xuất tháng, quý, năm. Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật, áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh.

2.5 Phòng hành chính - nhân sự (HC – NS):

Lập kế hoạch xây dựng bộ máy, tổ chức trong Công ty.

Lập kế hoạch tuyển dụng, đánh giá, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ.

Tham mưu cho Giám đốc trong công tác quản lý, sắp xếp bố trí cán bộ, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng theo phân cấp. Quản lý và lưu trữ thông tin về hồ sơ lý lịch của người lao



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD
VPĐD: Tầng 7, Tòa nhà Việt Đức, Số 8 Tôn Đức Thắng, Phường Khai Quang,
Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc.



động. Chủ trì việc ký hợp đồng lao động, thỏa ước lao động, xây dựng nội quy, quy chế và chế độ tiền lương, bảo hiểm xã hội và các chế độ liên quan.

Lập kế hoạch thời gian làm việc của bộ phận làm việc tại văn phòng.

Lập kế hoạch về sinh hoạt, tổ chức các hoạt động khác của khối văn phòng.

Tổng hợp các thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động, soạn thảo, ban hành văn bản, chủ trì soạn thảo các văn bản liên quan nhiều lĩnh vực, các văn bản pháp quy của Công ty.

Các Ban chỉ huy Công trường: có nhiệm vụ thực hiện trực tiếp các công việc được giao, đảm bảo đúng thời gian tiến độ quy định. Hiệu quả thi công quyết định sự tồn tại và phát triển của Công ty. Vì vậy duy trì hoạt động có hiệu quả là yêu cầu quan trọng và nhiệm vụ chung cho tất cả các phòng ban trong Công ty.

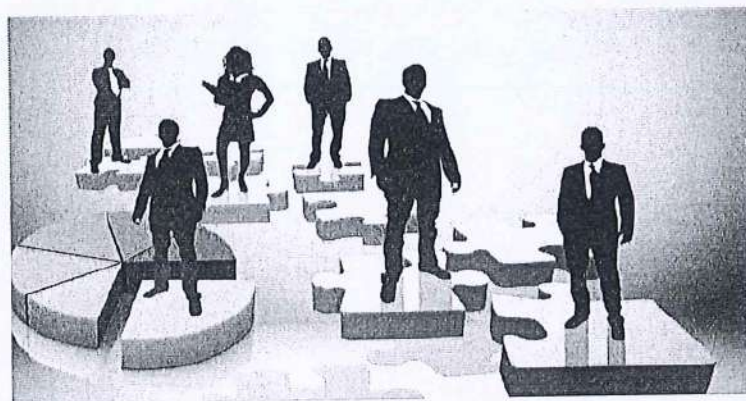
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ THƯƠNG MẠI DSD



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD
VPĐD: Tầng 7, Tòa nhà Việt Đức, Số 8 Tôn Đức Thắng, Phường Khai Quang,
Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc.



PHẦN IV: NHÂN SỰ CÔNG TY



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD
VPĐD: Tầng 7, Tòa nhà Việt Đức, Số 8 Tôn Đức Thắng, Phường Khai Quang,
Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc.



DANH SÁCH NHÂN SỰ CÔNG TY

STT	Họ và Tên	Chức danh	Trình độ chuyên môn
1	Nguyễn Văn Dương	Chủ tịch HĐQT	Cử nhân kinh tế
2	Nguyễn Ngọc Sơn	Tổng giám đốc	Kỹ sư xây dựng cầu đường
3	Nguyễn Hải Đăng	Phó tổng giám đốc	Kỹ sư xây dựng DD&CN
4	Nguyễn Quốc Việt	Phó tổng giám đốc	Kiến trúc sư
5	Cao Thị Thanh Hương	Kế toán trưởng	Cử nhân Quản trị kinh doanh
6	Bùi Thị Ninh	Kế toán viên	Cử nhân kinh tế
7	Trần Quang Hải	Trưởng phòng	Kỹ sư xây dựng cầu đường
8	Phùng Đắc Nguyên	Trưởng phòng	Kỹ sư xây dựng DD&CN
9	Phạm Hồng Sơn	Chỉ huy trưởng	Kỹ sư xây dựng cầu đường
10	Vũ Bá Vương	Chỉ huy trưởng	Kỹ sư xây dựng công trình ngầm đô thị
11	Hoàng Quốc Toàn	Chủ trì thiết kế	Kiến trúc sư
12	Hà Khương Duy	Cán bộ thiết kế	Kiến trúc sư
13	Ngô Thị Lan	Cán bộ QA&QC	Kỹ sư kinh tế xây dựng
14	Lê Công Tiến	Cán bộ kỹ thuật cơ điện	Kỹ sư điện – tự động hóa
15	Bùi Đức Thuận	Phụ trách ATLĐ, VSMT	Kỹ sư an toàn lao động
16	Vương Chí Hường	Cán bộ kỹ thuật	Kỹ sư xây dựng cầu đường
17	Phạm Quốc Thái	Cán bộ kỹ thuật	Kỹ sư xây dựng DD&CN
18	Nguyễn Văn Trường	Cán bộ kỹ thuật	Kỹ sư xây dựng DD&CN
19	Trần Quang Khải	Cán bộ kỹ thuật	Kỹ sư xây dựng DD&CN
20	Nguyễn Trọng Tuấn	Cán bộ kỹ thuật	Kỹ sư xây dựng cầu đường
21	Trần Hữu An	Cán bộ kỹ thuật	Kỹ sư công trình xây dựng



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Sơn



UNITED STATES SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

UNIVERSITY OF TRANSPORT AND COMMUNICATIONS

CỘNG-HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

BẢN SAO

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

Bridge and Highway Engineering

cấp

BẰNG KỸ SƯ

Xây dựng Cầu - Đường

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐƯỢC VỚI BẢN CHÍNH
Số đăng ký: ...
Ngày: 2 tháng 7 năm 2012
CHỦ TỊCH ỦY BAN KHAI LƯƠNG NAM TỐT NGHIỆP

Ông Nguyễn Ngọc Sơn
10/05/1986 Tại: Vinh Phúc

Upon: *Mr Nguyễn Ngọc Sơn*

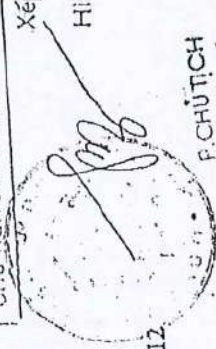
Date of birth: 10 May 1986 In: Vinh Phúc

Year of graduation: 2012

Degree classification: Average good

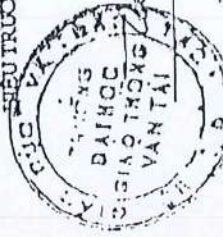
Mode of study: Full-time

Hanoi, 01 October 2012.



P. CHỦ TỊCH

Trần Văn Hoàng



Hanoi, ngày 01 tháng 10 năm 2012

HIỆU TRƯỞNG

Số hiệu: 270107

Số vào sổ cấp bằng: 41/K13VY

Reg. No: 41/K13VY

POSTS: Trần Đức Sĩ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

cấp

BẰNG KỸ SƯ

Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp

Cho: Ông NGUYỄN HẢI DANG

Ngày sinh: 08-11-1985

Năm tốt nghiệp: 2012

Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình khá

Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học

Hà Nội, ngày 02 tháng 05 năm 2012

HIỆU TRƯỞNG



Số hiệu: 089709

Số vào sổ cấp bằng: 33838

TS. Đỗ Đình Đức

DEMOCRATIC SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

HANOI ARCHITECTURAL UNIVERSITY

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

Civil Engineering

To: Mr. NGUYEN HAI DANG

Date of birth: 08-11-1985

Year of graduation: 2012

Degree classification: Average good

Mode of study: Part-time

Hanoi, 02nd May 2012



Reg. No.: 33838



17/3

THÔNG TIN CÁ NHÂN



Chữ ký của người
được cấp chứng chỉ.

Họ và tên: Nguyễn Hải Đăng

Ngày tháng năm sinh: 08/11/1985

Số CMTND (hoặc hộ chiếu): 026085004547

Cấp ngày: 16/03/2018 tại: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú
và DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Cơ sở đào tạo: Đại học kiến trúc Hà Nội

Hệ đào tạo: Vừa làm vừa học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng DD&CN

NỘI DUNG ĐƯỢC PHÉP HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật	II	Từ 02/03/2023 đến 02/03/2028

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2023





SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE PRESIDENT OF
NATIONAL ECONOMICS UNIVERSITY

has conferred

THE DEGREE OF BACHELOR
BUSINESS ADMINISTRATION

Upon: **GAO THI THANH HUONG**

Date of birth: 16 May 1981

Year of graduation: 2012

Degree classification: Ordinary

Mode of study: Part-time

Hanoi, 05 January 2012

Reg. No: 57787

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

cấp

BẰNG CỬ NHÂN
QUẢN TRỊ KINH DOANH

Cho: **GAO THI THANH HUONG**

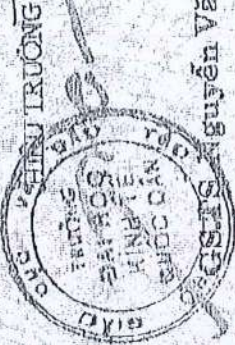
Ngày sinh: 16-05-1981

Năm tốt nghiệp: 2012

Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình

Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2012



Số hiệu: 200575 **GAO THI THANH HUONG** Nguyễn Văn Nam

Số vào sổ cấp bằng: 57787



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẰNG TỐT NGHIỆP
TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP

SỐ D 585476 / GD - ĐT



Vào số số 3221
Ngày 20 tháng 3 năm 2006

Theo quyết định số 114/QĐ-ĐH
ngày 12 tháng 3 năm 2006

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG: Cao Đăng
Linh tá: Đại tá tá... Thái Nguyên

Cấp cho Cao Thị Thanh Hương

Ngày sinh 16-5-1984
Nơi sinh Thái Nguyên
Ngành học Học kỹ thuật
Chuyên ngành Kế toán thanh toán
Khóa học 2005-2006
Hình thức đào tạo Tập trung
Tổ nghiệp hàng Công nghiệp

Ngày 20 tháng 3 năm 2006



Thực tá: Phan Minh Quang

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

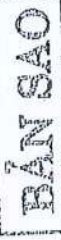


THE RECTOR
UNIVERSITY OF CIVIL ENGINEERING

confers

THE DECREE OF BACHELOR

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Kỹ sư Xây dựng

Upon: (Mr, Ms) TRAN QUANG HAI

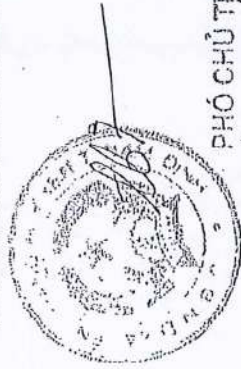
Born on: 22nd June 1987

Major in: Bridge and Road Engineering

Ranking: Ordinary

Mode of study: Full-time

CHỨNG THỰC
Bản sao đúng với bản chính
Số 40... Quyển số... C/... SCT/BS
Ngày 11... tháng 01... năm 2012



PHÓ CHỦ TỊCH
TRẦN VĂN TRÁNG

Serial number:
Reference number: 714/QĐ-ĐT
05-8-2011

Cho: TRẦN QUANG HAI

Giới tính: Nam

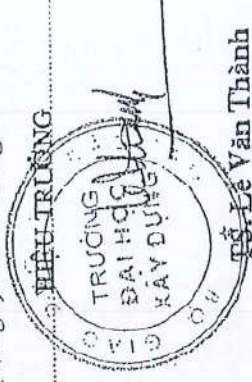
Ngày, tháng, năm sinh: 22/06/1987

Ngành đào tạo: Xây dựng Cầu đường

Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình

Hình thức đào tạo: Chính quy

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2011.



Số hiệu: A 000000

Số vào sổ cấp bằng: 714/QĐ-ĐT
05-8-2011



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐƯỢC CẤP
CHỨNG CHỈ**

1. Chỉ định nhân và thực hiện các công việc hoạt động xây dựng trong phạm vi cho phép của chứng chỉ này.
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và các pháp luật khác có liên quan.
3. Chịu trách nhiệm chấp hành, tuân thủ hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề.
4. Chăm sóc, sửa chữa chứng chỉ này.
5. Xuất trình lại cơ yếu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

**CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

Số: HNT-00152067

Đang hoạt động (Đã cấp) (Số cấp: 02/2022/05) (Đã cấp: 12/05/2022)



THÔNG TIN CÁ NHÂN



.....
Chữ ký của người được cấp
chứng chỉ

Họ và tên: **Trần Quang Hải**
Ngày tháng năm sinh: **22/06/1987**
Số CMTND (hoặc hồ chiếu) **036087001914** cấp
ngày **08/04/2016** Tại **Chi cục Cảnh sát ĐKQL cư trú**
và **DLQG về dân cư**
Quốc tịch: **Việt Nam**
Cơ sở đào tạo: **Đại học Xây dựng**
Hệ đào tạo: **Chính quy**
Trình độ chuyên môn: **Kỹ sư Xây dựng Cầu**
đường

Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng

TT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật	II	Từ 12/09/2022 đến 12/09/2027
2	Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông	II	Từ 12/09/2022 đến 12/09/2027



Hà Nội, ngày 12 tháng 09 năm 2022

T/M. HIỆP HỘI CÁC NHÀ THẦU
XÂY DỰNG VIỆT NAM
CHỦ TỊCH





HANOI INSTITUTE OF CADRE TRAINING AND IMPROVEMENT
VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ HÀ NỘI
Website: www.dtb.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ
CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG



(Chữ ký của người được cấp)

Cấp cho Ông/Bà: **TRẦN QUANG HẢI**

Sinh ngày: 22 - 06 - 1987

Quê quán: NAM ĐỊNH

Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ
Chỉ huy trưởng công trình xây dựng.

Từ 13/07/2022 đến 20/07/2022.

Kết quả học tập đạt loại: **Khá**

Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2022

KT. VIỆN TRƯỞNG
VIỆN TRƯỞNG
VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ HÀ NỘI, CHỦ NHẬN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

Trần Thu Hằng

Số: QĐ 10 - 035/2022/BDNV-CHT

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

THE RECTOR OF
THUY LOI UNIVERSITY

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

Major in: Civil Engineering

Upon: **Mr. PHUNG DAC NGUYEN**

Date of birth: 20 May 1994

Year of graduation: 2019

Degree classification: Ordinary

Mode of study: Full-time

Serial number: 494246

Reference number: 833.215.54C-XD1.2019

This is a true copy of the original Vietnamese document

Serial number of the copy: 833.215.54C-XD1.2019.BS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THUY LỢI

Cấp

BẰNG KỸ SƯ

Ngành đào tạo: Kỹ thuật công trình xây dựng

Cho: **Ông PHÙNG ĐẮC NGUYỄN**

Ngày sinh: 20/05/1994

Năm tốt nghiệp: 2019

Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình

Hình thức đào tạo: Chính quy

Số hiệu: 494246

Số vào sổ cấp bằng: 833.215.54C-XD1.2019

Sao từ sổ gốc tại Trường Đại học Thủy lợi

Hà Nội, ngày 25 tháng 2 năm 2019

KI. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THUY LỢI



GS.TS NGUYỄN TRUNG VIỆT

Số hiệu bản sao: 833.215.54C-XD1.2019.BS



SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

UNIVERSITY OF TRANSPORT AND COMMUNICATIONS

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

Bridge and Highway Engineering

Mr. Phạm Hồng Sơn

Date of birth: 20 October 1989 In: Hung Yen

Year of graduation: 2013

Degree classification: Ordinary

Mode of study: Full-time

Hanoi, 31 December 2013

Reg. No: 835/K49

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

cấp

BẰNG KỸ SƯ

Xây dựng Cầu - Đường

Ông Phạm Hồng Sơn

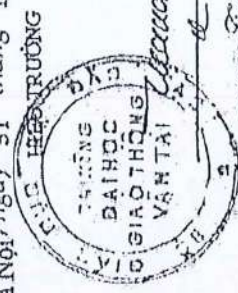
Ngày sinh: 20/10/1989 Tại: Hưng Yên

Năm tốt nghiệp: 2013

Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình

Hình thức đào tạo: Chính quy

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2013



Số hiệu: 180289

Số vào sổ cấp bằng: 835/K49

PGS.TS. Trần Đức Sĩ



CHỨNG TÍN CÁ NHÂN



Chức vụ: *Chức vụ*
Đơn vị: *Đơn vị*

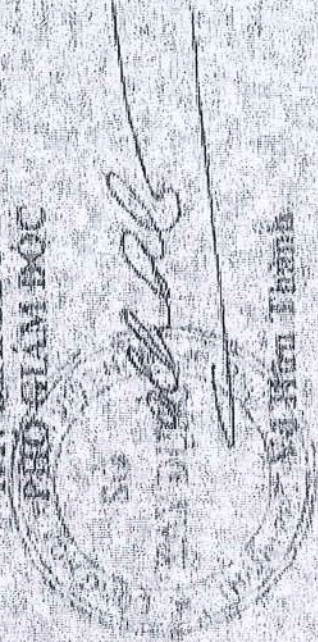
Họ và tên: Phạm Hồng Sơn
Ngày tháng năm sinh: 20/10/1989
Số CMND (hoặc hộ chiếu): 145140849
Cấp ngày: 28/05/2004 tại CA. Tỉnh Hưng Yên
Quốc tịch: Việt Nam
Cơ sở đào tạo: Đại học Giao thông vận tải
Hệ đào tạo: Đại học (chính quy)
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng Cầu -
Đường

**NỘI DUNG ĐƯỢC PHÉP
HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Giám sát công tác xây dựng công trình đường bộ, cầu.	II	Từ 02/8/2019 đến 02/8/2024

Hải Phòng, ngày 02 tháng 8 năm 2019

KI, GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



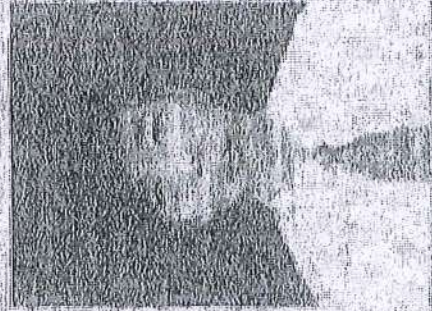
VIỆN QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ESC VIỆT NAM
Management Training Institute ESC Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI

CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH



Cấp cho Ông Bà: **PHẠM HỒNG SƠN**

Sinh ngày: **20/10/1989**

Nguyên quán: **Hùng Yên**

Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ

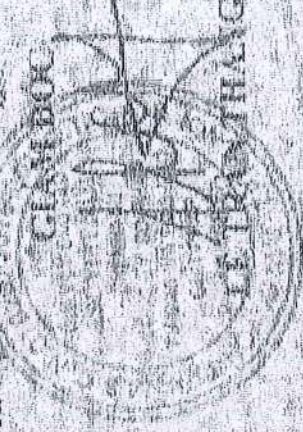
Chỉ huy trưởng công trình

Từ ngày **02** tháng **04** đến ngày **07** tháng **04** năm **2019**

Khá

Kết quả đạt loại: **08** tháng **04** năm **2019**

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2019



Số: 1111111111

DEMOCRATIC SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

HA NOI ARCHITECTURAL UNIVERSITY



has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

Urban Underground Engineering

Upon: **MR. VU BA VUONG**

Date of birth: **25 April 1991**

Year of graduation: **2014**

Degree classification: **Good**

Mode of study: **Full -time**

Hanoi, 09 July 2014

Reg. No.: **37929**

BẢN SẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

cấp

BẰNG KỸ SƯ

PHÒNG LƯƠNG CHÍNH SẾ T. HÀ NỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

Ngày: 7.07.2014

Số: B.37 Q.010.0

Cho: Ông **VŨ BÁ VƯƠNG**

Ngày sinh: **25-4-1991**

Năm tốt nghiệp: **2014**

Nếp loại tốt nghiệp: **Khá**

Hình thức đào tạo: **Chính quy**

Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2014

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIỆN

Nguyễn Chí Kiên

Số hiệu: **266428** PGS-TS. Vương Ngọc Lưu

Số vào sổ cấp bằng: **37929**



THÔNG TIN CÁ NHÂN



Chữ ký của người
được cấp chứng chỉ

Họ và tên: **Vũ Bá Vương**

Ngày tháng năm sinh: **25/4/1991**

Số CMTND (hoặc hồ chiếu): **163131057**

Cấp ngày: **16/7/2008** tại: **CA Hà Nội**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Cơ sở đào tạo: **Đại học Kiến trúc**

Hệ đào tạo: **Chính quy**

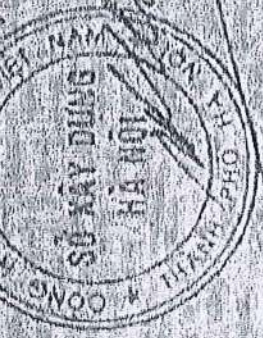
Trình độ chuyên môn: **Kỹ sư xây dựng công trình ngầm đô thị**

**NỘI DUNG ĐƯỢC PHÉP
HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình Dân dụng và Công nghiệp	III	Từ 27/10/2017 đến 27/10/2022

Hà Nội ngày 27 tháng 10 năm 2017

Giám đốc Sở Xây dựng Hà Nội



Lê Văn Đức

DEMOCRATIC REPUBLIC OF VIETNAM

THE RECTOR OF

NATIONAL UNIVERSITY OF CIVIL ENGINEERING

has conferred

THE DEGREE OF ARCHITECT

Architecture

Upon: *Ms.* HOANG QUOC TOAN

Date of birth: 09 May 1993

Year of graduation: 2016

Degree classification: Ordinary

Mode of study: Full-time

Hanoi, 21 October 2016

Reg. No: 2016/CQ/2338



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG

cấp

BẰNG KIẾN TRÚC SƯ

Kiến trúc

Cho: *Ông* HOANG QUỐC TOÀN

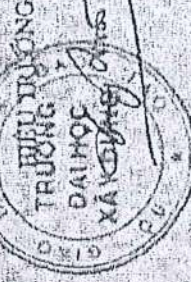
Ngày sinh: 09/5/1993

Năm tốt nghiệp: 2016

Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình

Hình thức đào tạo: Chính quy

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2016



Số hiệu: 0120/1

Số vào sổ cấp bằng: 2016/CQ/2338

PGS.TS Phạm Duy Hòa

THÔNG TIN CÁ NHÂN



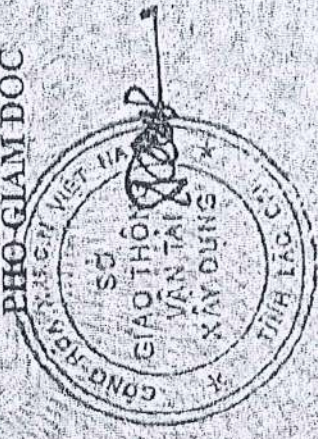
Chữ ký của người
được cấp chứng chỉ

Họ và tên: **Hoàng Quốc Toàn**
Ngày tháng năm sinh: **09/5/1993**
Số CMTND (hoặc hộ chiếu): **187 226 004**
Cấp ngày: **22/7/2020** Nơi cấp: **CA Nghệ An**
Quốc tịch: **Việt Nam**
Cơ sở đào tạo: **Trường ĐH Xây dựng Hà Nội**
Hệ đào tạo: **Chính quy**
Trình độ chuyên môn: **Kiến trúc sư**

**NỘI DUNG ĐƯỢC PHÉP
HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Giám sát công trình: Dân dụng công nghiệp và HTKT	III	Từ 07/4/2021 đến 07/4/2026.

Lào Cai, ngày 07 tháng 4 năm 2021
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Thọ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DEMOCRATIC REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG ĐỘI
cấp

THE RECTOR OF
DONG DO UNIVERSITY
has conferred

BẰNG KIẾN TRÚC SƯ
KIẾN TRÚC

THE DECREE OF ARCHITECT
ARCHITECTURE

Choi: Ông Hà Khương Duy

Upon: Mr. Ha Khuong Duy

Ngày sinh: 01 Tháng 01 năm 1996

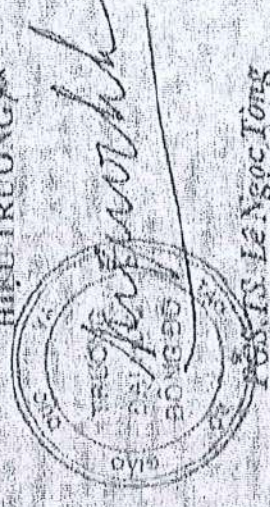
Date of birth: 01 January 1996

Hạng tốt nghiệp: *Khá*

Degree classification: *Good*

Hà Nội ngày 05 tháng 6 năm 2020
HIỆU TRƯỞNG

Hanoi, 05 June 2020



Số hiệu: 000013

Số vào sổ gốc cấp văn bằng: Đ1.20/170

Reg. No: Đ1.20/170

PGS.TS. Lê Ngọc Tông

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

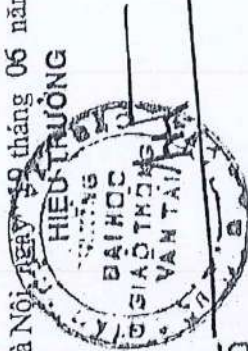
BẰNG KỸ SƯ
cấp

Kinh tế xây dựng

Cho: Bà Ngô Thị Lan
Ngày sinh: 05/09/1996 Tại: Nam Định
Năm tốt nghiệp: 2018
Xếp loại tốt nghiệp: **Giỏi**
Hình thức đào tạo: **Chính quy**

Hà Nội, ngày 19 tháng 06 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG



Số hiệu: D001125

Số vào sổ cấp bằng: 1048/K55 REG. IS. Nguyễn Ngọc Long

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness



THE RECTOR
OF THE UNIVERSITY OF TRANSPORT AND COMMUNICATIONS

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

In Construction Economics

Upon: Ms. Ngô Thị Lan
Date of birth: 05 September 1996 In: Nam Định
Year of graduation: 2018
Degree classification: **Very good**
Mode of study: **Full-time**

Hanoi, 19 June 2018

Serial number: D001125

Reg. No: 1048/K55

1238/QĐ-ĐHGTVT ngày 19 tháng 06 năm 2018



THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
 THAI NGUYEN UNIVERSITY OF TECHNOLOGY
 Campus
 THE DEGREE OF BACHELOR

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 HIỆU TRƯỞNG
 TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
 Campus
 BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC



CLASSE
 TITLE: ENGINEER

TRÌNH ĐỘ
 DANH HIỆU: KYSU

Export No (US) *Le Cong Tien*
 Born date: *05-01-1988*
 Major: *Electrical Engineering*
 Ranking: *Good*
 Mode of Study: *Full-time*
 Serial number: *0011314*
 Reference number: *9274*

Chức *Le Cong Tien*
 Giới tính *Nam*
 Ngày, tháng, năm sinh: *05-01-1988*
 Ngày cấp bằng: *Điện - Tự động hoá KNCN*
 Xếp loại tốt nghiệp: *Khá*
 Hình thức đào tạo: *Chính quy*
 Số báo: *0011314*
 Số báo cấp bằng: *9274*

Thời Nhận, ngày 25 tháng 6 năm 2011
 Học Trường
 (46/47)

PGS.TS Nguyễn Đức Bình

Số báo cấp bằng
 Thái Nguyên, ngày 25 tháng 6 năm 2011
 Hiệu Bằng Trường

ES0 số xác bằng: 02

2215484

PGS.TS Nguyễn Như Hiền

DEMOCRATIC SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc



RECTOR

THE SAIGON INTERNATIONAL COLLEGE

has conferred

CERTIFICATE

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG CẤP QUỐC TẾ SÀI GÒN

Cấp

CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO

Upon: Mr. Bui Duc Thuan

Cho: Bùi Đức Thuận

Date of birth: 18 Mar 1985

Ngày sinh: 18/03/1985

Completed training program:

Đã hoàn thành chương trình đào tạo:

LABOUR AND ENVIRONMENTAL PROTECTION

BẢO HỘ LAO ĐỘNG VÀ MÔI TRƯỜNG
(GIÀM SÁT AN TOÀN LAO ĐỘNG)

Course duration: 90 days, from 22/11/2019 to 22/02/2020

Thời gian học: 90 ngày, từ 22/11/2019 đến ngày 22/02/2020

At HCMC

Tại HCMC



HCMC, 28 Feb 2020

TP Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2020

KI. HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG



Reg. No: 000828/DTHH20

Số hiệu: 000828/DTHH20

Số vào sổ cấp chứng chỉ: 000828

Cao Văn Uyên



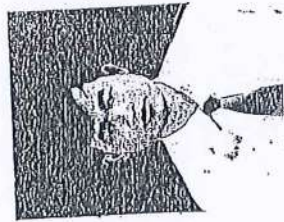
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường
ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TÀI.....

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo CHÍNH QUY
ngành.....*Xây dựng Cầu đường*.....
hạng.....*Khá*..... năm tốt nghiệp *2008*.....
và công nhận danh hiệu



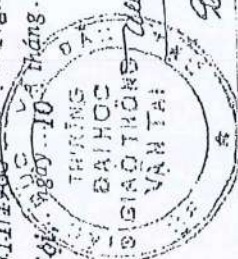
.....*Họ và Tên: Nguyễn Văn Cường*.....
Nguyễn Văn Cường.....

cho.....
sinh ngày.....*16/11/1983*..... tại.....*Nghệ An*.....

Hà Nội ngày.....*10* tháng.....*06* năm.....*2008*
THƯỜNG ĐẠI HỌC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TÀI

Hiệu trưởng
Khoa trưởng

Trần Đức Giu



Số vào sổ

1097144

Số hiệu bằng

A 0156062

Chữ ký của người được cấp bằng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TÀI

CHUNG THỰC

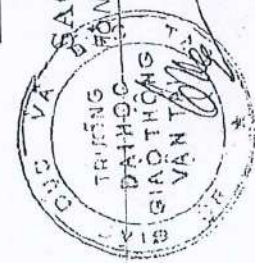
SAO ĐÚNG BẢN CHÍNH

Hà Nội, ngày.....*05* tháng.....*9* năm.....*2008*

TL. HIỆU TRƯỞNG - KT. TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG HCHT

Lê Thị Bích Thủy





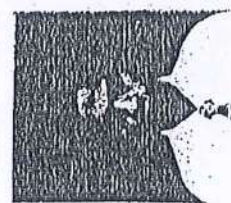
BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành
theo quyết định số 1994/QĐ-DH ngày 23-11-1990 của
Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường

Đại Học Xây Dựng
.....
cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC



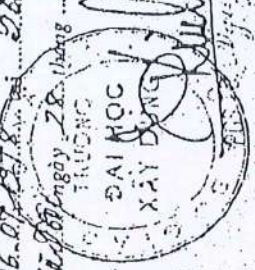
loại hình đào tạo CHINH QUY
ngành *Xây dựng dân dụng và công nghiệp*
hạng *Khả* năm tốt nghiệp *2008*

và công nhận danh hiệu

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHỮ
Số vào sổ
Số chứng thư
Ngày: 29-11-2008

Số hiệu bằng
B.02.71.084

Ngô Văn Dũng
cho *Phạm Quốc Châu*
sinh ngày *26-07-1978* tại *Nam Định*
Hà Nội ngày *28 tháng 6 năm 2008*



Chữ ký của người đại diện pháp nhân PHÙNG NGHĨA TÂN
Hiệu trưởng
CHỦ TỊCH Khoa trưởng
Nguyễn Minh Hải

Nguyễn Minh Hải

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

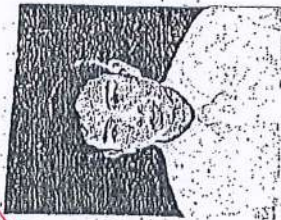
Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành
theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của
Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường
Đại học Giao thông vận tải

**BẰNG TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC**

Loại hình đào tạo CHÍNH QUY
ngành *xây dựng Đường bộ*
hạng *Đặc* năm tốt nghiệp 2003
và công nhận danh hiệu

Số hiệu bằng
B 472052

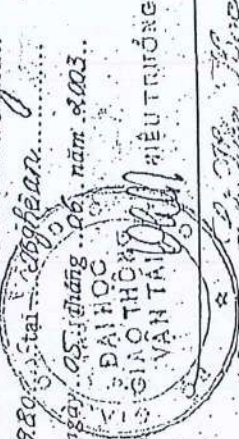
Số vào sổ
223.39



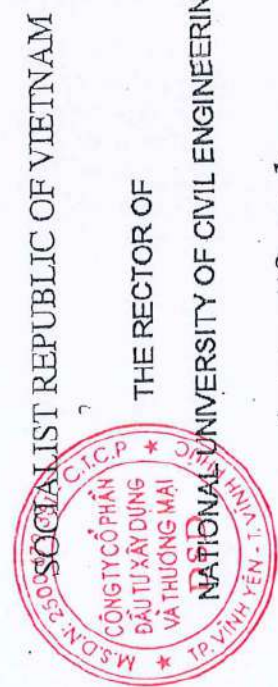
cho *Nguyễn Văn Đường*
sinh ngày *07.11.1980* tại *Hà Nội*
Việt Nam ngày *05. tháng 06* năm *2003*

Chữ ký của người được cấp bằng
Nguyễn Văn Đường Hiệu trưởng
Chứng thực bản sao đúng với bản chính.
Số chứng thực **276** Khoa trưởng
Quyển số **07SCT/BL**

Ngày **16** tháng **08** năm **2008**



PHÓ CHỦ TỊCH
Hà Anh Tuấn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG

has conferred
THE DEGREE OF ENGINEER

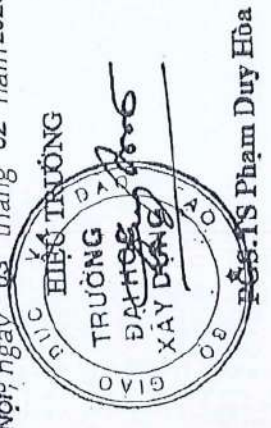
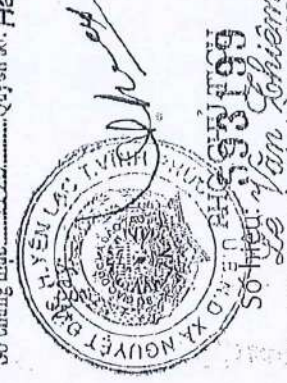
Kỹ thuật công trình xây dựng

Civil Engineering

Upon: **Mr. TRAN QUANG KHAI**
Date of birth: **21 August 1997**
Year of graduation: **2020**
Degree classification: **Ordinary**
Mode of study: **Full - time**
Hanoi, 03 February 2020

Cho: **Ông TRẦN QUANG KHAI**
Ngày sinh: **21 / 8 / 1997**
Năm tốt nghiệp: **2020**
Xếp loại tốt nghiệp: **Trung bình**

Hình thức đào tạo: **Chính quy**
CHỨNG THỰC ĐÀO TẠO ĐẠT HẠNG ĐỘ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ THI VÀO LỚP HỌC
Số chứng thực: **936**..... Quận số: **HÀ NỘI**, ngày **03** tháng **02** năm **2020**



Reg. No: 2020/CQ/241

Số vào sổ cấp bằng: 2020/CQ/241



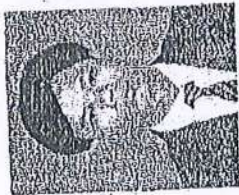
BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC



loại hình đào tạo TẠCHỨC
ngành *Trang thiết bị xây dựng*
hạng năm tốt nghiệp 2000

và công nhận danh hiệu

Kỳ اول. Ngày đùng sáu tháng

Số vào sổ

Số hiệu bằng

C 79602

HUNG THUC BAN SAO ĐÙNG VỚI BẢN CHÍNH

ở chứng thực: 5 3 Quyển số 1

Chữ ký của người được cấp bằng

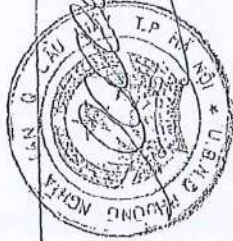
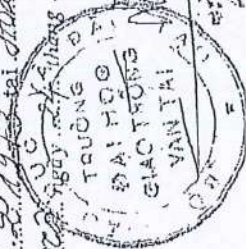
Ngày: 13 -03- 2009

Hiệu trưởng

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG NGHĨA TÂN
Khoa trưởng

Nguyễn Trọng Quan

Hiệu trưởng ngày 13 tháng 3 năm 2000



PHÓ CHỦ TỊCH
Phạm Hoài Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG

cấp

BẰNG KỸ SƯ

Kỹ thuật công trình xây dựng

Cho: Ông **TRẦN HỮU AN**

Ngày sinh: 15/10/1992

Năm tốt nghiệp: 2015

Xếp loại tốt nghiệp: Khá

Hình thức đào tạo: Chính quy

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
XÂY DỰNG



PGS.TS Phạm Duy Hòa

Số hiệu: 254214

Số vào sổ cấp bằng: 2015/CQ/763

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE RECTOR OF

NATIONAL UNIVERSITY OF CIVIL ENGINEERING

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

Civil Engineering

Upon: *Ms.* **TRAN HUU AN**

Date of birth: 15 October 1992

Year of graduation: 2015

Degree classification: Good

Mode of study: Full - time

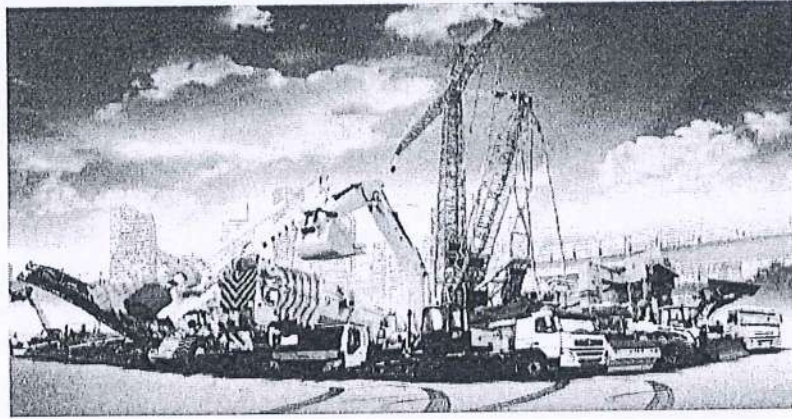
Hanoi, 06 March 2015



Reg. No: 2015/CQ/763



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD
VPĐD: Tầng 7, Tòa nhà Việt Đức, Số 8 Tôn Đức Thắng, Phường Khai Quang,
Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc.



PHẦN V: THIẾT BỊ MÁY MÓC



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD
 VPDD: Tầng 7, Tòa nhà Việt Đức, Số 8 Tôn Đức Thắng, Phường Khai Quang,
 Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc.



BẢNG KÊ KHAI MÁY MÓC, THIẾT BỊ THI CÔNG

STT	Loại máy móc thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Nước sản xuất
I	Máy xúc				
1	DOOSAN (bánh lốp)	cái	1	DL06-V 1,05m ³	Hàn Quốc
2	KOBELCO (bánh xích)	cái	1	SK210NLC – 6ES –V 0,8m ³	Nhật Bản
3	KOMATSU (bánh xích)	cái	1	PC200-8-AC V 0,5~1,17m ³	Nhật Bản
4	KOMATSU (xúc lật)	cái	1	WA300-3E V - 2,5m ³	Nhật Bản
5	KOMATSU (bánh xích)	cái	1	PC350-8M0 V – 1,4m ³	Nhật Bản
II	Máy ủi				
1	KOMATSU	cái	1	70CV	Nhật Bản
2	KOBELCO	cái	1	70HP	Nhật Bản
III	Máy lu				
1	Lu rung KOMATSU	cái	1	16T	Nhật Bản
2	Lu rung SAKAI	cái	1	8T	Nhật Bản
IV	Ô tô, cần cẩu				
1	Xe tải tự đổ CHEN LONG	xe	3	13T	Trung Quốc
2	Xe tải tự đổ CNHTC	xe	2	13T	Trung Quốc
3	Xe tải tự đổ CHEN LONG	xe	1	10T	Trung Quốc
4	Xe tải tự đổ CNHTC	xe	1	5T	Trung Quốc
V	Thiết bị khảo sát, đo đạc				
1	Máy thủy chuẩn	cái	2		Nhật Bản
2	Máy thủy bình	cái	1		Nhật Bản
3	Máy toàn đạc điện tử	cái	2		Nhật Bản
4	Máy Laser	cái	5		Nhật Bản



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD
VPĐD: Tầng 7, Tòa nhà Việt Đức, Số 8 Tôn Đức Thắng, Phường Khai Quang,
Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc.



STT	Loại máy móc thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Nước sản xuất
VI	Thiết bị khác				
1	Máy trộn bê tông	cái	6	250L	Việt Nam
2	Đầm dùi	cái	10	1.5kW/220V	Việt Nam
3	Máy bơm nước Pentax	cái	5	750W	Hàn Quốc
4	Máy cắt, uốn sắt	cái	2	380V	Việt Nam
5	Máy phát điện	cái	2	7kW	Nhật Bản

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ THƯƠNG MẠI DSD



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Sơn



BỘ GTVT
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số **1093** **XSKD**
GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DỤNG

Tên chủ sở hữu: **LÊ THÀNH CÔNG**
Tên đồng chủ sở hữu: _____
Địa chỉ: **Kim Long, Tam Dương, Vĩnh Phúc**
Tên xe máy chuyên dụng: **Máy đào bánh lốp**
Biển số đăng ký: **88LA-0482**



ĐẶC ĐIỂM

Nhãn hiệu: DOOSAN Màu sơn: ĐỎ CAM
Nước sản xuất: HÀN QUỐC
Số động cơ: DL06102951EH Số khung: DHKCEWAEIIB5006268
Công suất động cơ: 121 KW Trọng lượng: 19900 kg
Kích thước bao (dài x rộng x cao): 9315x2498x3900 mm

Ngày 30 tháng 03 năm 2022

SỞ QUẢN VINH PHÚC

(Ký tên, đóng dấu)

HOANG LONG BIEN

Hoàng Long Biên

- Đăng ký lần đầu:
- Sang tên chủ sở hữu:
- Cấp lại đăng ký:
- Mất chứng từ gốc:



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH TƯ VẤN
VÀ HUẤN LUYỆN AN TOÀN VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 17, ngõ 36 phố Lựu, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội
VXIĐ: P.301 Tòa CT1-X2 Hồ Chí Minh, P. Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội *024 6680 2188
VPHĐ Hà Nam Tố 9, P. Quang Trung, TP. Phủ Lý, T. Hà Nam *0986 977 550
VPHĐ Hà Tĩnh Đường: Số 11 Tạ Hữu Thạch, P. Hà Tân, TP. Hà Tĩnh *0916 882 912

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM TRA KỸ THUẬT

Inspection Certificate

Số (No):4.15... /KT-KĐVN/22

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Công ty CP kiểm định tư vấn và huấn luyện an toàn Việt Nam

CÔNG TY KIỂM ĐỊNH VSIT CHỨNG NHẬN
CERTIFICATE OF VSIT

Tên thiết bị/(Name of Equipment):	Máy đào bánh xích
Mã hiệu/(Model No)	KOBELCO SK210NLC-6ES
Số máy/(Engine No):	6D34106193
Số khung/(Chassis No):	YQ1005705
Nhà chế tạo (Manufacturer):	JAPAN
Năm sản xuất (Manufacturer year):	2005
Đơn vị sử dụng/(Using unit):	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XNK PHÚC THAI
Địa chỉ/(Address):	20 Hào Nhai, Quận Bà Định, Hà Nội
Địa chỉ lắp đặt (Project address):	Thiết bị vận động công trường
Công dụng/(Usage):	Đào, xúc đất, vật liệu
Ngày kiểm tra/(Date of inspection):	07/04/2022

I - CÁC ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT CƠ BẢN (BASIC CHARACTERISTICS):

- Dung tích gầu (Bucket capacity): 0,8 m³
- Kiểu gầu (Bucket Type) : Gầu nghếch
- Chiều cao đổ vật liệu lớn nhất (Dump height, max) : 6790 mm
- Bán kính đào lớn nhất (Digging reach, max): 9900 mm
- Kích thước bao (Overall Dimension) LxWxH: 9410x3000x2930 mm
- Vận tốc di chuyển (max) : 6,9 km/h
- Trọng lượng bản thân (Curb weight): 20400 kg
- Công suất động cơ/Tốc độ quay (Engine Power/rpm): 110/2000 kW/rpm

CHÍNH THỨC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
NGÀY: 07/11/2022

II - KẾT LUẬN:

Thiết bị đã được kiểm tra kỹ thuật, các thông số kỹ thuật đạt yêu cầu theo thiết kế của nhà chế tạo. Thiết bị đã được kiểm tra và chấp nhận đưa vào sử dụng.

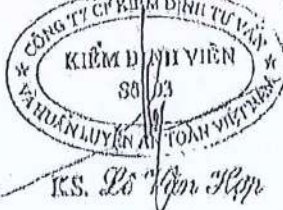
Equipment has been technical inspected, Characteristics according to requirements of the manufacturer to put into operation.

Tem kiểm tra số: 000882

Có giá trị đến ngày (This Certificate is valid until): 07/04/2023

KIỂM ĐỊNH VIÊN

Inspector



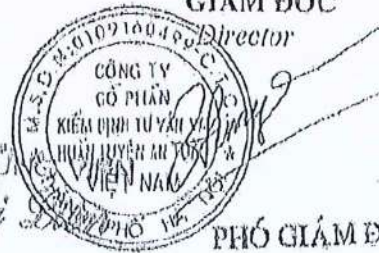
K.S. Lê Văn Hợp



Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2022

GIÁM ĐỐC

Director



PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Văn Hoàng



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH TƯ VẤN
VÀ HUẤN LUYỆN AN TOÀN VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 17, ngõ 36 phố Lụa, Phường Văn Phúc, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội
VPDD: P.304 Tòa CT1-X2 Đắc Linh Đán, P.Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội *024 6680 2188
VPDD Hà Nam: Tả 9, P.Quang Trung, TP. Phủ Lý, T. Hà Nam *0986 977 550
VPDD Hải Dương: Số 18 Tô Hiến Thành, P.Hải Tân, TP. Hải Dương *0986 882 972

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM TRA KỸ THUẬT

Inspection Certificate

Số (No):**4.77**..... /KT-KĐVN/22

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Công ty CP kiểm định tư vấn và huấn luyện an toàn Việt Nam

**CÔNG TY KIỂM ĐỊNH VSIT CHỨNG NHẬN
CERTIFICATE OF VSIT**

Tên thiết bị/(Name of Equipment): **Máy xúc đào bánh xích**
 Mã hiệu/(Model No) **KOMATSU PC200-8-AC**
 Số máy/(Serial No): **352377**
 Số khung/(Chassis No): **KACC 3759**
 Nhà chế tạo (Manufacturer): **JAPAN**
 Năm sản xuất (Manufacturer year): **2011**
 Đơn vị sử dụng/(Using unit): **TỔNG CÔNG TY THÀNH AN**
 Địa chỉ/(Address): **141 Hồ Đắc Di, Nam Đồng, Đống Đa, Hà Nội**
 Địa chỉ lắp đặt (Project address): **Thiết bị lưu động công trường**
 Công dụng/(Usage): **Đào, xúc đất, vật liệu**
 Ngày kiểm tra/(Date of inspection): **07/04/2022**

I - CÁC ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT CƠ BẢN (BASIC CHARACTERISTICS):

- Dung tích gầu (Bucket capacity): **0,5-1,17 m³**
- Kiểu gầu (Bucket Type): **Gầu nghịch**
- Kích thước bao(Overall Dimenston)LxWxH: **9425x2800x3040 mm**
- Vận tốc di chuyển (max): **5,5 km/h**
- Trọng lượng bản thân(Curb weight): **15300 kg**
- Công suất động cơ/Tốc độ quay (Engine Power/rpm): **110 KW**

II - KẾT LUẬN:

Thiết bị đã được kiểm tra kỹ thuật, các thông số kỹ thuật đạt yêu cầu theo thiết kế của nhà chế tạo. Thiết bị đủ điều kiện để đưa vào sử dụng.

Equipment has been technical inspected. Characteristics according to requirements of the manufacturer to put into operation.

Tem kiểm tra số: 000884

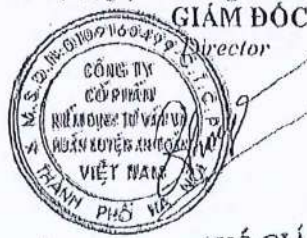
Có giá trị đến ngày (This Certificate is valid until): 07/04/2023

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2022

KIỂM ĐỊNH VIÊN



GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Văn Hương



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH TƯ VẤN
VÀ HUẤN LUYỆN AN TOÀN VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 17, ngõ 36 phố Lửa, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội
VPGD: P304 Tòa CT1-X2 Bắc Linh Đàm, P. Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội *024 6680 2188
VPDD Hà Nam: Tô 9, P. Quang Trung, TP. Phủ Lý, T. Hà Nam *0986 977 550
VPDD Hải Dương: Số 18 Tô Hiến Thành, P. Hải Tân, TP. Hải Dương *0986 882 977

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM TRA KỸ THUẬT

Inspection Certificate

Số (No):4.76... /KT-KĐVN/22

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Công ty CP kiểm định tư vấn và huấn luyện an toàn Việt Nam

**CÔNG TY KIỂM ĐỊNH VSIT CHỨNG NHẬN
CERTIFICATE OF VSIT**

Tên thiết bị/(Name of Equipment):	Máy xúc lật
Mã hiệu/(Model No)	KOMATSU WA300-3E
Số máy/(Serial No):	53212
Số khung/(Chassis No):	N/A
Nhà chế tạo (Manufacturer):	JAPAN
Năm chế tạo/(Year of manufacture):	/
Đơn vị sử dụng/(Using unit):	TỔNG CÔNG TY THANH AN
Địa chỉ/(Address):	141 Hồ Đắc Di, Nam Đồng, Đống Đa, Hà Nội
Công dụng/(Usage):	Xúc, đổ vật liệu
Ngày kiểm tra/(Date of inspection):	07/04/2022

I - CÁC ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT CƠ BẢN (BASIC CHARACTERISTICS):

- Dung tích gầu (Bucket capacity): 2,5 m³
- Chiều cao đổ vật liệu lớn nhất (Dump height, max): 2780 mm
- Vận tốc di chuyển (max): 35 km/h
- Kiểu động cơ (Kind of montley): Diesel, S6D108E-2-A
- Công suất động cơ/Tốc độ quay (Engine Power/rpm): 165 PS
- Kích thước bao(Overall Dimenston)LxWxH: 7290x2685x3235 mm
- Trọng lượng bản thân(Curb weight): 12950 kg

II - KẾT LUẬN:

Thiết bị đã được kiểm tra kỹ thuật, các thông số kỹ thuật đạt yêu cầu theo thiết kế của nhà chế tạo. Thiết bị đủ điều kiện để đưa vào sử dụng.

Equipment has been technical inspected, Characteristics according to requirements of the manufacturer to put into operation.

Tem kiểm tra số: 000883

Có giá trị đến ngày (This Certificate is valid until): 07/04/2023

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2022

KIỂM ĐỊNH VIÊN

Inspector:



KS. Lê Văn Hợp

GIÁM ĐỐC

Director



PHÓ GIÁM ĐỐC

Lorain Văn Hương



BẢN SAO

BỘ GTVT **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số 05425 /XMCD
GIẤY CHỨNG NHẬN
DĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DỤNG

Tên chủ sở hữu: **CTY TNHH DT XD&DV TM TRƯỜNG HÙNG**
Tên đồng chủ sở hữu:
Địa chỉ: **SỐ 39/142, PHÚ VIÊN P. HỒ ĐỀ, Q. LB.HN**
Tên xe máy chuyên dụng: **MÁY ĐÀO BÀN H XICH**
Biển số đăng ký: **29XA-1552**

ĐẶC ĐIỂM

Nhãn hiệu: **KOMATSU** Màu sơn: **VÀNG**
Nước sản xuất: **NHẬT BẢN**
Số động cơ: **6D11426875658** Số khung: **247VHC081264**
Công suất động cơ: **194KW** Trọng lượng: **32600** kg
Kích thước bao (dài x rộng x cao): **1140x3190x3285** mm

Ngày 23 tháng 08 năm 2018
Số GTVT: **Hà Nội**
(ký tên đồng đầu)
VIỆT GIAM ĐÓNG
VII HIA

- Đăng ký lần đầu:
- Sang tên chủ sở hữu:
- Cấp lại đăng ký:
- Mất chứng từ gốc:

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

12-12-2020

Số chứng thực: **6992** quyển số **12** SCT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH
Trần Mạnh Tuấn

BẢN SAO

CỤC DĂNG KIỂM VIỆT NAM
CHI CỤC DĂNG KIỂM SỐ 1-CN HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số (No): 00165/20-CC1-HSB



GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM TRA AN TOÀN KỸ THUẬT
VE LA BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, XE MÁY CHUYÊN DỤNG TRONG KHAI THÁC SỎ
(Inspection certificate of technical safety and environmental protection for used TCM)

Chủ sở hữu (Owner): Công ty TNHH đầu tư xây dựng và dịch vụ thương mại Trường Hưng

Địa chỉ (Address): Số 39/142 Phố Phú Viên, P. Bồ Đề, Q. Long Biên, TP Hà Nội

Tên XMCD: Máy đào bánh xích

Năm, nước sản xuất: 2017, Nhật

Name of TCM

Production Year and Country

Nhãn hiệu (Trade mark): KOMATSU

Số loại (Model code): PC350-8M0

Số khung: KMTPC247VHC081264

Số động cơ: 6D11426875658

Biển đăng ký: 29XA-1552

Chassis Number

Engine Number

Registration Number

Ký hiệu nhận dạng TB nâng:

Số quản lý phương tiện: CC1-HSB-00380

Lifting device identification mark

Identification number

biên bản KT: 00302/20/B-CC1-HSB

Nơi kiểm tra: Hà Nội

Ngày kiểm tra: 22/09/2020

Inspection Report Number

Place of inspection

Date of inspection

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN (Major technical specifications)

Khối lượng bản thân (Kerb mass): 32600 kg

Kích thước bao (Overall dimensions LxWxH): 11140x3190x3285 mm

Vận tốc di chuyển lớn nhất: 5,5 km/h

Loại động cơ: 4 kỳ, 6 xi lanh thẳng hàng

Maximum travelling speed

Engine type

Ký hiệu động cơ: SAA6D144E-3

Loại nhiên liệu: Diesel

Engine model

Fuel

Công suất lớn nhất của động cơ/số vòng quay (Maximum engine output/rpm): 194,0/1950 kW/vòng/phút

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG (Special technical specifications)

Thể tích gầu (Bucket capacity): 1,4 m³

1,4 m³

Kiểu gầu (Bucket type): Nghịch

Nghịch

Bán kính đào lớn nhất (Max digging reach): 11100 mm

11100 mm

Chiều cao đổ lớn nhất (Max dumping clearance): 7050 mm

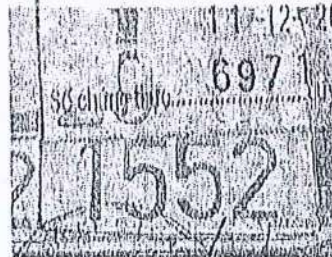
7050 mm

Xe máy chuyên dùng đã được kiểm tra và đạt chất lượng an toàn kỹ thuật theo các quy định hiện hành.

The TCM has been inspected and satisfied with the quality, technical safety requirements of the present regulations.

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến hết ngày (This Certificate is valid until): 21/09/2021

Chú chú (Remarks): Thực hiện: Quy định của Bộ Công Thương và phải xin phép lưu hành theo thông tư số 46/2015/TT-BCT ngày 7/9/2015



Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2020

(day, month, year)

Đơn vị kiểm tra



GIÁM ĐỐC

Đinh Quốc Vinh

PHÓ CHỦ TỊCH

Số CT: 0041604

BẢN SAO



BỘ GTVT **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số **0046/XA14** /XMCD

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DỤNG

Tên chủ sở hữu: **CÔNG TY TNHH XD&TM ĐỨC DƯƠNG**

Tên đồng chủ sở hữu:

Địa chỉ: **P. Minh Nông - TP. Việt Trì - T. Phú Thọ**

Tên xe máy chuyên dụng: **MÁY ỦI BÀNH XÍCH**

Biển số đăng ký: **19XA-0794**

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MINH NÔNG

CHỨNG THỰC

Ngày: **29-09-2022**

Số: **3511** QUYỀN BỎI: **02** SCT/BS
HÀN SẠC NÀY ĐÚNG BẢN CHÍNH
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG

ĐẶC ĐIỂM

Nhãn hiệu: **KOBELCO** Mẫu sơn: **Vàng**

Nước sản xuất: **Nhật Bản**

Số động cơ: **95L-53477** Số khung: **P18-41138**

Công suất động cơ: **70 HP** Trọng lượng: **6800 kg**

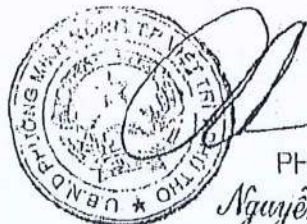
Kích thước bao (dài x rộng x cao): **3940x2875x2730**

Ngày: **4 tháng 11 năm 2014**

Số GTVT: **Phù Thọ**
(ký tên, đóng dấu)

PHÓ CHỦ TỊCH

- Đăng ký lần đầu:
- Sang tên chủ sở hữu:
- Cấp lại đăng ký:
- Mất chứng từ gốc:



PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Xuân Trường



BỘ GTVT ***** CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số 0007/XA14 /XMCD
GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DỤNG

Tên chủ sở hữu: CTY TNHH XD&TM ĐỨC DƯƠNG
Tên đồng chủ sở hữu:
Địa chỉ: P. Minh Nông - TP. Việt Trì - T. Phú Thọ
Tên xe máy chuyên dùng: MÁY ỦI
Biển số đăng ký: 19XA-0488

ĐẶC ĐIỂM

Nhãn hiệu: KOMATSU Màu sơn: Vàng
Nước sản xuất: Nhật Bản
Số động cơ: 102927 Số khung: 44590
Công suất động cơ: 70 CV Trọng lượng: 6700 kg
Kích thước bao (dài x rộng x cao): 3850x2870x2730

Ngày 10 tháng 4 năm 2014

TP. Vinh Yên - T. Phú Thọ

(Đã ký tên đóng dấu)

CHỖ GIẢM ĐỐC
HÀNH VIÊN TRUNG

- Đăng ký lần đầu:
- Sang tên chủ sở hữu:
- Cấp lại đăng ký:
- Mất chứng từ gốc:

HÓA ĐƠN GIẢ TRỊ GIẢ TĂNG

Mẫu số: 01/GTKIS/001
 Ký hiệu: DN/18P
 Số: 0000050



Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀN TẠI ĐỨC NAM
 Mã số thuế: 0106466778
 Địa chỉ: Tô 10, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 Điện thoại: 0982242276 Email: songtyducnam1@gmail.com
 Số tài khoản: 114000118868 tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Quang Minh

Họ tên người mua hàng:
 Tên đơn vị: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Đức Dương
 Địa chỉ: Đường 10, Thị trấn Mê Linh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 Số tài khoản:
 Hình thức thanh toán: CK

Mã số thuế: 260108886116

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
2	Khay Lưang Saker Model PV160 D	can	01	281.818.182	281.818.182

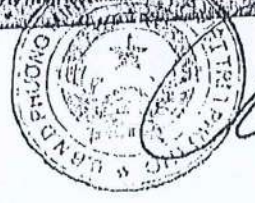
ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỚC MINH NÔNG
CHUNG THỰC
 Ngày: 29-10-2022
 SỐ QUẢN LÝ: 22... SQT/BS
 BAN SĄC NAY ĐUNG BAN CHINH
 TM ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỚC.

Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 28.181.818
 Tổng cộng tiền thanh toán: 310.000.000

Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm mười triệu chẵn

Người mua hàng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
 (Ký, ghi rõ họ tên)



PHÓ CHỦ TỊCH
 Nguyễn Xuân Cường

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

BẢN SAO

Mẫu số: 01GTK/3/001

Ký hiệu: DN/14P

Số: 0000089

Loại 2: Giao người mua

Ngày 14 tháng 9 năm 2022



Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI ĐỨC NAM

Mã số thuế: 0106466778

Địa chỉ: Tổ 10, thị trấn Quảng Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: Fax:

Số tài khoản: Tài ngân hàng:

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Đức Dương

Mã số thuế: 2600888616

Địa chỉ: Khu MNB Bot, P. Minh Nông, TP. Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

Hình thức thanh toán: CK

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy xúc đất COMATSU JV 100 21	Chiếc	01	131.182.182	131.182.182

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MINH NÔNG
CHỨNG THỰC
Ngày: 29-09-2022
Số: 35/23 QUYÊN SỐ: 02 SCT/BS
HÃN SAO NÀY ĐÚNG BẢN CHÍNH
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG

Cộng tiền hàng: 131.182.182
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 13.118.218
Tổng cộng tiền thanh toán: 144.300.399

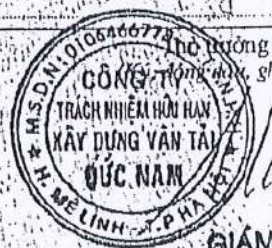
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm không ba trăm chín mươi chín đồng chẵn

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)

[Signature]

Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)

[Signature]

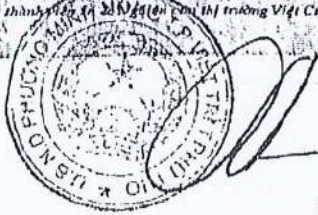


GIÁM ĐỐC

[Signature]

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

In tại Công ty TNHH Mọi thành viên tại 35/23 Đường Lê Thị Trường Việt Cường - ĐT: 04. 37820797 - MST: 0101948880



PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Xuân Cường



Tên chủ xe (Owner's full name):

CTY TNHH TMXD VÀ VT VIỆT LÊ



Địa chỉ (Address):

Khu Chợ, Kim Long, Tam Dương, VP

Nhãn hiệu (Brand): CHENGLONG Số loại (Model code): LZ3253QDJ

Số máy (Engine N°): YC6M37533MC1L1D00851

Số khung (Chassis N°): LGGX4DD36DL845747

Màu sơn (Color): Đỏ

Số chỗ ngồi (Sit): 2

Hoạt động trong phạm vi:

Biển số đăng ký

(N° plate)

(T)

88C-151.69

Giá trị đến ngày

(Date of expiry): 31/12/2038

Vinh Phúc, ngày 22 tháng 09 năm 2021

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom - Happiness

CÔNG AN TỈNH VINH PHÚC

Vinh Phúc Province's Public security

PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG

The traffic police Division

CHỨNG NIỆN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ

Car Registration Certificate

Số (Number): 88 009166

CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers need to be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông, phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

When operating a vehicle in traffic, the certificate of inspection must be displayed. Return certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Center.

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward etc.

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

During two consecutive inspections, perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition.

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

When changing, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No., ... the concerned inspection Center (Metnam-Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.

5. Xe xảy ra tai nạn giao thông dẫn đến không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.

6. Giấy chứng nhận kiểm định không sử dụng làm căn cứ khi chuyển nhượng phương tiện.

A certificate of inspection should not be used as a basis for transferring vehicle.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM
MOT - Vietnam Register



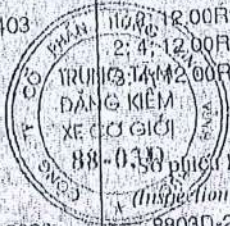
GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CÓ GIỚI ĐƯỜNG LƯU

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

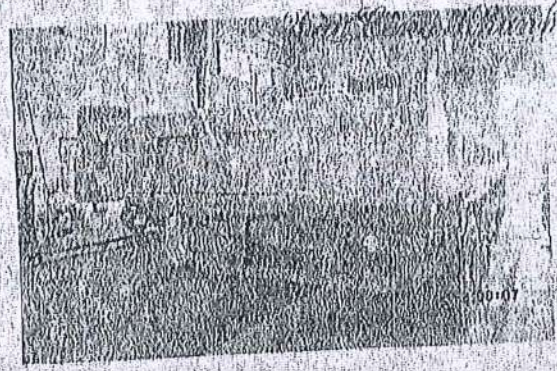
No. DSA 2572825

I. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)
 Biển đăng ký: 88C-151.69 (Registration Number)
 Số quản lý: 2401D-015403 (Vehicle Inspection No.)
 Loại phương tiện: (Type) Ô tô tải (lưu đồ)
 Nhãn hiệu: (Mark) CHENGLONG
 Số loại: (Model code) LZ3253QDJ
 Số máy: (Engine Number) YC6M375-33*MC1L1D00851*
 Số khung: (Chassis Number) LGGX4DD36DL845747
 Năm, Nước sản xuất: 2013, Trung Quốc (Manufactured Year and Country)
 Kinh doanh và tải: (Commercial Use) **Cải tạo: (Modification)**

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires, Tires size)
 Trước: 12 00R20
 Sau: 12 00R20
 Số phiếu kiểm định (Inspection Report No)
 8803D-22009/22
 Có hiệu lực đến hết ngày (Valid until) 05/04/2023



Vinh Phúc, ngày 6 tháng 6 năm 2023
 (Issued on: Day/Month/Year)
 ĐƠN VI KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI (CENTER)
 88-033
PHỤ GIÁM ĐỐC



Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)
 Có lắp camera (Equipped with camera)
 Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued)
 Ghi chú: Biển đăng ký nền trắng

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)
 Công thức bánh xe: 6x4 (Wheel Formula)
 Vết bánh xe: 2030/1860 (mm) (Wheel Tread)
 Kích thước bao: (Overall Dimension) 8657 x 2500 x 3440 (mm)
 Kích thước lồng thùng xe (Inside cargo container dimension)
 5780x2300x600 (mm)
 Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 3800+1450 (mm)
 Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 14700 (kg)
 Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: 10070/9170 (kg)
 (Design/Authorized payload)
 Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 24900/24000 (kg)
 (Design/Authorized total mass)
 Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)
 (Design/Authorized towed mass)
 Số người cho phép chở: 2 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm
 (Permissible No. of Pers Carried, seat, stand place, lying place)
 Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Diesel
 Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 9839 (cm3)
 Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 276(kW)/2100vph
 Số sê-ri: (No.) DA-2572825 1759614737

CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the following:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định, Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

When operating a vehicle in traffic, the certificate of inspection must be displayed. Return certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Center.

2. Lái xe khi qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ tại trước công trình.

When passing via bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward its.

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

During two consecutive inspections, perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition.

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm đã được hướng dẫn lần đầu để ghi nhận thay đổi.

When recording, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No. ... the concerned Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.

5. Xe có giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environmental protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.

6. Giấy chứng nhận kiểm định không sử dụng làm căn cứ khi chuyển nhượng phương tiện.

A certificate of inspection should not be used as a basis for transferring vehicle.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM
MOT - Vietnam Register



GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CÔNG CỘNG ĐƯỜNG BỘ

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

№ ĐA 2569258

1. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)

Biển đăng ký: 88C-137.94 Số quản lý: 9801S-0249349
 (Registration Number) (Vehicle Inspection No.)
 Loại phương tiện: (Type) Ô tô tải (tự đổ)
 Nhân hiệu: (Mark) CHENGLONG
 Số loại: (Model code)
 Số máy: (Engine Number) YC6M375-33*MC1L1E00011
 Số khung: (Chassis Number) LCGX5DF51EL901283
 Năm, Nước sản xuất: 2014, Trung Quốc Niên hạn SD: 2039
 (Manufactured Year and Country) (Lifetime limit to)
 Kinh doanh vận tải: (Commercial Use) [-] Cải tạo (Modification) [-]

Số hàng lớp, cỡ lốp/trục (Number of tires / The size/type)

12.00R20
 12.00R20
 12.00R20
 12.00R20

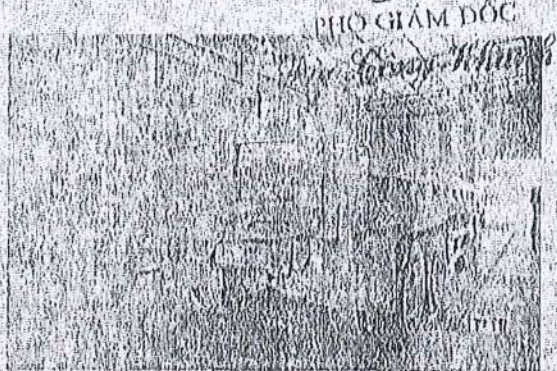


Vinh Phúc, ngày 3 tháng 8 năm 2022
 (Issued on Day/Month/Year)
 HỒN SƠN MẠI ĐỊNH
 (Signature)
 Chức vụ: (Position)
 Có hiệu lực đến hết ngày
 (Valid until): 02/02/2023

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 8x4 Vết bánh xe: 2030/1860 (mm)
 (Wheel Formula) (Wheel Tread)
 Kích thước bao: (Overall Dimension) 10740 x 2500 x 3710 (mm)
 Kích thước lồng thùng xe (Inside cargo container dimension)
 7000x2300x540 (mm)
 Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 1800+9000+1350 (mm)
 Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 18050 (kg)
 Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: 12800/11820 (kg)
 (Design/Authorized pay load)
 Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 30980/30000 (kg)
 (Design/Authorized total mass)
 Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)
 (Design/Authorized towed mass)
 Số người cho phép chở: 2 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm
 (Permissible No. of Pairs Carried: seat, stood place, lying place)
 Loại nhiên liệu: (Type of fuel Used) Diesel
 Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 9839 (cm3)
 Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 276(kW)/2100vph
 Số sê-ri: (No.) DA-2569238 2268384737

Số phiếu kiểm định (Inspection Report No)
 8803D-17808/22
 Có hiệu lực đến hết ngày (Valid until): 02/02/2023



PHÓ GIÁM ĐỐC

Có lắp thiết bị giám sát hành trình: (Equipped with Tachograph)
 Có lắp camera: (Equipped with camera)
 Không cấp tem kiểm định: (Inspection stamp was not issued)
 Ghi chú: Biển đăng ký nền trắng

CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the followings.

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định, Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

When in traffic, drivers are requested to carry the certificate of inspection. Return certificate and inspection stamp when receiving a withdrawal notice from the Registration and Inspection Center.

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward etc.

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

Perform maintenance and/or repair to the good technical conditions of the vehicle between two consecutive inspections.

4. Khi có thay đổi thông tin hành chủnh, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

When renaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No., etc. the concerned Registration and Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.

5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.

BỘ GIAO THÔNG VÀ AN TÀI
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM
MOT - Vietnam Register



GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

No: ICD 8110732

I. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)

Biển đăng ký: 88C-053.22 Số quản lý: 7502S-003407
(Registration Number) (Vehicle Inspection No.)

Loại phương tiện: (Type) ô tô tải (tự lái)

Nhãn hiệu: (Mark) CHENGLONG

Số loại: (Model code)

Số máy: (Engine Number) YC6M375-33*MC1L1D00906*

Số khung: (Chassis Number) LGGX5DF5XEL907325

Năm, Nước sản xuất: 2014, Trung Quốc Niên hạn SD: 2039
(Manufactured Year and Country) (Lifetime limit)

Kinh doanh vận tải (Commercial Use) - | Cải tạo (Modification) - |

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 8x4 Vết bánh xe: 2030/1860 (mm)
(Wheel Formula) (Wheel Tread)

Kích thước bao: (Overall Dimension) 10740 x 2500 x 3710 (mm)
Kích thước lồng thùng xe (inside cargo container dimension):
7600x2300x540 (mm)

Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 1800+3900+1350 (mm)

Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 18050 (kg)

Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGCT: 12800/11820 (kg)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGCT: 30980/30000 (kg)

Khối lượng kéo theo TK/CP TGCT: (kg)

Số người cho phép chở: 2 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm

(Permissible No. of Pers Carried: seat, stand place, lying place)

Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Diesel

Thể tích làm việc cụm động cơ: (Engine Displacement) 9330 (cm³)

Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 276(kW)/2100vph

Số sê-ri: (No.) KD-8110732 7533731297

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires, Tire size)

1: 2; 12.00R20

2: 2; 12.00R20

3: 4; 12.00R20

4: 4; 12.00R20

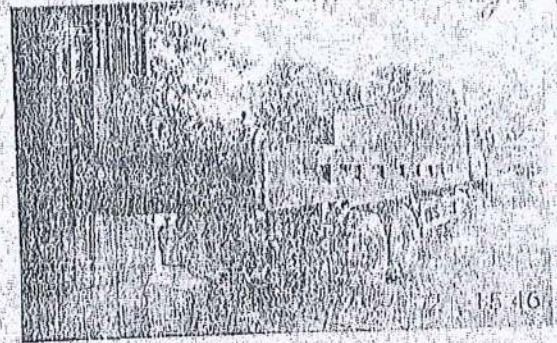
Số phiếu kiểm định

(Inspection Report No)

2918D-13003/21

Có hiệu lực đến hết ngày

(Valid until) 06/12/2022



Có lắp thiết bị giám sát hành trình: (Equipped with Tachograph)

Có lắp camera: (Equipped with camera)

Không cấp tem kiểm định: (Inspection stamp was not issued)

Ghi chú: Biển đăng ký nền trắng



Tên chủ xe (Owner's full name):

LÊ THÀNH CÔNG - SN 1987

Địa chỉ (Address):

Thôn Chợ, Kim Long, T/Dương, VP

Nhãn hiệu (Brand): CHENGLONG Số loại (Model code): LZ3311QEL

Số máy (Engine N°): YC6M37533MC1L1B00027

Số khung (Chassis N°): LGGX5DR55BL907877

Màu sơn (Color): Bạc

Số chỗ ngồi (Sit): 2

Hoạt động trong phạm vi:

Biển số đăng ký

(N° plate)

(T)

88C-050.27

Giá trị đến ngày

(Date of expiry): 31/12/2039

Vinh Phúc, ngày 21 tháng 01 năm 2021

TRƯỞNG PHÒNG

Trương tá Nguyên Kỳ Mạnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom - Happiness

CÔNG AN TỈNH VINH PHÚC

Vinh Phúc Province's Public security

PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG

The traffic police Division

CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ

Car Registration Certificate

Số (Number): 88 000912



CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định, Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

When operating a vehicle in traffic, the certificate of inspection must be displayed. Return certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Center.

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward.

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

During two consecutive inspections, perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition.

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được tương ứng làm thủ tục phí nhân thay đổi.

When renaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changes of engine No. ..., the concerned Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.

5. Xe có giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an inspection Center.

6. Giấy chứng nhận kiểm định không sử dụng làm căn cứ khi chuyển nhượng phương tiện.

A certificate of inspection should not be used as a basis for transferring vehicle.

BỘ GIAO THÔNG VÀ TÀI
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM
MOT - Vietnam Register

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ
PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

No: DA 2570219



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness
CÔNG AN TỈNH VINH PHÚC
Vinh Phuc Province's Public security
PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG
The traffic police Division
CHỨNG NHẬN DĂNG KÝ XE Ô TÔ
Car Registration Certificate
Số (Number): 88 Q 2 16 1 2



Tên chủ sở (Owner's full name):
CTY TNHH CP TM DV KIM THIÀNH

Địa chỉ (Address):
Đông Xuân, Kim Long, Tam Dương, VP

Nhãn hiệu (Brand): CNITC Số loại/Model code: ZZ3315N3266P

Số máy (Engine N°): MC114050220117203107

Số khung (Chassis N°): LZZPXVB5N1231609

Màu sơn (Color): Nâu Số chỗ ngồi (Seats): 2

Loại hàng trong phạm vi
Biển số đăng ký (N° plate): (1) 88C-227.57

Giá trị đến ngày
(Date of expiry): 31/12/2020

Trưởng phòng
Nguyễn Thị Hằng

Ngày 17 tháng 05 năm 2022

CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the following:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định, Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

When operating a vehicle in traffic, the certificate of inspection must be displayed. Return certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Center.

2. Lái xe khi qua hành lang cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forwards.

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

During two consecutive inspections, perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition.

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No., the concerned Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.

5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.

6. Giấy chứng nhận kiểm định không sử dụng làm căn cứ khi chuyển nhượng phương tiện.

A certificate of inspection should not be used as a base for transferring vehicle.

BỘ GIAO THÔNG VÀ AN TOÀN
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MOT - Vietnam Register



GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

Nợ: DA 1579795

I. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)

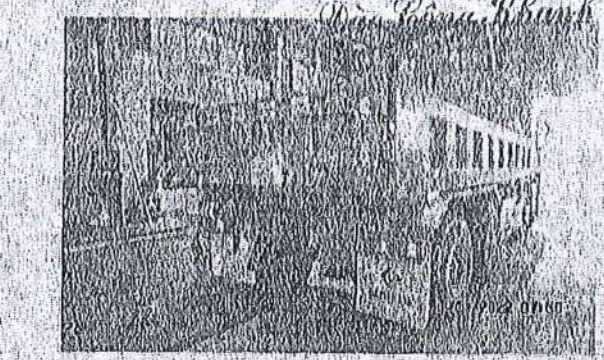
Biển đăng ký: 88C-227.57 Số quản lý: 8803D-0051961
 (Registration Number) (Vehicle Inspection No.)
 Loại phương tiện: (Type) Ô tô tải (tự đổ)
 Nhãn hiệu: (Mark) ONH TC
 Số loại: (Model code) ZZ3315N3268E1
 Số máy: (Engine Number) MC114050220117203107
 Số khung: (Chassis Number) LZZPEXVB5NJ231609
 Năm, Nước sản xuất: 2022, Trung Quốc Niên hạn SD: 2047
 (Manufactured Year and Country) (Lifetime limit to)
 Kinh doanh vận tải (Commercial Use) Cải tạo (Modification)

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires, Tire size/axle)
 2: 12.00R20
 2: 12.00R20
 ĐĂNG KẾ: 12.00R20
 XE CƠ CẤU: 12.00R20
 8803D
 Số phiếu kiểm định (Inspection Report No)
 8803D-11376/22
 Có hiệu lực đến hết ngày (Valid until) 19/05/2024



2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 8x4 Vết bánh xe: 2041/1860 (mm)
 (Wheel Formula) (Wheel Track)
 Kích thước bao: (Overall Dimension) 9300 x 2500 x 3560 (mm)
 Kích thước lồng thùng xe: (Inside cargo container dimension)
 6500/6370 x 2300/2020 x 720/530 (mm)
 Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 1800+3200+1850 (mm)
 Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 17650 (kg)
 Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: 13520/12520 (kg)
 (Design/Authorized pay load)
 Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 31000/30000 (kg)
 (Design/Authorized total mass)
 Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)
 (Design/Authorized towed mass)
 Số người cho phép chở: 2 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm
 (Permissible No. of Pers Carried: seat, stand place, laying place)
 Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Diesel
 Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 10518 (cm3)
 Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 297(kW)/1900vph
 Số sê-ri: (No.) DA-1579795 7544254737



Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)
 Có lắp camera (Equipped with camera)
 Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued)
 Ghi chú: Biển đăng ký nền trắng

CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the following:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

When operating a vehicle in traffic, the certificate of inspection must be displayed. Return certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Center.

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward its.

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

During two consecutive inspections, perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition.

4. Khi có thay đổi thông tin hành chủ, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

When renaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No, ... the concerned Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.

5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an inspection Center.

6. Giấy chứng nhận kiểm định không sử dụng làm căn cứ khi chuyển nhượng phương tiện.

A certificate of inspection should not be used as a basis for transferring vehicle.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM
MOT - Vietnam Register



GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ
PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

Ngày: 14/01/2013

I. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)

Biển đăng ký: 37H-923.25 Số quản lý: 3705D-002198
(Registration Number) (Vehicle Inspection No.)

Loại phương tiện: (Type) ô tô tải (lưu đồ)

Nhãn hiệu: (Mark) CNHTC

Số loại: (Model code) ZZ3315N3286E1

Số máy: (Engine Number) MC11.40-50*210417224497

Số khung: (Chassis Number) 1ZZPEXSB3MJ210017

Năm, Nước sản xuất: 2021, Trung Quốc Niên hạn SD: 2046
(Manufactured Year and Country) (Lifetime limit)

Kinh doanh vận tải: (Commercial Use) Cải tạo: (Modification)

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 8x4 Vết bánh xe: 2041/1860 (mm)
(Wheel Formula) (Wheel Tread)

Kích thước bao: (Overall Dimension) 9300 x 2500 x 3560 (mm)

Kích thước lồng thùng xe: (Inside cargo container dimension)

6500/6370x2300/2020x720/580 (mm)

Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 1800+3200+1350 (mm)

Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 17200 (kg)

Khối lượng hàng C.C theo TK/CP TGCT: 13670/12670 (kg)
(Design/Authorized pay load)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGCT: 31000/30000 (kg)
(Design/Authorized total mass)

Khối lượng kéo theo TK/CP TGCT: (kg)

Khối lượng kéo theo TK/CP TGCT: (kg)

Số người cho phép chở: 2 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm
(Permissible No. of Piers Carried: seat, stand place, lying place)

Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Diesel

Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 10518 (cm³)

Công suất lớn nhất/lốc đồ quay: (Max. output/rpm) 297(kW)/1000vph

Số sê-ri: (No.) EA-0127243 974711315

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires, Tire size/axle)

1: 2; 12.00R20

2: 2; 12.00R20

3: 4; 12.00R20

4: 4; 12.00R20

Số phiếu kiểm định

(Inspection Report No)

3705D-07616/21

Có hiệu lực đến hết ngày

(Valid until) 27/10/2023

Ngày 28 tháng 10 năm 2021

Issued on 28/10/2021

TRUNG TÂM

PHÒNG KIỂM ĐỊNH

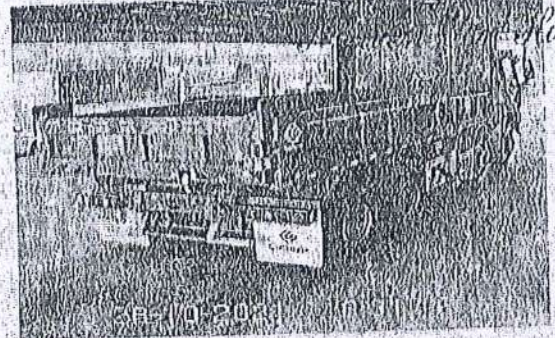
XE CẢI TẠO

(INSPECTION CENTER)

37-050

T.Đ.Đ.Đ.

PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM



Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)

Có lắp camera (Equipped with camera)

Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued)

Ghi chú: Biển đăng ký nền vàng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Vietnam
CÔNG AN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Ha Noi city's Public Security
PHÒNG CẢM SÁT GIAO THÔNG
The traffic police Division
CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ
Car Registration Certificate
Số (Number): 032228

Tên chủ xe (Owner's full name): CÔNG TY CP XNK PHÚC THÁI Số máy (Engine N°): 141007026347
Địa chỉ (Address): Số 20 Hoa Nhài, Quận Bà Đình, Hà Nội Số khung (Chassis N°): LSDXB935125
Nhãn hiệu (Brand): GNMTC Số loại (Model code): 223257
Loại xe (Type): Tải tự do Dung tích (Capacity): 9726
Màu sơn (Color): Xanh
Tải trọng: Hàng hóa: 5130 kg; Số chỗ ngồi (S): 2; Đứng (Stand): không (L);
Đăng ký xe có giá trị đến ngày (date of validity): 01/12/2015
Hà Nội, ngày (date) 01 tháng 01 năm 2015
Biển số đăng ký (N° plate) (T): 29C-460.28
Đã đăng ký lần đầu ngày: 01/12/2015
THƯƠNG TÀI *Erwin Vior Ly*

CHU PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the following

1. Khi tham gia giao thông, chủ phương tiện, lái xe phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định.
When in traffic, vehicle owners, drivers are requested to carry the certificate of inspection.
2. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.
Perform maintenance and/or repair to the good technical conditions of the vehicle between two consecutive inspections.
3. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục kiểm định, ghi nhận thay đổi.
When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No., the concerned Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.
4. Nộp lại Giấy chứng nhận và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm và khi đi kiểm định.
Return certificate and inspection stamp when receiving a withdrawal notice from the Registration and Inspection Center and when inspecting.
5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.
A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for reinspection at an Inspection Center.

BỘ GIAO THÔNG VÀ AN TOÀN
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MOT - Vietnam Register



GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTALS PROTECTION REQUIREMENTS

Nhà đăng ký: KA 3412328

I. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)

Biển đăng ký: 29C-460.28 Số quản lý: 1501V-040296
(Registration Number) (Vehicle Inspection No.)
Loại phương tiện (Type): Ô tô tải (lưu đồ)
Nhãn hiệu (Mark): CNHTC
Số loại (Model code):
Số máy (Engine Number): WD615.47*141007026347
Số khung (Chassis Number): LZZ5ELSDXEN935125
Năm, Nước sản xuất: 2014; Trung Quốc
(Manufactured Year and Country)
Năm hết niên hạn sử dụng (Lifetime limit to): 2039
Kinh doanh vận tải (Commercial Use): Cải tạo (Modification):

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATION)

Công thức bánh xe: 8x4 Vết bánh xe: 2041/1860
(Wheel Formula) (Wheel Tread)
Kích thước bao (Overall Dimension): 8680 x 2500 x 3450 (mm)
Kích thước lòng thùng hàng: 5800 x 2300 x 520 (mm)
Chiều dài cơ sở: 3825+1850 (mm)
Khối lượng bản thân (Kerb mass): 14740 (kg)
Khối lượng hàng chuyên chở CP tham gia GT: 5130 (kg)
(Authorized pay load)
Số người cho phép chở, chỗ ngồi: 2 đứng; năm nằm
(Permissible No. of Pers Carried, seat, stood place, laying place)
Khối lượng cho phép kéo theo (Towed Weight): (kg)
Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông: 24000 (kg)
(Authorized total mass)
Loại nhiên liệu (Type of Fuel Used): Diesel
Thể tích làm việc của động cơ (Engine Displacement): 9726 (cm³)
Số seri (No.): KA-3412328 5164416612

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of (res. Tire size/axle).

- 1: 2; 12.00R20
- 2: 4; 12.00R20
- 3: 4; 12.00R20
- 4:

Cổ lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)

Hiệu lực đến ngày 31 tháng 1 năm 2022

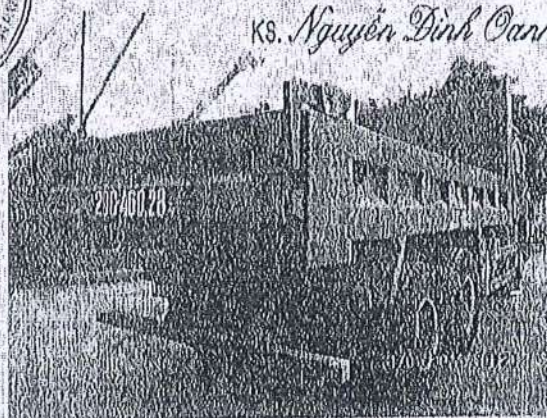
Số phiếu kiểm định (Inspection Report No): 1501V-03304/15

Số hiệu lực đến ngày 30/01/2023



PHÓ GIÁM ĐỐC

KS. Nguyễn Đình Cảnh



Ghi chú:
Biển đăng ký nền trắng



CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ TRẮC ĐỊA 247
Địa chỉ (Add): 73 Trường Sơn, P.02, Q. Tân Bình, Tp.HCM
Điện thoại (Tel): 0983 927 945 -- 0916 927 945 - 028 3845 5080
Web: www.tracedia247.com.vn - Email: tracedia247@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(CERTIFICATE OF CALIBRATION - VERIFICATION)

Ngày/Date: 21/02/2020 Số/No: TD 247.TB.362538

- Loại thiết bị/Object: Máy thủy chuẩn tự động/Automatic level
- Tên thiết bị/Type: AC-2S Số máy/Serial N^o: 362538
- Hãng sản xuất/Manufacturer: Nikon
- Tên đơn vị sử dụng/Customer: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP THÀNH AN 665
- Địa chỉ/Address: 116A Phạm Văn Đồng, P. Xuân Đình, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội
- Đặc trưng kỹ thuật/Technical specifications:
- Độ phóng đại ống kính: 24X
- Độ chính xác trên 1km đo đi đo về/Accuracy of per 1km double-run: ± 2.0 mm
- Độ nhạy bọt thủy/Sensitivity of circular bubble: $10''/2$ mm
- Khoảng bù nghiêng/Working range of compensator: $\pm 0.5''$
- Phương pháp hiệu chuẩn/Method of calibration:
- Tiêu chuẩn quốc tế ISO 17123-2/International Standard ISO 17123-2
- Phương tiện hiệu chuẩn/Mean of calibration:
- Hệ thống Collimator TA15- Nhật Bản
(Collimator complete set TA15-Japan)
- Máy thủy bình tự động/Auto level: Leica NA2, 32X, 0.7mm
- Liên kết chuẩn/Traceability: TT đo lường VN
(Viet Nam Metrology Institute)
- Kết quả hiệu chuẩn/Results of calibration: Xem trang sau/See next paper.
- Điều kiện môi trường/Environmental conditions:
- $T=25^{\circ}\text{C}$; Độ ẩm/Relative humidity: 65%
- Hiệu chỉnh thiết bị/Adjustment Instrument
: Có/Yes : Không/No
- Kết luận/Conclusion:
Sai số nhỏ hơn sai số cho phép của máy/ Deviation is lower than standard deviation: $\Delta = \pm 2.0$ mm
- Ngày hiệu chuẩn lần tới (Recalibration recommended): Ngày 21/08/2020

TRUNG TÂM HIỆU CHUẨN SỬA CHỮA
(Calibration Laboratory)
NGƯỜI HIỆU CHUẨN
(Calibrated by)

KS. ĐỖ VĂN TUẤN

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ TRẮC ĐỊA 247
(247 Map Survey Company Limite)





KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Results Of Calibration)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số/Attached To Certificate N^o: TD247, TB. 362538

Kết quả kiểm tra bên ngoài và kiểm tra kỹ thuật /Check results outside and technical inspection

TT	Danh mục kiểm tra (Item Check)	Tiêu chuẩn (Standard)	Kiểm tra (Check)
1	Kiểm tra bên ngoài /Check results outside		
1	Ốc cân máy + đế máy /Base and levelling screw	Nhẹ, chắc chắn /Ensure	OK
2	Hệ thống quang học /Optical system	Sáng, rõ /Clear	OK
3	Bộ phận vi động ngang /Horizontal fine motion screw	Nhẹ, không tắc /Smooth	OK
4	Bộ phận điều chỉnh tiêu cự /Focusing knob	Nhẹ, không tắc /Smooth	OK
II	Kiểm tra kỹ thuật /Check results technical inspection		OK
1	Bọt thủy tròn /Circular level	10/2mm	OK
2	Con lắc tự động /Compensator	Ổn định /Stabilize	OK
3	Quang trục của máy /Collimator	≤ 1mm	OK

2. Kết quả kiểm tra đo lường /Check measurement results

TT	KC giữa hai mốc (m) (Distance of two landmark)	Giá trị chênh cao đo (mm) (Differences in measurements elevation)	Giá trị chênh cao chuẩn (mm) (Differences in standards elevation)	Sai số (mm) (Error)
1	60	-819.6	-820.15	0.6
2	50	1178.4	1178.40	0.0
3	40	10.0	9.23	0.8
4	30	-441.8	-441.51	-0.3
5	20	-707.6	-707.59	0.0

- Độ lệch chuẩn ở khoảng cách 1km /Empirical standard deviation at 1km : $S = 1,4 \text{ mm}$
- Độ không đảm bảo đo mở rộng /Uncertainty of measurement expand : $U = 3,7 \text{ mm/1m}$
- Môi trường hiệu chuẩn: Nhiệt độ /Temperature: $[30 \pm 1] ^\circ\text{C}$, Áp suất (Pressure): $[759 \pm 2] \text{ mmHg}$, Độ ẩm (Humidity): $[68 \pm 1] \%$
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được sử dụng với hệ số phủ $k=2$, xác suất tin cậy $p = 95\%$ /Expressed as an expanded uncertainty, expressed at approximately 95% level of confidence, using a coverage factor $k=2$
- Hiệu chuẩn khoảng cách được thực hiện trên bãi chuẩn /Calibration of the distance is done on a standard zone

Người hiệu chuẩn
(Calibrated by)

KS. ĐỖ VĂN TUÂN



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VÀ KHẢO SÁT VIỆT NAM
VIET NAM SURVEY & EQUIPMENT, JSC

ISO 9001:2015

Địa chỉ : Số 115 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Web: www.sokkia.com.vn Hotline: 0945016886
Email: khaosatvietnam.jsc@gmail.com

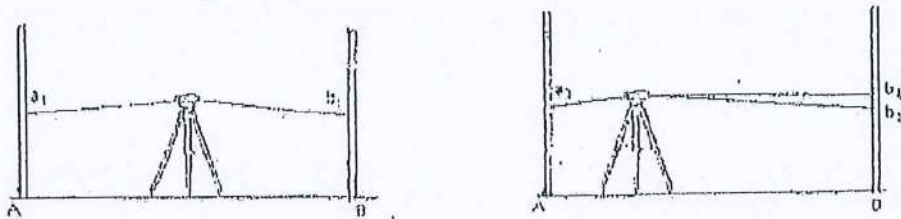


**GIẤY KIỂM ĐỊNH
MÁY THỦY CHUẨN ĐIỆN TỬ**

Số/ No : 140 105 IHCKĐ

Ngày/ Date : 14 / 05 / 2022

- I. KHÁCH HÀNG / Customer: Công ty Cổ phần Đầu tư XNK Phúc Thái
II. ĐỊA CHỈ / Address: Số 20 Hòe Nhai - Nguyễn Trung Trực - Ba Đình - Hà Nội
III. THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH / Instrument :
Tên máy / Instrument name : ZDL700 Loại máy / Kind : Thủy chuẩn điện tử
Số máy / Serial number : 702323 Hãng sản xuất / Manufacturer : LEICA
IV. TRÌNH TỰ KIỂM ĐỊNH / Checking procedure:
1. Sai số góc i / Horizontal cross-line Error check:



$a_1 =$

1531.87

$b_1 =$

1638.62

$b_2 = 1335.35$

$\Delta h = h_1 - h_2 = 0.01$

108569 - 0.1

Đã chấp/Đã chấp $\Delta h = 0.02$ Quyền số SCT/ES

CHỖ KIỂM THỰC ĐÀN SẠO ĐÚNG VỚI BẢN CHỮ M 228.59

Ngày: 07/11/2022



2. Hệ số đo khoảng cách

$K = 100$

3. Kiểm tra sai số bọt nước/ Circular (Plate) level check

Tốt

4. Hệ thống con lắc tự động/ Compensator Error check:

Tốt





5. Kiểm tra sai số tiêu cự/Parallax Error check:

Tốt

6. Các kiểm tra khác/Other check: Đạt yêu cầu

V. KẾT LUẬN/ Conclusion:

- Máy hoạt động tốt và ổn định/ The instrument has been confirmed to work normally.
- Các sai số nằm trong hạn định cho phép của Hãng sản xuất/ Errors of the instrument are beyond that given by the Manufacturer.
- Máy được phép đưa vào sử dụng/ The instrument can be put into Operation.
- ♦ Giá trị của giấy Kiểm định này đến hết ngày 14 tháng 05 năm 2023
- ♦ The Certificate of this Instrument is expired on 14 / 05 / 2023

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



IQC/09/1206.100



GIÁM ĐỐC

Phùng Thanh Hùng





CÔNG TY TNHH TRẮC ĐỊA LÊ LINH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH THIẾT BỊ TRẮC ĐỊA
 Trụ sở: 125, phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
 Tel: (024) 3 562 7450, fax: (024) 3 562 7460
 Email: lelinh203@gmail.com; Website: www.tracdiapro.com



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN KIỂM ĐỊNH
CALIBRATION CERTIFICATE

Số 134 Ngày 22/08/2020

- Loại thiết bị/ Object: Máy thủy bình
- Tên thiết bị/ Model: Nikon AL-32 . Số máy/ Number: 56866
- Tên đơn vị/ Customer: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XUẤT NHẬP KHẨU PHÚC THÁI
- Địa chỉ/ Address: Số 20 Hồ Nai, Phường Nguyễn Trung Trực, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
- Đặc trưng kỹ thuật/ Specifications:
 - * Độ chính xác khoảng cách/ Accuracy of distance: +/- 2.0 mm
 - * Độ chính xác trên 1km đo đi đo về/ Accuracy of angle: 2.0 mm
- Phương tiện hiệu chuẩn/ Means of calibration: Hệ thống collimator DPF 550 - 3
- Điều kiện môi trường/ Environmental conditions: T=28°C. Độ ẩm/ Relative humidity: 75%
- Kết quả hiệu chuẩn/ Result adjustment:

Danh mục kiểm tra	Tiêu chuẩn chấp	Kiểm tra	Hiệu chuẩn
Bọt thủy tròn	< 1/5	≠	đạt
Sai số góc I	~8"	≠	đạt
Sai số đo cao ở cự ly 60m	< 1mm	≠	đạt
Sai số đọc K/C ở cự ly 60m	< 2.0cm	≠	đạt
Độ chính xác trên 1km đo đi đo về	+/- 2.0mm	≠	đạt

9. Kết luận/ Conclusion :

- * Hoạt động tốt. Độ chính xác đo đạt yêu cầu/ Instrument works well. The accuracy of distance is within the tolerance.
- * Máy được phép đưa vào sử dụng/ Instrument can be used (well) in surveying project.
- * Kết quả này có giá trị 2 tháng/ Valid date 12 months.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 11/10/2020

NGƯỜI KIỂM ĐỊNH

ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH

lep



CÔNG CHỨNG KIỂM ĐỊNH GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Văn Nguyễn Văn Doanh

KS. Lê Linh



CÔNG TY TNHH TRẮC ĐỊA LÊ LINH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH THIẾT BỊ TRẮC ĐỊA
 Trụ sở: 125, phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP Hà Nội
 Tel: (024) 3 562 7450, fax: (024) 3 362 7460
 Email: lclinh203@gmail.com; Website: www.lclinh.vn



BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN KIỂM ĐỊNH
CALIBRATION CERTIFICATE

Số 23 Ngày 22/08/2020

- Loại thiết bị/Object: Máy toàn đạc điện tử / total station
- Tên thiết bị/Model: Nikon DTM 322 Số máy/Number: 811311
- Tên đơn vị/Customer: **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XUẤT NHẬP KHẨU PHÚC THÁI**
- Địa chỉ/Address: Số 20 Hồ Nai, Phường Nguyễn Trung Trực, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
- Thông số kỹ thuật/ Specifications:
 - * Độ chính xác đo cạnh/Accuracy of distance: (2mm+3ppm).D
 - * Độ chính xác đo góc/Accuracy of angle: 05"
- Phương tiện hiệu chuẩn/ Means of calibration: Hệ thống collimator DPF 550 - 3
- Điều kiện môi trường/ Environmental conditions: T=28°C. Độ ẩm/ Relative humidity: 75%
- Kết quả hiệu chuẩn/ Result adjustment: Đo góc/ Angle: MO, 2C

Góc	Thuận kính	Đảo kính	Số lệch/ Deviation		Độ lệch chuẩn thực nghiệm
Angle	Face 1	Face 2	MO	2C	The experimental standar deviation
V angle	90°00'00"	269°59'55"	00"		S1 = 1,6"
H angle	00°00'00"	179°59'57"		00"	S1 = 1,6"

Bãi chuẩn Standard park	Cạnh chuẩn (m) Standard distance	Cạnh đo (m) Measure distance	Số lệch (mm) Deviation
Thành phố Hà nội Ha noi City	d1 = 22,482	22,482	0
	d2 = 54,331	54,332	+1
	d3 = 76,840	76,841	+1
	d4 = 152,750	152,749	-1

9. Kết luận/ Conclusions:
- * Máy hoạt động tốt. Độ chính xác đo cạnh và đo góc tốt. *Works well. The accuracy of distance and angle measurement: Good.*
 - * Máy được phép đưa vào sử dụng/ *Instrument can be used (well) in surveying project.*
 - * Kết quả này có giá trị 12 tháng/ *Valid for 12 months.*

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH

NGƯỜI KIỂM ĐỊNH..... **CHỖ ĐÓN VỊ KIỂM ĐỊNH**

lep

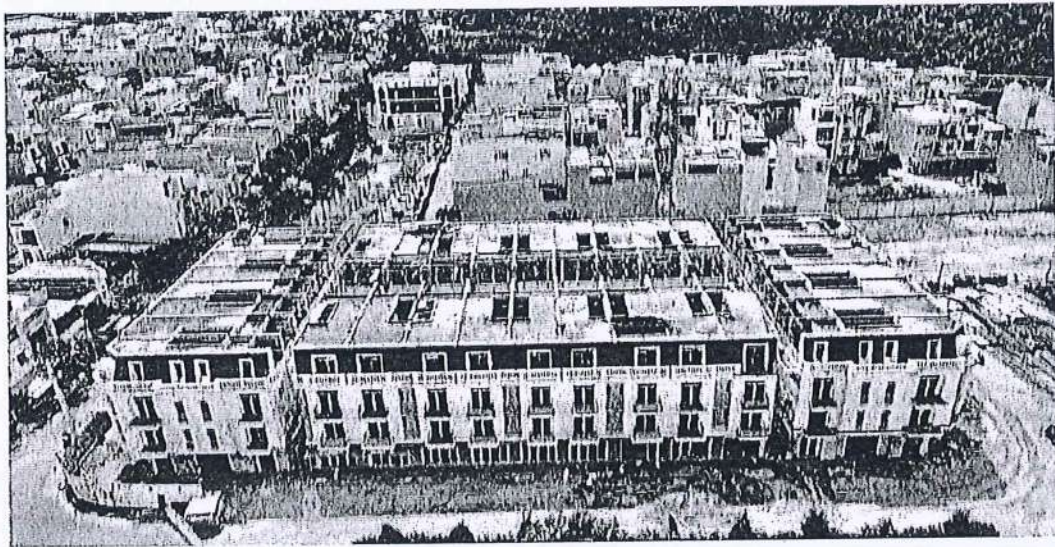
KS. Lê Linh



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Tuấn



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD
VPDD: Tầng 7, Tòa nhà Việt Đức, Số 8 Tôn Đức Thắng, Phường Khai Quang,
Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc.



PHẦN VI: CÔNG TRÌNH THI CÔNG TIÊU BIỂU



DANH SÁCH HỢP ĐỒNG THI CÔNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

STT	Tên công trình	Tính chất công trình	Giá trị HĐ (VNĐ)	Chủ đầu tư
1	Dự án Diên Hồng Riverside	Thi công nền đường đào đắp, bê tông nhựa bám theo TK, hạ tầng, cảnh quan	5.602.419.000	Công ty Cổ phần Bất động sản Core Realty
2	Dự án Văn Phú Star City	Thi công san lấp, đào đắp nền đường, bê tông nhựa bám theo TK, hạ tầng bó vỉa	4.230.273.000	Công ty Cổ phần Bất động sản Core Realty
3	Showroom trưng bày sản phẩm	Thi công phá dỡ, vận chuyển, san lấp, xây dựng hoàn thiện	20.476.971.720	Công ty TNHH Tích Sơn
4	Dự án Đầm Sen Central Park	Thi công san lấp mặt bằng	21.452.209.045	Công ty TNHH Thương mại XD và vận tải Việt Lê
5	Nhà xưởng sản xuất Chè tại Bình Xuyên, Vĩnh Phúc	Cung cấp vật tư, gia công sản xuất, lắp đặt hoàn thiện nhà khung thép.	1.479.334.230	Công ty TNHH Chè Thanh Quang
6	Nhà xưởng sản xuất thực phẩm tại Kim Long, Vĩnh Phúc	Cung cấp, gia công sản xuất, lắp đặt nhà khung thép, Thi công xây dựng hoàn thiện.	3.148.868.000	Công ty Cổ phần Tinh Chất Quê Việt
7	Dự án Xuân Huy Garden	Thi công nền đường, bê tông nhựa bám theo TK, hạ tầng, cảnh quan	4.853.500.000	Công ty Cổ phần Bất động sản Core Realty
8	XD văn phòng, nhà xưởng SX gia công & XK hàng may mặc	Thi công xây dựng hoàn thiện và kết cấu thép nhà xưởng	10.499.016.000	Công ty Cổ phần INDONG EPIC
9	Biệt thự liền kề 05 tầng – Căn CL5-03 (VCI Sky Garden)	Thi công xây dựng hoàn thiện trong nhà và cung cấp lắp đặt thiết bị	2.553.000.000	Ông Tô Thanh



10	Biệt thự liền kề 05 tầng – Căn L17 (The City Light)	Thi công xây dựng hoàn thiện trong nhà và cung cấp lắp đặt thiết bị	2.163.220.000	Ông Dương Hồng Kiên
11	Nhà phố 02 tầng tại Hương Sơn, Lạng Giang, Bắc Giang	Thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt thiết bị	1.693.000.000	Công ty CP Tư vấn Đầu tư XD Việt Architect Group
12	Nhà phố 07 tầng giả tân cổ tại Tam Lộng, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc	Thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt thiết bị	4.646.640.000	Ông Nguyễn Văn Mạnh
13	Nhà ở biệt thự Tân cổ điển 03 tầng tại Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	Thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt thiết bị	2.042.200.000	Bà Nguyễn Thị Hải Yến
14	Nhà ở 04 tầng kết hợp kinh doanh tại Kim Long, Tam Dương, Vĩnh Phúc	Thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt thiết bị	1.853.500.000	Ông Nguyễn Tá Quang
15	Nhà ở 02 tầng tại Kim Long, Tam Dương, Vĩnh Phúc	Thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt thiết bị	1.780.300.000	Ông Bùi Văn Bình
16	Nhà phố 03 tầng tại Chợ lắp ghép, TT. Đông Anh, Hà Nội	Thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt thiết bị	2.366.976.000	Ông Lê Xuân Hạnh
17	Nhà hàng Phố Núi 03 tầng tại Hợp Châu, Tam Đảo, Vĩnh Phúc	Thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt thiết bị	2.852.356.000	Ông Lê Quang Trung
18	Nhà phố 04 tầng tại Tràng An, Ninh Bình	Thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt thiết bị	1.654.648.000	Ông Nguyễn Hoàng Nam
19	Nhà biệt thự 02 tầng tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc	Thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt thiết bị	1.661.732.000	Ông Bằng Văn Tám

Và một số công trình thiết kế + thi công xây dựng, thiết kế + thi công nội thất, tư vấn giám sát, thi công hạ tầng, cảnh quan khác...

DSD
CONSTRUCTION
TẬN TUY XÂY DỰNG NIỀM TIN



HỢP ĐỒNG THI CÔNG



<https://xaydungdtd.com.vn>

☎ 1900 99 66 63

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

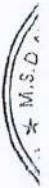


HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG
Số: 02/HĐXL-2022/TS-DSD



CÔNG TRÌNH: SHOWROM TRƯNG BÀY SẢN PHẨM

GIỮA
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TÍCH SƠN
VÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD



Năm 2022



PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Căn cứ Bộ luật dân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc Hội khóa XI, kỳ họp thứ 4;
- Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ hướng dẫn về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Thông tư số 05/2015/TT-BXD ngày 30/10/2015 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất lượng xây dựng và bảo trì nhà ở riêng lẻ;
- Thông tư số 09/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn hợp đồng thi công xây dựng công trình;
- Căn cứ nhu cầu và thỏa thuận giữa Hai bên.

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 28 tháng 03 năm 2022 chúng tôi gồm các bên dưới đây:

I. CHỦ ĐẦU TƯ (BÊN A): CÔNG TY TNHH TÍCH SƠN

Địa chỉ : Số nhà 32, đường Hùng Vương, phường Tích Sơn, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Mã số thuế : 2500313338

Điện thoại : 0211.3716.678

Tài khoản số : 116002865495

Tại : Ngân hàng Vietinbank - chi nhánh Bình Xuyên

Đại diện là : **Hoàng Thị Hoan**

Chức vụ : Giám đốc

II. NHÀ THẦU (BÊN B): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐTXD VÀ THƯƠNG MẠI DSD

Địa chỉ : Tầng 7, tòa nhà Việt Đức, số 8 Tôn Đức Thắng, Phường Khai Quang, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Mã số thuế : 2500679351

Điện thoại : 0947.822.223

Tài khoản số : 19038286198013

Tại : Ngân hàng Techcombank – Chi nhánh Vĩnh Phúc

Đại diện là : **Nguyễn Ngọc Sơn**

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng thi công xây dựng với các nội dung sau:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG:

- Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thi công một số hạng mục công trình: SHOWROM TRUNG BÀY SẢN PHẨM. (Sau đây gọi tắt là “**Công Trình**”)

Địa điểm thi công: Thôn số 8, xã Kim Long, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

Khối lượng công việc: Theo Phụ lục 01 kèm theo Hợp đồng này.

ĐIỀU 2. THỜI GIAN, TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN:

2.1. Bên B bắt đầu thực hiện công việc (“Ngày khởi công”) khi

- Bên A bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công cho Bên B từ 5h30' ngày 02/04/2022.

- Bên A đã tạm ứng cho Bên B theo quy định của hợp đồng

2.2. Bên B phải hoàn thành toàn bộ công việc theo nội dung của Hợp đồng trong vòng 100 ngày kể từ ngày khởi công (không bao gồm ngày chủ nhật và các ngày nghỉ lễ theo quy định pháp luật).

2.3. Gia hạn thời gian hoàn thành

Bên B được phép gia hạn thời gian hoàn thành nếu do một trong những lý do sau đây:

- Có sự thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Bên A làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng.

- Do ảnh hưởng của các trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 8 hợp đồng này.

- Sự chậm trễ, trở ngại trên công trường do Bên A, nhân lực của Bên A hay các đối tác khác của Bên A gây ra như: Việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong Hợp đồng, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng mà không do lỗi của Bên B gây ra.

- Có lý do chính đáng của Bên B và Bên B đã thông báo bằng văn bản cho Bên A biết.

Tiến độ thực hiện công việc của Bên B được tự động gia hạn tương ứng với số ngày xảy ra các sự kiện được nêu trên.

ĐIỀU 3. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:

3.1. Đơn giá Hợp đồng: (kèm theo bảng phụ lục 01)

Giá trị Quyết toán Hợp đồng được xác định theo khối lượng công việc thực tế Bên B đã thực hiện và được hai bên nghiệm thu.

3.2. Giá trị Hợp đồng chưa bao gồm các chi phí sau:

- Chi phí cấp điện, nước phục vụ thi công;
- Chi phí đảm bảo an toàn cho các công trình bên cạnh.

3.3. Bổ sung, điều chỉnh khối lượng thực hiện so với hợp đồng:

- Nếu phát sinh tăng giảm giá trị trước khi thi công thì hai bên thống nhất lại đơn giá và ký thêm phụ lục hợp đồng

- Nếu phát sinh tăng giảm giá trị sau khi đã thi công thì hai bên thống nhất lại đơn giá phát sinh mới, thống nhất chi phí phá dỡ, hao tổn vật tư và ký thêm phụ lục hợp đồng

- Trong trường hợp máy thiết bị bên B không thi công được do bên A không bố trí được mặt bằng thì bên A sẽ phải thanh toán mỗi ngày máy chờ tính bằng 1ca máy thi công.

3.4. Bên A thực hiện việc tạm ứng, thanh quyết toán Hợp đồng như sau:

- Đợt 1: Sau khi ký hợp đồng, Bên A tạm ứng cho bên B số tiền: 10.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười triệu đồng).

- Đợt 2: Sau khi thi công xong phá dỡ, san lấp mặt bằng hai bên nghiệm thu khối lượng và bên A sẽ thanh toán cho bên B trong vòng 05 ngày kể từ ngày 2 bên ký biên bản nghiệm thu khối lượng.



==
11
14
15
16
17

5.2. Được quyền tạm ngừng thi công nếu Bên A tạm ứng/thanh toán chậm quá 7 ngày kể từ ngày hết hạn tạm ứng/ thanh toán quy định trong hợp đồng này.

5.3. Thi công Công Trình theo bản vẽ thiết kế, đảm bảo chất lượng và tiến độ;

5.4. Cung cấp vật tư, vật liệu đảm bảo chất lượng và đúng quy định hợp đồng (nếu có);

5.5. Chịu trách nhiệm về an toàn lao động đối với người lao động của Bên B;

5.6. Bên B đảm bảo trong quá trình thi công không làm thiệt hại, hư hỏng tài sản của bên A. Nếu bên B làm thiệt hại, hư hỏng thì phải chịu đền bù cho bên bị thiệt hại.

5.7. Được quyền thuê thầu phụ thực hiện theo theo sự quản lý của Bên B.

5.8. Hoàn thành và bàn giao Công Trình đúng thời hạn.

5.9. Bên B đảm bảo thi công đạt tiến độ theo hợp đồng. Nếu chậm tiến độ bên B bồi thường 0,05% giá trị hợp đồng nhân số ngày chậm tiến độ tuy nhiên tổng các khoản bồi thường bên B phải chịu không quá 8% giá trị hợp đồng, giá trị quyết toán.

ĐIỀU 6. QUYẾT TOÁN, THANH LÝ VÀ BẢO HÀNH:

6.1 Quyết toán:

Trong vòng 15 ngày kể từ ngày hai bên ký Biên bản nghiệm thu bàn giao công trình, hai bên sẽ tiến hành Quyết toán và thanh lý hợp đồng.

6.2 Thanh lý Hợp đồng:

Sau khi Bên A thanh toán toàn bộ giá trị quyết toán cho Bên B, hai bên sẽ ký Biên bản thanh lý và Bên B sẽ cung cấp Giấy xác nhận bảo hành công trình cho Bên A.

6.3 Bảo hành Công Trình:

a) Thời gian bảo hành Công Trình là 12 tháng kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu bàn giao công trình.

b) Trong thời gian bảo hành Bên B có trách nhiệm sửa chữa kịp thời những hư hỏng do lỗi thi công của Bên B chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A.

ĐIỀU 7. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG TRƯỚC THỜI HẠN:

Hợp đồng thi công sẽ chấm dứt trước thời hạn trong các trường hợp sau:

7.1. Theo thỏa thuận của hai bên.

7.2. Một trong hai bên bị phá sản.

7.3. Xảy ra sự kiện bất khả kháng theo Điều 8 của Hợp Đồng.

7.4. Nếu 1 bên vi phạm các nghĩa vụ trong hợp đồng và không khắc phục theo yêu cầu của Bên bị vi phạm thì Bên bị vi phạm được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng bằng cách thông báo cho bên vi phạm bằng văn bản trước ngày chấm dứt ít nhất 10 ngày.

7.5. Khi chấm dứt Hợp đồng theo Điều 7 của Hợp đồng này, Hai Bên cam kết sẽ hoàn tất toàn bộ nghĩa vụ còn tồn đọng của mình trong vòng tối đa hai mươi (20) ngày kể từ ngày Hợp đồng chấm dứt. Việc chấm dứt hợp đồng không làm ảnh hưởng đến trách nhiệm bồi thường thiệt hại, phạt vi phạm hợp đồng của các Bên.

ĐIỀU 8. BẤT KHẢ KHÁNG:

8.1 Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như: động đất, bão, lũ lụt, hoả hoạn, chiến tranh hoặc các



nguy cơ xảy ra chiến tranh và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam; Mặt bằng thi công bị vướng mắc khiếu nại, khiếu kiện; phá rối, cản trở của người dân và các hành vi phá hoại, cản trở khác ngoài tầm kiểm soát khác của các bên,...

8.2 Trường hợp một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp Đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng có nhiệm vụ phải thông báo cho bên kia về sự kiện bất khả kháng trong vòng bảy (7) ngày ngay sau khi sự kiện bất khả kháng xảy ra.

8.3 Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện Hợp Đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng.

8.4 Nếu việc thực hiện Hợp đồng tiếp tục bị ngăn cản trong vòng 30 (ba mươi) ngày do sự kiện bất khả kháng, một trong các bên có thể gửi thông báo chấm dứt Hợp Đồng cho bên kia trước ngày chấm dứt ít nhất mười (10) ngày. Nếu hết hạn mười (10) ngày nhưng tác động của sự kiện bất khả kháng vẫn tiếp tục thì Hợp Đồng sẽ tự động chấm dứt và khi đó:

(a) Bên B sẽ báo cáo giá trị công việc đã thực hiện và Bên A sẽ thanh toán toàn bộ giá trị các công việc đã được thực hiện cho Bên B theo đơn giá trong Hợp Đồng;

(b) Đối với những chi phí thiết bị và nguyên vật liệu đặt hàng cho Công trình đã được chuyển tới và chi phí hoặc những vật tư/thiết bị Bên B có trách nhiệm giao sẽ được Bên A tiếp nhận và Bên A thanh toán toàn bộ vật tư/thiết bị cho Bên B.

ĐIỀU 9. ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

9.1. Hợp đồng thi công này có hiệu lực kể từ ngày ký và được điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam.

9.2. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp Đồng. Mọi thay đổi, bổ sung phải được hai bên thỏa thuận thống nhất bằng văn bản. Phần sửa đổi, bổ sung sẽ là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng.

9.3. Nếu có tranh chấp hoặc vi phạm hợp đồng thì cùng nhau bàn bạc thống nhất trên tinh thần hợp tác giải quyết, nếu không giải quyết được thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết và bên vi phạm hợp đồng phải chịu mọi chi phí.

9.4. Hợp đồng thi công này được lập thành bốn (4) bản chính bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ hai (2) bản chính có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Hoàng Thị Hoàn

ĐẠI DIỆN BÊN B



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Sơn



PHỤ LỤC 01
CHI TIẾT KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC

(Kèm hợp đồng thi công số: 02/HĐXL-2022/TS-DSD ký ngày 28 tháng 03 năm 2022)

STT	Nội dung	Đơn vị	Đơn giá	Ghi chú
1	Phá dỡ công trình	ca	5.000.000đ	
2	Ô tô vận chuyển	Ca	3.000.000đ	
3	Đất san lấp	M3	85.000đ	
4	Cát san lấp	M3	110.000đ	
6	Xây các loại	M3	700.000đ	
7	Chát các loại	M2	70.000đ	

(Đơn giá trên chưa bao gồm 8% thuế GTGT)

Phạm vi công việc theo đơn giá: Bên B thực hiện việc cung cấp vật tư thiết bị, máy móc thi công, nhân công để hoàn thành xây dựng công trình trong phạm vi xây dựng và đúng như bản vẽ thiết kế.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Hoàng Thị Hoàn

ĐẠI DIỆN BÊN B



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Sơn

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD

Tầng 7, Tòa nhà Việt Đức, số 8 Tôn Đức Thắng, Phường Khai Quang, TP. Vinh Yên, Vĩnh Phúc

BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG THANH QUYẾT TOÁN

Dự án: Showroom trung bày sản phẩm

Chủ đầu tư: Công ty trách nhiệm hữu hạn Tích Sơn



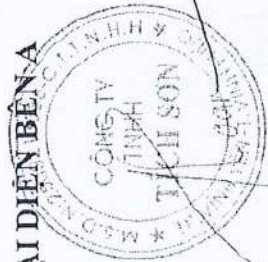
STT	MÔ TẢ NỘI DUNG (Nội dung, thứ tự ghi theo đúng nội dung hợp đồng)	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG			LŨY KẾ (7)=(5)+(6)	ĐƠN GIÁ (chưa bao gồm VAT) (8)	THÀNH TIỀN			LŨY KẾ (12)=(7)*(8)	
			HỢP ĐỒNG (4)	ĐẦU KỲ (5)	TRONG KỲ (6)			HỢP ĐỒNG (9)=(4)*(8)	ĐẦU KỲ (10)=(5)*(8)	TRONG KỲ (11)=(6)*(8)		
(1)		(3)										
	HẠNG MỨC CÔNG VIỆC											
1	Phá dỡ công trình	Ca		172.00	63.00	235.00	5,000,000	-	860,000,000	2,450,000	862,450,000	
2	Ô tô vận chuyển	Ca		230.00	108.00	338.00	3,000,000	-	690,000,000	324,000,000	1,014,000,000	
3	Đất san lấp	m ³		90,053.00	15,162.00	105,215.00	85,000		7,654,505,000	1,288,770,000	8,943,275,000	
4	Cải san lấp	m ³		52,300.00	8,764.00	61,064.00	110,000		5,753,000,000	964,040,000	6,717,040,000	
5	Xây các loại	m ³		653.50	267.32	920.82	700,000		457,450,000	187,124,000	644,574,000	
6	Trát các loại	m ²		7,842.00	3,284.00	11,126.00	70,000		548,940,000	229,880,000	778,820,000	
I	Tổng cộng	đồng							15,963,895,000	2,996,264,000	18,960,159,000	
II	Tổng cộng trước thuế	đồng							1,277,111,600	239,701,120	1,516,812,720	
III	Thuế VAT 8%	đồng							17,241,006,600	3,235,965,120	20,476,971,720	
IV	Giá trị khấu trừ tạm ứng (nếu có)	đồng							-	-	-	
	Các loại giảm trừ khác (nếu có)	đồng							-	-	-	
	Giá trị đủ điều kiện thanh toán	đồng							17,241,006,600	3,235,965,120	20,476,971,720	
	Bảng chữ:											

Ba tỷ hai trăm ba mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn một trăm hai mươi đồng./.

Vinh Yên, ngày 25 tháng 9 năm 2022

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Thị Hoàn

Nguyễn Ngọc Sơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số : 03/HĐKT/2022/VL-DSD

Về việc cung cấp, thi công công trình: San lấp mặt bằng (phân kỳ 1)

Dự án: Đầm Sen Central Park

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn hợp đồng thi công xây dựng công trình;

Căn cứ Hợp đồng thi công san lấp mặt bằng (phân kỳ 1) số 03/HĐKT/2022/VL-DSD ngày 12 tháng 07 năm 2022 giữa Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Vận tải Việt Lê với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại DSD về việc: Thi công Gói thầu số 01: Thi công san lấp mặt bằng (phân kỳ 1) - Dự án Đầm Sen Central Park (sau đây được gọi là hợp đồng chính);

Căn cứ nhu cầu và năng lực của hai bên.

Hôm nay, ngày 12 tháng 07 năm 2022, tại Văn phòng Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Vận tải Việt Lê, chúng tôi gồm:

1. Chủ đầu tư (sau đây gọi tắt là bên A): CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VÀ VẬN TẢI VIỆT LÊ

Đại diện: Ông Lê Thành Công

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Khu Chợ, xã Kim Long, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

Điện thoại: 0978.063.555

Fax:

Tài khoản: 913738888 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – VPBank Chi nhánh Vĩnh Phúc.

Mã số thuế: 2500565890



2. Đơn vị thi công (sau đây gọi tắt là bên B) : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD

Đại diện: Ông Nguyễn Ngọc Sơn Chức vụ: **Tổng giám đốc**
Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Việt Đức, số 8 Tôn Đức Thắng, Phường Khai Quang, TP. Vinh Yên, tỉnh Vinh Phúc

Điện thoại: 0947.822.223

Fax:

Tài khoản số: 19038286198013 Tại Ngân hàng Techcombank – Chi nhánh Vinh Phúc.

Mã số thuế: 2500679351

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng kinh tế với những điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung và khối lượng, giá trị hợp đồng.

1.1. Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận cung cấp vật tư, máy thi công phục vụ thi công xây dựng Thi công Gói thầu số 01: Thi công san lấp mặt bằng (phân kỳ 1) tại Dự án Đầm Sen Central Park.

Địa điểm thi công: Hồ câu Đầm Sen, Thỏ Tang, Vinh Tường, Vinh Phúc.

1.2. Khối lượng, đơn giá vật tư.

Đơn vị tính: Đồng.

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cát đen san lấp	m ³	34.162	122.800	4.195.093.600
2	Đất san lấp	m ³	120.509	109.219	13.161.872.471
3	Máy đào 0,8m ³	ca	635,30	2.128.723	1.352.377.722
4	Máy ủi	ca	56,23	2.245.607	126.270.482
5	Ô tô >=7Tấn	ca	561	1.187.868	666.393.948
	Tổng				19.502.008.223
	Thuế VAT 10%				1.950.200.822
	Tổng cộng				21.452.209.045

Bằng chữ: Hai mươi một tỷ, bốn trăm năm mươi hai triệu, hai trăm linh chín nghìn không trăm bốn mươi năm đồng.

Ghi chú:

- Đơn giá trên là đơn giá cố định.



- Khối lượng trên là khối lượng tạm tính. Giá trị thanh toán căn cứ vào khối lượng thực tế thi công được nghiệm thu giữa các bên.

Điều 2. Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật.

- Phải thực hiện theo đúng chỉ dẫn kỹ thuật của gói thầu, hồ sơ thiết kế, bảo đảm sự bền vững và chính xác của các công việc theo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành và đúng theo các quy định của hợp đồng chính.

- Việc quản lý chất lượng vật tư, máy thi công phải tuân thủ theo đúng các quy định của Nhà nước hiện hành.

- Bên B chịu trách nhiệm trước Bên A và pháp luật về chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật của các loại vật liệu, máy móc do Bên B cung cấp.

- Tất cả các loại hàng hóa do bên B cung cấp phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định hiện hành.

- Các mở khai thác vật liệu phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép, trước khi thi công phải trình giấy phép khai thác cho Bên A để Bên A trình Chủ phê duyệt.

Điều 3. Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng:

Bên B có thể thực hiện một trong các biện pháp: đặt cọc, ký quỹ hoặc nộp thư bảo lãnh để bảo đảm trách nhiệm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu. Giá trị bảo lãnh là 3% giá trị hợp đồng.

Hai bên thỏa thuận, bên A sẽ tạm ứng cho bên B số tiền tương đương với 10% giá trị hợp đồng.

Trước khi nhận tiền tạm ứng hợp đồng thì bên B phải nộp cho bên A bảo lãnh tạm ứng hợp đồng với giá trị tương đương giá trị tiền tạm ứng.

Tiền tạm ứng được thu hồi dần trong các đợt thanh toán và được thu hồi hết khi bên A thanh toán cho bên B đến 80% giá trị hợp đồng.

Bên B chịu trách nhiệm quản lý việc sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả, tuân thủ quy định của pháp luật.

Điều 4. Thanh toán khối lượng hoàn thành

4.1. Đồng tiền thanh toán : Việt Nam đồng

+ Bên A chỉ thanh toán cho bên B khối lượng được TVGS, Chủ Đầu Tư xác nhận hoàn thành theo các điều kiện quy định và bên B xuất hóa đơn GTGT cho bên A của từng đợt thanh toán.

00
GIY
HUX
HUC
DS
FN



4.2. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc đối trừ công nợ với bên thứ 3 (nếu có).

Điều 5. Điều chỉnh giá hợp đồng

- Việc điều chỉnh giá hợp đồng giữa bên A và bên B được thực hiện căn cứ giá hợp đồng được điều chỉnh giữa Chủ Đầu tư và bên A.

Điều 6. Tiến độ thực hiện

Thời gian thi công: Thực hiện theo tiến độ giữa Bên A với Chủ đầu tư.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của bên A

- Đình chỉ thực hiện hoặc chấm dứt hợp đồng với nhà thầu thi công xây dựng theo quy định của pháp luật trong trường hợp bên B không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng này.

- Trong trường hợp Bên B thi công xây dựng công trình vi phạm các quy định về chất lượng công trình, tiến độ xây dựng, an toàn và vệ sinh môi trường, Bên A yêu cầu bên B dừng thi công xây dựng công trình và khắc phục hậu quả.

- Trong quá trình thi công, bên A có quyền yêu cầu tổ chức và các cá nhân có liên quan phối hợp để cùng thực hiện các công việc.

- Chỉ thanh toán giá trị khối lượng cho Bên B khi khối lượng vật tư, máy thi công được Chủ Đầu tư, Tư vấn giám sát chấp thuận.

- Tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình.

- Kiểm tra các biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường.

- Xem xét các đề xuất liên quan đến thiết kế của nhà thầu trong quá trình thi công xây dựng công trình.

- Bên A có trách nhiệm ký hồ sơ thanh toán nội bộ giữa Bên A và Bên B để làm cơ sở trước khi Bên B xuất hóa đơn GTGT cho Bên A.

- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của bên B

- Thực hiện theo đúng hợp đồng đã ký kết giữa hai bên A và B.

- Từ chối thực hiện những yêu cầu trái pháp luật.

- Đề xuất các phương án, giải pháp thi công cũng như thay đổi thiết kế khi phát hiện thấy những yếu tố bất hợp lý, nếu không thay đổi sẽ ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ, biện pháp thi công và hiệu quả đầu tư của dự án.

- Yêu cầu thanh toán giá trị khối lượng xây dựng hoàn thành theo đúng hợp đồng quy định.

78,
ÔP
CP
(G)
D
11



- Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước bên A và pháp luật về tiến độ, chất lượng vật tư, máy thi công do mình đảm nhận; bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng, sử dụng vật liệu không đúng tiêu chuẩn, thi công không đảm bảo chất lượng, tiến độ hoặc gây hư hỏng, gây ô nhiễm môi trường và các hành vi khác gây thiệt hại.

- Phải thực hiện đúng và đủ các quy cách, thủ tục, các tiêu chuẩn kỹ thuật chất lượng nêu ra trong các quy trình thi công, nghiệm thu, thí nghiệm, kiểm tra công trình theo đúng các quy định hiện hành của các cơ quan có thẩm quyền. Hoàn thành các công tác theo đúng tiến độ cụ thể theo yêu cầu của bên A hay đại diện của bên A, TVGS và Chủ Đầu tư.

- Bên B không được thuê thầu phụ thi công xây dựng công trình. Bên B không được tự ý rút thiết bị máy móc ra khỏi công trường. Trước khi rút thiết bị, máy móc ra khỏi công trường, bên B phải báo cáo cho bên A biết và phải được sự đồng ý của bên A.

- Quản lý thống nhất mặt bằng xây dựng đã được bàn giao, bảo đảm an toàn an ninh trật tự khu vực thi công, an toàn giao thông, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, an toàn phòng cháy chữa cháy, có Ban Chỉ huy công trường, cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên có mặt và đủ khả năng giải quyết mọi công việc thi công. Quản lý công nhân xây dựng trên công trường, đảm bảo an ninh, trật tự, không gây ảnh hưởng đến các khu dân cư xung quanh.

- Bên B chịu chi phí chuẩn bị công trường, lán trại và các chi phí điện, nước, an ninh công trường...

- Tương ứng với hạng mục thi công của mình, bên B sẽ chịu các chi phí, thiệt hại mà bên B gây ra trong trường hợp: hư hỏng đường vào công trường do Bên B chuyên chở vật liệu, bồi thường thiệt hại cho các hộ dân xung quanh bị ảnh hưởng trong quá trình Bên B thi công công trình.

- Mua các bảo hiểm theo quy định pháp luật về bảo hiểm (bảo hiểm cho người lao động, vật tư vật liệu, và tài sản của bên B, bảo hiểm cho phương tiện thiết bị tham gia thi công ...)

- Bên B hoàn toàn chịu mọi chi phí, trách nhiệm, tổn thất, rủi ro, thương, phạt phát sinh trong quá trình thi công xây dựng công trình và để xảy ra mất an toàn giao thông và an toàn lao động trên công trường.

- Trong mỗi đợt thanh toán, Bên B có trách nhiệm xuất hoá đơn GTGT cho bên A và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính hợp pháp của hoá đơn này.

TRƯỜNG
C
M



- Các thay đổi về chế độ chính sách nếu được áp dụng không làm thay đổi nghĩa vụ của bên B là phải hoàn thành thi công công trình theo đúng tiến độ đã được phê duyệt.

- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của hợp đồng chính và pháp luật.

Điều 9. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp

Trong trường hợp có tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết. Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp sẽ đưa ra Tòa Án Nhân Dân – Tỉnh Vĩnh Phúc, phán quyết cuối cùng của toà án buộc hai bên phải tuân theo, bên nào thua kiện sẽ phải chịu mọi phí tổn cho Toà án.

Điều 10. Điều khoản chung

- Các tài liệu sau là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng này :

- Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước về tính bảo mật.

- Hợp đồng lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau kể từ ngày ký, Bên A giữ 03 bản Bên B giữ 02 bản làm cơ sở thực hiện.



GIÁM ĐỐC
Lê Thành Công



TRƯỞNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Sơn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 12 năm 2024

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG

Số: 6868/2024/HĐTCXD/EPIC - DSD

Về việc: Thi công xây dựng hoàn thiện công trình:

Công trình : Xây dựng văn phòng, nhà xưởng sản xuất gia công
và xuất khẩu hàng may mặc

Địa điểm: CCN Đồng Sóc, TT. Tứ Trưng, Huyện Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Phúc.

GIỮA

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN INDONG EPIC

VÀ

NHÀ THẦU THI CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD

Năm 2024



MỤC LỤC

I. CÁC BÊN THAM GIA KÝ HỢP ĐỒNG.....	2
II. CÁC CĂN CỨ ĐỂ KÝ HỢP ĐỒNG.....	2
III. HỒ SƠ HỢP ĐỒNG VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN.....	3
IV. CHỦ ĐẦU TƯ.....	3
V. NHÀ THẦU.....	4
1. Phạm vi công việc của Nhà thầu.....	4
2. Quyền hạn và trách nhiệm chung của Nhà thầu.....	5
3. Trách nhiệm quản lý, giám sát của Nhà thầu.....	6
4. Hợp tác.....	8
5. Định vị khảo sát công trường.....	8
6. Các quy định về an toàn lao động và vệ sinh môi trường.....	8
7. Đảm bảo chất lượng.....	8
9. Che phủ tạm.....	9
10. Hệ thống kỹ thuật hiện tại.....	9
VI. THIẾT BỊ CỦA NHÀ THẦU.....	9
VII. TIẾN ĐỘ HỢP ĐỒNG.....	9
1. Thời gian thực hiện Hợp đồng.....	9
2. Thời gian hoàn thành Hợp đồng.....	9
3. Giảm trừ tiến độ.....	9
VIII. HÌNH THỨC, GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN.....	10
1. Hình thức hợp đồng.....	10
2. Giá trị hợp đồng.....	10
3. Phương thức thanh toán.....	10
4. Phát sinh hợp đồng.....	11
5. Đồng tiền thanh toán.....	12
6. Hình thức thanh toán.....	12
IX. BẢO HÀNH.....	12
1. Hình thức bảo hành.....	12
2. Bảo trì công trình.....	12
X. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG.....	13
1. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư.....	13
2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu.....	13
XI. BẤT KHẢ KHÁNG.....	14
XII. PHẠT VI PHẠM ĐỐI VỚI TỔ ĐỘI.....	14
XIII. LUẬT ÁP DỤNG.....	14
XIV. TRANH CHẤP.....	15
XV. NGÔN NGỮ.....	15
XVI. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG.....	15



III. HỒ SƠ HỢP ĐỒNG VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN

1. Hồ sơ Hợp đồng:

Hồ sơ hợp đồng bao gồm các tài liệu không tách rời khỏi hợp đồng sau:

- a) Bản hợp đồng này (các căn cứ ký kết hợp đồng, các điều khoản và điều kiện của hợp đồng này);
- b) Biên bản đàm phán hợp đồng, các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng (nếu có).
- c) Phụ lục kèm theo hợp đồng (bao gồm danh mục chi tiết về nội dung công việc, bảng giá hợp đồng, tiến độ thực hiện);
- d) Các phụ lục hợp đồng (nếu có).
- e) Chỉ dẫn kỹ thuật, Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt và các bản vẽ do Bên A điều chỉnh bổ sung khác (nếu có).
- f) Tiến độ và biện pháp thi công chi tiết do Bên B lập được Bên A và TVGS (nếu có) chấp thuận.
- g) Các tài liệu khác có liên quan.

2. Thứ tự ưu tiên của Hợp đồng:

- Những tài liệu cấu thành nên Hợp đồng là quan hệ thống nhất giải thích tương hỗ lẫn nhau, nhưng nếu có điểm nào không rõ ràng hoặc không thống nhất thì các bên có trách nhiệm trao đổi và thống nhất. Trường hợp, các bên không thống nhất được thì thứ tự ưu tiên các tài liệu cấu thành hợp đồng để xử lý vấn đề không thống nhất được quy định như khoản III.1 [Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên].

- Tất cả các tài liệu trên cùng với các nội dung và điều khoản của Hợp đồng này được hiểu là tài liệu của Hợp đồng này và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.

IV. CHỦ ĐẦU TƯ

1. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ đầu tư.

Có quyền điều chỉnh phạm vi công việc, tiến độ thi công công trình trong Hợp đồng này theo yêu cầu của công việc. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư phải thông báo cho Nhà thầu bằng văn bản (hoặc email, Zalo, điện thoại) trước 03 ngày để Nhà thầu có kế hoạch chuẩn bị nguồn nhân lực và vật liệu cần thiết.

Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu điều chuyển hay thay thế bất kỳ nhân sự nào của Nhà thầu khi xét thấy các nhân sự này không đáp ứng được yêu cầu của công việc về trình độ chuyên môn, vi phạm các điều khoản của Hợp đồng hay có thái độ bất hợp tác với Chủ đầu tư trong quá trình thực hiện hợp đồng (có bằng chứng hợp lý để chứng minh). Khi đó, Nhà thầu phải có trách nhiệm chấp hành và thực hiện ngay yêu cầu của Chủ đầu tư trong



Thời gian ngắn nhất có thể nhưng tối đa không quá 07 ngày sau khi nhận được yêu cầu bằng văn bản (hoặc email, Zalo, điện thoại) của Chủ đầu tư.

Chủ đầu tư có trách nhiệm bàn giao mặt bằng thi công cho Nhà thầu đúng tiến độ, bàn giao cho Nhà thầu toạ độ, cao độ các điểm mốc cơ sở để định vị công trình.

Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán đúng và đầy đủ cho Nhà thầu theo các đợt thanh toán và các chi phí được xác định trong Hợp đồng này.

Quản lý, giám sát và kiểm tra Nhà thầu thực hiện Hợp đồng.

Giám sát đảm bảo chất lượng công việc và có quyền yêu cầu Nhà thầu sửa chữa những công việc không phù hợp.

Nghiệm thu công việc của Nhà thầu theo yêu cầu của Hợp đồng và các quy định pháp lý có liên quan, ký xác nhận biên bản bàn giao với Nhà thầu trong vòng 03 ngày sau khi hoàn thành công việc.

Hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết và cung cấp các yêu cầu kỹ thuật, tạo điều kiện thuận lợi để Nhà thầu tiến hành công việc.

Đề cử nhân sự (bằng văn bản hoặc email, Zalo, điện thoại) có kinh nghiệm và đủ thẩm quyền đại diện Chủ đầu tư giải quyết mọi vấn đề có liên quan đến kỹ thuật, chất lượng và tiến độ công việc (theo văn bản hoặc email, Zalo, điện thoại đề cử của Chủ đầu tư).

Có hành động kịp thời ngay khi nhận được thông báo từ Nhà thầu về những nguyên nhân/lý do dẫn đến việc công trình hoàn tất chậm trễ.

V. NHÀ THẦU

1. Phạm vi công việc của Nhà thầu.

Phạm vi công việc của Nhà thầu sẽ bao gồm những công việc liên quan đến thi công xây dựng hoàn thiện các hạng mục công việc chi tiết cụ thể như sau:

A, Thi công hoàn thiện công trình: **Xây dựng văn phòng, nhà xưởng sản xuất gia công và xuất khẩu hàng may mặc** tại Cụm công nghiệp Đồng Sóc, Thị trấn Tứ Trung, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc theo đúng bản vẽ thiết kế được Bên A phê duyệt (kể cả phần sửa đổi), chỉ dẫn kỹ thuật, đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá cả, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và các thỏa thuận khác trong Hợp đồng. Được Bên A chấp thuận nghiệm thu, nhận bàn giao đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Bàn giao và tiếp nhận, quản lý mặt bằng xây dựng, tiếp nhận và bảo quản tim, cốt, mốc giới công trình;

- Cung cấp vật liệu xây dựng, nhân lực, máy và thiết bị thi công để thi công xây dựng công trình theo hợp đồng;

11/2/2023 13:11



Thi công xây dựng công trình theo đúng hồ sơ thiết kế được phê duyệt và quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành;

- Thực hiện trắc đạc, quan trắc công trình theo yêu cầu thiết kế. Thực hiện thí nghiệm, kiểm tra chạy thử đơn động và chạy thử liên động theo kế hoạch trước khi đề nghị nghiệm thu;
- Xác định vùng nguy hiểm trong thi công xây dựng công trình theo quy định.
- Kiểm soát chất lượng công việc xây dựng và lắp đặt thiết bị, giám sát thi công xây dựng công trình đối với công việc xây dựng do Nhà thầu phụ thực hiện.
- Xử lý, khắc phục các sai sót, khiếm khuyết về chất lượng trong quá trình thi công xây dựng (nếu có);
- Thí nghiệm kiểm tra chất lượng vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng;
- Thực hiện nghiệm thu công việc chuyển bước thi công, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng Mục công trình, công trình xây dựng;
- Thực hiện các công tác bảo đảm an toàn, an ninh khu vực, bảo vệ và vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ;
- Bảo vệ công trường, mặt bằng thi công trong phạm vi hợp đồng thi công;
- Hợp tác với các nhà thầu khác trên công trường (nếu có);
- Thu dọn công trường và bàn giao sản phẩm xây dựng sau khi hoàn thành.
- Khối lượng thi công được nêu trong phụ lục được hiểu là tạm tính theo một phần Hợp đồng chính. Trong quá trình thi công, Bên A có quyền điều chỉnh khối lượng đã giao cho Bên B thi công để phù hợp với tình hình thực tế tại công trường.

Lưu ý: Toàn bộ chi phí thí nghiệm, kiểm định Bên A chịu trách nhiệm thanh toán.

B, Ngoài các công việc nêu trên, nếu Chủ đầu tư có yêu cầu làm những công việc phát sinh ngoài hợp đồng thì đơn giá sẽ được thống nhất giữa các bên trước khi thi công và có biên bản xác nhận.

2. Quyền hạn và trách nhiệm chung của Nhà thầu.

a, Quyền của Nhà thầu

Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn, thi công xây dựng công trình.

Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn, thi công vì lợi ích của Chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm thi công.

Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.



Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng, thanh toán đúng tiến độ Hợp đồng

b, Nghĩa vụ của Nhà thầu

Nhà thầu chịu trách nhiệm tổ chức và thực hiện công việc đã nêu ở Khoản V điểm 1 và **Phụ lục 01, 02 (đính kèm)** theo bản vẽ thiết kế kiến trúc, kết cấu của công trình và hoàn thành theo đúng Hợp đồng, thiết kế được Chủ đầu tư phê duyệt, sửa chữa bất kỳ sai sót nào của công việc.

Nhà thầu là người chịu trách nhiệm duy nhất trước Chủ đầu tư về chất lượng và tiến độ thực hiện công việc của hợp đồng này.

Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong HD, BVTK.

Bảo quản và bàn giao lại cho Chủ đầu tư những tài liệu do Chủ đầu tư cung cấp theo Hợp đồng sau khi hoàn thành công việc.

Nhà thầu sẽ phải cung cấp đầy đủ thợ lành nghề, có đủ sức khỏe để thực hiện những công việc được giao.

3. Trách nhiệm quản lý, giám sát của Nhà thầu

Nhà thầu sẽ phải chỉ định một người quản lý chịu trách nhiệm về công việc và có mặt thường xuyên tại hiện trường (trong trường hợp người quản lý chính vắng mặt thì phải cử người có đủ thẩm quyền, năng lực thay thế). Người quản lý này phải có đủ điều kiện và năng lực phù hợp để thực hiện công việc, hơn nữa phải có khả năng phối hợp, kết hợp với các bên trong quá trình thực hiện công việc và có quyền quyết định các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện công việc.

Nhà thầu có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá Hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi CĐT chấp thuận.

Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán theo sự thỏa thuận giữa 2 bên.

Kiểm tra các điều kiện khởi công công trình xây dựng theo quy định của Pháp luật; Kiểm tra về nhân lực, thiết bị thi công của tổ đội thi công xây dựng đưa vào công trình;

Kiểm tra và giám sát chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị lắp đặt vào công trình do tổ đội thi công xây dựng công trình thực hiện theo yêu cầu của Hợp đồng, Bản vẽ thiết kế được duyệt;

Kiểm tra và giám sát thường xuyên có hệ thống quá trình tổ đội thi công xây dựng công trình triển khai các công việc tại hiện trường;

Xác nhận bản vẽ hoàn công;



Nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định của Pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Tập hợp, kiểm tra tài liệu phục vụ nghiệm thu công việc xây dựng, bộ phận công trình, giai đoạn thi công xây dựng, nghiệm thu thiết bị, nghiệm thu hoàn thành từng hạng mục công trình xây dựng và hoàn thành công trình xây dựng;

Phát hiện sai sót, bất hợp lý về thiết kế đề nghị Chủ đầu tư điều chỉnh hoặc yêu cầu nhà thầu thiết kế điều chỉnh;

Phối hợp với Chủ đầu tư tổ chức kiểm định lại chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình và công trình xây dựng khi có nghi ngờ về chất lượng;

Thực hiện các công việc khác theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng cơ bản nhằm giám sát đảm bảo chất lượng, đúng thiết kế, tiến độ, an toàn lao động – vệ sinh môi trường công trường...

Nhà thầu tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ... thực hiện theo Bộ Luật lao động. Nhà thầu không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá Hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình; giám sát các biện pháp đảm bảo an toàn đối với công trình lân cận, công tác quan trắc công trình;

Yêu cầu tổ đội thi công tạm dừng thi công khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không đảm bảo an toàn, vi phạm các quy định về quản lý an toàn lao động làm xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn lao động; chủ trì, phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thi công xây dựng công trình và phối hợp xử lý, khắc phục sự cố;

Kiểm tra, đánh giá kết quả thí nghiệm kiểm tra vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng trong quá trình thi công xây dựng (nếu có) và các tài liệu khác có liên quan phục vụ nghiệm thu; kiểm tra và xác nhận bản vẽ hoàn công;

Tổ chức thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình, công trình xây dựng (nếu có);

Thực hiện các công tác nghiệm thu; kiểm tra và xác nhận khối lượng hoàn thành;

Tham gia nghiệm thu các giai đoạn, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình và toàn bộ công trình khi có yêu cầu của Chủ đầu tư và tư vấn thiết kế xây dựng công trình.

Báo cáo định kỳ: Cung cấp cho Chủ đầu tư, tổ đội thi công các Báo cáo định kỳ hàng tuần về các công việc do bộ phận thi công đã và đang thực hiện tại công trường, trong đó có



báo cáo các công việc đã hoàn thành và được nghiệm thu trong kỳ báo cáo, nhận xét, đánh giá của bộ phận giám sát thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt thiết bị về chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

Báo cáo nghiệm thu từng hạng mục: Sau mỗi công đoạn thi công phải thực hiện công tác nghiệm thu bộ phận, hạng mục công trình đã hoàn thành để đánh giá về mặt kỹ thuật và chất lượng cũng như khối lượng công việc đã hoàn thành, nhận xét và đưa ra phương hướng thực hiện công đoạn tiếp theo.

Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

4. Hợp tác.

Như đã được xác định trong Hợp đồng hoặc theo chỉ dẫn của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải tạo điều kiện thích hợp cho việc thực hiện công việc đối với:

- (a) Chủ đầu tư, Đại diện Chủ đầu tư và Đơn vị tư vấn (nếu có).
- (b) Các đơn vị khác được Chủ đầu tư thuê để thực hiện Dự án.
- (c) Các nhân viên của những cơ quan công quyền được thiết lập một cách hợp pháp. Là những người tham gia vào việc thực hiện Dự án, làm việc ở trên hoặc gần công trường.

5. Định vị khảo sát công trường.

Nhà thầu sẽ phải khảo sát chi tiết công trường và các công trình xung quanh trước khi bắt đầu thực hiện công việc. Nhà thầu phải kiểm tra kích thước định vị công trình, toạ độ và cao độ của các điểm mốc cơ sở và báo cáo lại Chủ đầu tư nếu có sự khác biệt.

6. Các quy định về an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

Nhà thầu phải tuân thủ các nội quy, quy định hiện hành của Nhà nước về an toàn lao động, phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện công việc.

- Tất cả cán bộ kỹ thuật và công nhân phải và chỉ được làm việc trên cao khi có đủ sức khỏe phù hợp với công việc được giao.

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn về công tác đảm bảo an toàn lao động cho Người, máy móc, thiết bị, công trình trong suốt thời gian thi công.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cần thiết, phù hợp với công việc được giao cho công nhân thi công trên công trường.

7. Đảm bảo chất lượng.

Nhà thầu phải tuân thủ theo quy trình quản lý chất lượng được ban hành bởi Chủ đầu tư và các quy định hiện hành của Nhà nước. Trong quá trình thực hiện công việc, Nhà thầu phải phối hợp và chịu sự chi phối, điều tiết trực tiếp từ Chủ đầu tư hoặc Đại diện của Chủ đầu tư.



Việc chấp hành đúng hệ thống bảo đảm chất lượng không hề miễn cho Nhà thầu khỏi các nghĩa vụ và trách nhiệm theo Hợp đồng.

8. Điện, nước lán trại, thi công.

Chủ đầu tư sẽ thanh toán chi phí tiền sử dụng điện, nước cho quá trình thi công.

9. Che phủ tạm.

Tại những vị trí cần thiết, để đảm bảo những điều kiện bảo vệ cần thiết tránh thời tiết xấu và các hư hại trong quá trình thi công, Nhà thầu được phép sử dụng những biện pháp che phủ hợp lý và phải đảm bảo dỡ bỏ những phương tiện che phủ sau khi hoàn thành công việc.

10. Hệ thống kỹ thuật hiện tại.

Bất kỳ một hư hỏng nào tới hệ thống kỹ thuật hạ tầng, của các công trình lân cận hiện tại mà nguyên nhân do Nhà thầu gây ra tại những vị trí được chỉ ra trong bản vẽ, những bằng chứng trên công trường hay được chỉ ra bởi Chủ đầu tư hoặc Đại diện Chủ đầu tư, Nhà thầu bằng chi phí của mình, sẽ phải khắc phục và sửa chữa ngay lập tức.

Bất kỳ một sự đấu nối nào với hệ thống kỹ thuật hiện tại chỉ được thực hiện dưới sự giám sát và chấp thuận của Chủ đầu tư.

VI. THIẾT BỊ CỦA NHÀ THẦU

Nhà thầu sẽ phải huy động các máy móc, thiết bị cần thiết tới công trường để triển khai công việc theo đúng tiến độ và phải duy tu, bảo dưỡng máy móc, thiết bị trong quá trình xây dựng. Nhà thầu phải thay đổi thiết bị, máy thi công xây dựng khi Chủ đầu tư nhận thấy thiết bị, máy móc đó không phù hợp và đạt chất lượng để thi công.

Nhà thầu sẽ phải chịu kinh phí cho việc huy động, di chuyển tạm và giải tán thiết bị.

Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm về bảo hiểm và an ninh các thiết bị của Nhà thầu.

VII. TIẾN ĐỘ HỢP ĐỒNG

1. Thời gian thực hiện Hợp đồng

Tính từ ngày :/...../2024 khi Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng có hiệu lực, đồng thời bên A bàn giao mặt bằng cho bên B, Bên B được phép vào thi công tại công trường.

2. Thời gian hoàn thành Hợp đồng

90 ngày kể từ ngày Bên B được phép thi công tại công trường và Bên B nhận được tiền tạm ứng của Bên A.

3. Giảm trừ tiến độ.

Tiến độ thi công chỉ được giảm trừ trong các trường hợp bất khả kháng như: động đất, chiến tranh, núi lửa, hỏa hoạn, mưa bão, lũ lụt...

Tiến độ thi công chưa bao gồm các ngày nghỉ lễ theo quy định của nhà nước hiện hành



Tiến độ thi công giảm trừ do vướng mắc của các đơn vị cung cấp, thi công khác được Chủ đầu tư đưa vào thi công, gây ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình thi công của bên B.

Tiến độ thi công còn được giảm trừ khi Chủ đầu tư chậm thanh toán, chậm bàn giao mặt bằng thi công và các lý do khác theo yêu cầu tạm dừng thi công từ phía Chủ đầu tư hoặc từ các cơ quan công quyền trong trường hợp này Chủ đầu tư phải chịu toàn bộ phần thiệt hại do việc chậm tiến độ gây ra.

VIII. HÌNH THỨC, GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN

1. Hình thức hợp đồng:

- Hợp đồng là **hợp đồng theo đơn giá cố định**. Các khối lượng phát sinh không có trong bảng chi tiết hạng mục công việc, hai bên (A- B) thương thảo thống nhất trước khi thi công.

- Hợp đồng được hiểu là Hợp đồng theo hình thức giao khoán theo đơn giá cố định (bao gồm vật tư chính, vật tư phụ, nhân công, máy móc, thiết bị do Nhà thầu cung cấp).

- Nếu Bản vẽ thiết kế có sự thay đổi về khối lượng từ phía CĐT thì khối lượng quyết toán sẽ được tính theo Bản vẽ thiết kế hoàn công cuối cùng được các Bên thống nhất chấp thuận.

- Các chi phí cho biện pháp thi công, đảm an toàn lao động, vệ sinh môi trường, chi phí về mua bảo hiểm cho: Người lao động, máy móc, thiết bị, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ 3... được hiểu là đã tính hết trong giá xây lắp của Nhà thầu.

2. Giá trị hợp đồng.

- Giá trị Hợp đồng thi công công trình là giá trị tạm tính. Giá chuẩn sẽ căn cứ khối lượng hoàn thành thực tế sau nghiệm thu có ký kết xác nhận của hai bên.

- Giá trị tạm tính làm căn cứ để tạm ứng cho bên B là: **10.499.016.000 đồng**
(*Bằng chữ: Mười tỷ, bốn trăm chín mươi chín triệu, không trăm mười sáu nghìn đồng./*)

- Giá Hợp đồng **chưa bao gồm thuế VAT**.

- Chi tiết bảng giá Hợp đồng theo từng Phụ lục hợp đồng.

- Giá Hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện công việc theo Hợp đồng, đến bản quyền, lợi nhuận của Bên B, bảo hiểm thuộc trách nhiệm của bên B và tất cả các loại thuế, phí có liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Phương thức thanh toán.

Thanh toán Hợp đồng: Chủ đầu tư sẽ thanh toán theo các đợt như sau:



a, Tạm ứng:

- Giá trị tạm ứng: Trong thời gian 05 ngày sau khi hợp đồng có hiệu lực Bên A sẽ tiến hành tạm ứng cho bên B 20% giá trị Hợp đồng. Tương đương với số tiền là: **2.099.803.200 VNĐ (Bằng chữ: Hai tỷ, không trăm chín mươi chín triệu, tám trăm linh ba nghìn, hai trăm đồng chẵn./.)**

b, Thanh toán:

Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu theo tiến độ như sau :

- Bên B được thanh toán định kỳ vào ngày 30 hàng tháng. Bắt đầu từ ngày 15 hàng tháng bên B làm hồ sơ nghiệm thu theo khối lượng hoàn thành thực tế có xác nhận của giám sát kỹ thuật bên A, đồng thời làm hồ sơ thanh toán. Đến ngày 25 hàng tháng Bên A sẽ chốt hồ sơ khối lượng hoàn thành để làm căn cứ ngày 30 thanh toán cho bên B.

- Bên A sẽ thanh toán cho bên B 100% giá trị khối lượng hoàn thành trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo quy định của Hợp đồng. Sau khi đã khấu trừ tạm ứng, tiền giữ lại bảo hành và tiền thanh toán cho bên thứ 3 (nếu có). Bên A sẽ giữ lại 3% để bảo hành công trình theo quy định.

- Nếu quá 05 ngày kể từ thời hạn nêu trên mà Bên A chưa thanh toán cho Bên B thì bên B có quyền dừng thi công. Nếu quá 15 ngày kể từ thời hạn nêu trên mà Bên A chưa thanh toán cho Bên B thì Bên A sẽ phải chịu lãi suất trung hạn trong vòng 90 ngày cho số tiền chậm thanh toán và sau 90 ngày sẽ phải chịu lãi suất quá hạn của một ngân hàng được cấp phép hoạt động tại Việt Nam và được Bên A chấp thuận.

c, Hồ sơ thanh toán cho mỗi đợt bao gồm:

- + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực tế có xác nhận của 2 bên.
- + Bảng chi tiết khối lượng hoàn thành từng đợt.
- + Biên bản nghiệm thu công việc được giám sát bên A nghiệm thu.
- + Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán của bên B bao gồm: Giá trị hoàn thành theo Hợp đồng; Giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có); Các khoản khấu trừ và giữ lại theo quy định tại Hợp đồng; Giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản này;
- + Văn bản đề nghị thanh toán của Bên B;
- + Hóa đơn tài chính hợp lệ.

4. Phát sinh hợp đồng:

- Nhà thầu thi công chịu trách nhiệm thi công đúng theo bản vẽ thiết kế phê duyệt.



- Những phần việc phát sinh ngoài ý muốn do bản vẽ thi công không đồng nhất. Những bất cập do thiết kế bản vẽ thi công so với thực tế thì được coi là phát sinh ngoài hợp đồng.

- Trong trường hợp bản vẽ thiết kế thay đổi hoặc Chủ đầu tư chủ động thay đổi sẽ tính phát sinh khi các bên thống nhất trước khi thi công.

5. Đồng tiền thanh toán.

Thanh toán bằng đồng Việt Nam.

6. Hình thức thanh toán.

Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

IX. BẢO HÀNH

1. Hình thức bảo hành.

- Đối với kết cấu móng: 02 năm.

- Không bảo hành đối với nguyên nhân gây lún, nứt kết cấu do nguyên nhân bất khả kháng.

- Bảo hành hoàn thiện: **01 năm.**

2. Bảo trì công trình.

- Nhà thầu có trách nhiệm bảo trì kịp thời sau khi nhận được yêu cầu sửa chữa của Chủ đầu tư, số lần bảo trì **02 năm/ 01 lần.**

- Mọi chi phí cho công tác bảo trì sẽ được hai bên thống nhất trước khi Bên B tiến hành công tác bảo trì.

3. Giá trị bảo hành.

- Bên B sẽ phải gửi cho bên A 01 phiếu xác nhận bảo hành có xác nhận đóng dấu của Bên B để làm căn cứ bảo hành sau này. Trong thời gian bảo hành, Bên B phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Bên B gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của Bên B. Mỗi lần có thông báo về sai sót trong công trình, Bên B phải tiến hành sửa chữa sai sót đó trong khoảng thời gian quy định mà Chủ đầu tư đã thông báo

- Sau khi công trình được Chủ đầu tư nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng, Bên B phải:

- Thực hiện việc bảo hành hạng mục công trình trong thời gian 12 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư ký biên bản nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng.

- Mức tiền giữ lại để bảo hành công trình là 3% giá trị khối lượng hoàn thành (giá trị quyết toán).

- Hình thức bảo hành công trình: Bên A sẽ giữ lại 3% giá trị khối lượng hoàn



thành (quyết toán) hoặc thư bảo lãnh có hiệu lực tương ứng của Ngân hàng và Bên B sẽ được hoàn trả khi kết thúc thời gian bảo hành công trình.

- Bên B sẽ phải gửi cho bên A 01 phiếu xác nhận bảo hành có xác nhận đóng dấu của Bên B để làm căn cứ bảo hành sau này. Trong thời gian bảo hành, Bên B phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Bên B gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của Bên B. Mỗi lần có thông báo về sai sót trong công trình, Bên B phải tiến hành sửa chữa sai sót đó trong khoảng thời gian quy định mà Chủ đầu tư đã thông báo.

X. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

1. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư.

Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng nếu Nhà thầu:

- (a) Bỏ dở công trình không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng.
- (b) Không có lý do chính đáng mà lại không thực hiện Công việc theo đúng tiến độ Hợp đồng.
- (c) Chuyển nhượng toàn bộ Hợp đồng cho nhà thầu khác mà không được Chủ đầu tư chấp thuận.
- (d) Bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người được uỷ quyền hoặc người quản lý tài sản, hoặc có hành động nào được thực hiện hoặc sự kiện xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này Nhà thầu phải rời công trường và chuyển các hàng hoá cần thiết, các tài liệu của Nhà thầu và các hồ sơ thiết kế khác của Nhà thầu cho Chủ đầu tư sau khi Chủ đầu tư đã thanh toán cho Nhà thầu khối lượng công việc hoàn thành. Chủ đầu tư sẽ thông báo rằng thiết bị của Nhà

thầu và công trình tạm thời sẽ được giải phóng cho Nhà thầu ở tại hoặc gần công trình. Nhà thầu sẽ ngay lập tức sắp xếp để chuyển đi, rủi ro và chi phí cho việc này sẽ do Nhà thầu chịu. Tuy nhiên, nếu đến lúc này mà Nhà thầu còn nợ Chủ đầu tư một khoản thanh toán nào thì Chủ đầu tư được quyền bán chúng để lấy lại tiền. Số tiền dư ra sẽ được trả cho Nhà thầu.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu.

Nhà thầu có quyền chấm dứt hợp đồng này 15 ngày sau khi đã thông báo cho Chủ đầu tư về các trường hợp được quy định trong đoạn (a) và (b) dưới đây:

- a) Chủ đầu tư vi phạm các điều khoản thanh toán tại điều VIII khoản 3.



- b) Nếu, trong trường hợp bất khả kháng do Chủ đầu tư, Nhà thầu không có khả năng tiếp tục thực hiện công việc sau 60 ngày.
- c) Chủ đầu tư vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng này mà không có biện pháp khắc phục kịp thời sau khi nhận được thông báo chính thức của Nhà thầu. Trong các trường hợp chấm dứt nêu trên, Nhà thầu được quyền yêu cầu thanh toán

100% giá trị khối lượng thực hiện hoặc được sản xuất hoặc giao đến công trường hoặc bất kỳ khoản tiền nào mà Nhà thầu đáng được hưởng cho tới thời điểm chấm dứt Hợp đồng.

Ngoài các trường hợp nêu trên, nếu một trong hai bên (Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu) đơn phương chấm dứt Hợp đồng, thì ngoài các khoản chi phí khác, bên đơn phương chấm dứt hợp đồng phải thanh toán cho bên kia một khoản phạt Hợp đồng trị giá 05% giá trị Hợp đồng.

XI. BẤT KHẢ KHÁNG

Nếu bất cứ bên nào không thể thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng do bất khả kháng, thì trong vòng 15 ngày Nhà thầu bị ảnh hưởng sẽ thông báo bằng văn bản cho bên kia đầy đủ, chi tiết trường hợp bất khả kháng của mình. Các nghĩa vụ của Nhà thầu bị ảnh hưởng chưa được thực hiện sẽ được treo lại trong quá trình xảy ra tình trạng bất khả kháng, nhưng không được kéo dài hơn, và tình trạng bất khả kháng này sẽ được khắc phục một cách nhanh nhất. Không bên nào chịu trách nhiệm về việc chậm trễ trong trường hợp bất khả kháng.

Cụm từ “Bất khả kháng” ở đây được hiểu là chiến tranh, nguy cơ chiến tranh, động đất, sóng thần, hỏa hoạn, bão, lũ lụt... mà vượt quá khả năng kiểm soát của bất cứ bên nào.

XII. PHẠT VI PHẠM ĐỐI VỚI TỔ ĐỘI

Các vi phạm đối với tổ đội như sau: Trộm cắp, mang các chất gây nổ mà không phục vụ công tác thi công, các chất gây nghiện bị cấm, uống rượu bia khi đang thi công trên công trường, đánh nhau gây mất trật tự an ninh nơi ở cũng như khu vực sẽ phạt 1.000.000 đồng/ 01 lần vi phạm, trục xuất đối tượng gây sự ra khỏi công trình và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại DSD phải chịu trách nhiệm đối với nhân sự của mình.

XIII. LUẬT ÁP DỤNG

Hợp đồng này sẽ được áp dụng và chi phối theo pháp luật hiện hành của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.



XIV. TRANH CHẤP

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có tranh chấp hay bất đồng xảy ra các bên sẽ cố gắng giải quyết trên tinh thần thương lượng, hoà giải.

Trong trường hợp cả hai bên không đạt được thoả thuận thì các tranh chấp bất đồng sẽ được đưa ra Toà án Kinh tế Vĩnh Phúc để giải quyết và quyết định của Toà án là quyết định cuối cùng và có hiệu lực ràng buộc cả hai bên.

XV. NGÔN NGỮ

Ngôn ngữ sử dụng và giao dịch trong quá trình thực hiện công việc là tiếng Việt.

XVI. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng này bao gồm cả phụ lục, tài liệu liên quan được lập thành 04 bản, Chủ đầu tư giữ 02 bản, Nhà thầu giữ 02 bản, có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



GIÁM ĐỐC

Trịnh Thị Hương

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Sơn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

HỢP ĐỒNG THI CÔNG

Số: 100523/2023/HĐKT/TQ-DSD

- Căn cứ vào Luật dân sự số 33/2005/QH11, Quốc hội nước cộng hoà XHCN Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;
- Căn cứ vào Luật thương mại số 36/2005/QH11, Quốc hội nước cộng hoà XHCN Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;
- Căn cứ vào nhu cầu của bên A và khả năng của bên B.

Hôm nay, ngày 10 tháng 05 năm 2023 tại sản Công ty TNHH Chè Thanh Quang chúng tôi gồm có:

Bên A: CÔNG TY TNHH CHÈ THANH QUANG

Đại diện là Bà: Nguyễn Thị Thanh Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ: TDP Kếu, Phường Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Tài khoản số: 2802201003968
Mã số thuế: 2500213017
Điện thoại: 0913 285 799

Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD

Đại diện là Ông: Nguyễn Ngọc Sơn Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà Việt Đức, số 8 Tôn Đức Thắng, Phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
Tài khoản số: 19038 286 198 013 tại NH TMCP kỹ thương VN – CN Vĩnh Phúc
Mã số thuế: 2500 679 351
Điện thoại: 0947 822 223

Điều 1: Nội dung, giá trị hợp đồng.

Bên A đồng ý giao bên B đồng ý nhận cung cấp vật tư gia công sản xuất, sơn, lắp đặt kết cấu thép chi tiết như sau:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cung cấp vật tư gia công sản xuất, sơn và lắp đặt nhà khung thép lợp tôn.	M ²	S=30,54x43,29=1322.07	990.000	1.308.849.300
2	Cửa chính ra vào (cửa đẩy tôn, khung thép hộp dày 1.4mm, bao gồm dây, phụ kiện đi kèm)	M ²	60	600.000	36.000.000

	Tổng Cộng			1.344.849.300
	Thuế VAT 10%			134.484.930
	Tổng cộng			1.479.334.230

Giá trị hợp đồng (tạm tính): 1.479.334.230 VNĐ

Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm bảy mươi chín triệu, ba trăm ba mươi tư nghìn, hai trăm ba mươi đồng.

- Đơn giá nêu trong **bảng kê chi tiết** là đơn giá khoán gọn trọn gói đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc dỡ hạ hàng và lắp đặt hoàn thiện tại công trình của bên A, quy cách theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt.

- Khối lượng phần cửa chính ra vào sẽ được nghiệm thu thực tế tại công trường.

- Khối lượng nêu trong **bảng kê chi tiết** là khối lượng tạm tính, khối lượng thanh toán căn cứ theo khối lượng đo thực tế.

Điều 2: Thời gian thực hiện.

Thời gian thực hiện công trình 35 ngày kể từ ngày bên A tạm ứng tiền và bàn giao mặt bằng bu lông móng cho bên B, trong đó bao gồm:

- Thời gian sản xuất 25 ngày
- Thời gian lắp đặt 10 ngày (không tính điều kiện thời tiết mưa bão)

Điều 3: Bảo hành công trình

- Bên B có trách nhiệm bảo hành công trình sau khi nghiệm thu bàn giao cho bên A. Bên B không chịu trách nhiệm bảo hành những lỗi do người sử dụng hoặc do những trường hợp bất khả kháng như: Lốc xoáy, mưa đá, động đất...

- Thời hạn bảo hành: 60 tháng tính từ ngày bên B bàn giao công trình cho bên A.
- Công trình được bảo hành khi bên A thi công theo đúng hồ sơ thiết kế.

Điều 4: Thanh toán, tạm ứng.

- Phương thức thanh toán, tạm ứng: Chuyển khoản
- Tạm ứng lần 1: Bên B Tạm ứng 30% sau khi hợp đồng có hiệu lực
- Tạm ứng lần 2: Sau khi bên B gia công xong, tập kết vật tư tại công trường bên A, bên A tạm ứng cho bên B 40% giá trị hợp đồng (không bao gồm giá trị tạm ứng lần 1).

- Thanh toán: Sau khi bên B thi công xong, hai bên cùng nhau làm các thủ tục nghiệm thu thanh toán, bên A sẽ thanh toán cho bên B 95% giá trị thực hiện được hai bên nghiệm thu, giá trị còn lại bên A thanh toán trong vòng 12 tháng khi hai bên nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng, hoặc nhận được thư phát hành bảo lãnh của ngân hàng bên B

- Các lần tạm ứng và thanh toán không chậm quá 03 ngày làm việc.

Điều 5: Quyền hạn và Trách nhiệm của các bên.

*** Quyền hạn và Trách nhiệm của bên A:**

- Bàn giao mặt bằng, cử cán bộ kỹ thuật kiểm tra vật tư và giám sát thi công.
- Kết hợp với bên B làm các thủ tục nghiệm thu thanh toán.
- Thanh toán cho bên B theo đúng điều khoản của hợp đồng. Nếu đến hạn thanh toán mà bên A chưa thanh toán cho bên B thì bên A sẽ phải chịu lãi suất theo lãi suất vay của ngân hàng.



*** Quyền hạn và trách nhiệm của bên B:**

- Tập kết vật tư đầy đủ, đúng chủng loại, đảm bảo chất lượng.
- Thi công đảm bảo đúng tiến độ, đúng kỹ thuật, chất lượng và thẩm mỹ.
- Thi công đúng hồ sơ thiết kế kỹ thuật mà bên A cung cấp cho bên B. Nếu trong quá trình thi công có sự sai khác bên B phải thông báo trước cho bên A để thống nhất trước khi thi công.
- Khi thi công tuyệt đối phải an toàn, nếu để xảy ra sự cố phát sinh khi thi công thì bên B hoàn toàn chịu mọi trách nhiệm.
- Bên B có quyền điều chỉnh giá (biến động tăng theo thị trường) trong trường hợp bên A không tạm ứng lần 1 đúng theo **Điều 4** trong hợp đồng này
- Bên B có quyền tạm dừng thi công nếu bên A không thanh toán theo đúng theo điều khoản thanh toán đã nêu trong hợp đồng.
- Bên B có quyền bán thanh lý số hàng bên A đã đặt nếu sau 60 ngày bên A không thanh toán theo đúng **Điều 4** của hợp đồng này và không phải hoàn trả lại số tiền bên A đã đặt.

Điều 6: Cam kết chung.

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã ghi trong hợp đồng trên cơ sở hợp tác, bình đẳng cùng có lợi. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc gì hai bên cùng nhau bàn bạc giải quyết. Mọi tranh chấp trong quá trình thực hiện nếu hai bên không tự giải quyết được bằng thương lượng sẽ chuyển đến Tòa án kinh tế tỉnh Lào Cai để giải quyết. Quyết định của Tòa án kinh tế bên có lỗi phải chịu toàn bộ chi phí của tòa án.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực (được thanh lý) sau khi hai bên thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình.

Hợp đồng được lập thành 04 bản. Bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Thanh

ĐẠI DIỆN BÊN B

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Sơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc



HỢP ĐỒNG

Số: *01*./2022/HĐQVXL-01/QV-DSD

Gói thầu : QVXL-01

Dự án : XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG CÔNG TY QUÊ VIỆT

Địa điểm : THÔN ĐÔNG ẮNG, XÃ KIM LONG, HUYỆN TAM DƯƠNG,
TỈNH VĨNH PHÚC

GIỮA

CÔNG TY CỔ PHẦN TINH CHẤT QUÊ VIỆT

VÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD

Vĩnh Phúc- 2022





Mục Lục

I. CÁC CĂN CỨ HỢP ĐỒNG.....	2
II. CÁC BÊN THAM GIA:.....	2
III. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG.....	3
Điều 1. Nội dung hợp đồng:	3
Điều 2. Yêu cầu về chất lượng hàng hóa, sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao khối lượng hoàn thành:	3
Điều 3. Phương thức Thanh toán.....	6
Điều 4. Địa điểm thi công.....	7
Điều 5. Bảo hành công trình.....	7
Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của các bên.....	8
Điều 7. Tiến độ hợp đồng	12
Điều 8. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.....	12
Điều 9. Tạm dừng và Chấm dứt hợp đồng trước thời hạn	13
Điều 10. Sự kiện bất khả kháng.....	16
Điều 11. Điều khoản chung	17
Điều 12. Hiệu lực của Hợp đồng.....	17

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG



Về việc : Thi công xây dựng nhà xưởng

Gói thầu : QVXL-01

Dự án : Xây dựng nhà xưởng Quê Việt

Địa điểm : *Thôn Đông Ấn, Xã Kim Long, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc*

I. CÁC CĂN CỨ HỢP ĐỒNG

- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 27/6/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006.
 - Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 do Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.
 - Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 của Quốc hội ban hành ngày 18 tháng 06 năm 2014;
 - Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng ban hành ngày 22/04/2015.
 - Căn cứ vào khả năng, nhu cầu và sự thỏa thuận của hai bên.
- Hôm nay, ngày 06 tháng 10 năm 2022, tại ban chỉ huy công trình, chúng tôi gồm có:*

II. CÁC BÊN THAM GIA:

1. Bên giao thầu (Sau đây gọi tắt là Bên A): CÔNG TY CỔ PHẦN TINH CHẤT QUÊ VIỆT

- Đại diện bởi : Ông NGUYỄN KAO TOẢN - Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ : *Thôn Đông Ấn, Xã Kim Long, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc*
- Điện thoại : 0983666875
- Mã số thuế : 2500599515
- Tài khoản số : 0361000322966
- Tại : Ngân hàng Vietcombank – CN Vĩnh Phúc

2. Bên nhận thầu (Sau đây gọi tắt là Bên B): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD

- Đại diện bởi : Ông NGUYỄN NGỌC SON - Chức vụ: Tổng giám Đốc
- Địa chỉ : *Tầng 7, Tòa nhà Việt Đức, Số 8 Đường Tôn Đức Thắng, Phường Khai Quang, Thành Phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc.*
- Điện thoại : 0947822223 - Fax:
- Mã số thuế : 2500679351
- Tài khoản số : 19038286198013

- Tại : Ngân hàng TMCP Kỹ Thương – CN Vĩnh Phúc

Sau khi bàn bạc, hai bên đồng ý thống nhất ký kết Hợp đồng với các điều khoản cụ thể như sau.



III. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Điều 1. Nội dung hợp đồng

Bên A đồng ý giao, Bên B đồng ý nhận thực hiện trọn gói công việc: cung cấp, Xây dựng và thi công lắp đặt hoàn thiện nhà xưởng cho gói thầu: QVXL-01 (trừ phần thi công điện và thiết bị PCCC) thuộc Dự án Xây dựng nhà xưởng Quê Việt do Công ty CP tinh chất Quê Việt làm Chủ đầu tư. Danh mục hàng hóa, công việc gồm các hạng mục như Phụ lục 01 đính kèm là một phần không thể tách rời của hợp đồng.

- Tổng giá trị của hợp đồng (Tạm tính): **3.148.868.000 đồng.**

(Bằng chữ: Ba tỷ, một trăm bốn mươi tám triệu, tám trăm sáu mươi tám ngàn đồng chẵn./.)

- Tổng giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế VAT (10%), đã bao gồm cước phí vận chuyển đến chân công trình, chi phí xây dựng, lắp đặt và chưa bao gồm thí nghiệm kiểm định.
- Giá trị thanh quyết toán chính thức của Hợp đồng sẽ căn cứ vào khối lượng do Bên B thực hiện được Bên A nghiệm thu nhân (x) với đơn giá nêu trên. Khối lượng thực hiện được tính theo bản vẽ thi công và hoàn công công trình.
- Đơn giá theo hợp đồng là đơn giá cố định. (Phụ lục 01 “Bảng giá chi tiết”)
- Khối lượng, đơn giá, tiến độ hợp đồng.

Điều 2. Yêu cầu về chất lượng hàng hóa, sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao khối lượng hoàn thành

- Toàn bộ hàng hóa Bên B cung cấp phải mới 100%, đảm bảo tiêu chuẩn theo bản vẽ bên A cung cấp và các thỏa thuận bằng văn bản giữa 02 Bên.
- Cung cấp vật tư: Quy cách, số lượng, chủng loại, chất lượng vật tư, yêu cầu kỹ thuật và mỹ thuật liên quan đến sản phẩm Bên B cung cấp phải theo đúng hồ sơ thiết kế và các yêu cầu về kỹ thuật được Bên A phê duyệt. Nếu các quy định trong hợp đồng này bị thiếu hoặc xung đột so với hồ sơ thiết kế thì ưu tiên sử dụng các quy định trong thiết kế, trừ khi Bên A có sự điều chỉnh bằng văn bản khác.
- Quy cách hàng hóa: Theo thiết kế hoặc thống nhất của 2 bên.
- Chế tạo và thi công lắp dựng hoàn thiện trọn gói hạng mục công trình theo đúng bản vẽ thiết kế kỹ thuật do Bên A cung cấp, trừ khi Bên A có sự điều chỉnh bằng văn bản.



- Khối lượng công việc và yêu cầu kỹ, mỹ thuật chi tiết đúng như thiết kế Bên A đã cung cấp cho Bên B hoặc bên B thiết kế đã được bên A đồng ý và phê duyệt, kèm theo Hợp đồng.
- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công, bản vẽ chi tiết; các tài liệu có liên quan đến hạng mục công trình đã được Bên A phê duyệt là một bộ phận không thể tách rời khỏi Hợp đồng này.
- Bên B cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng nhận hợp quy, chứng chỉ xuất xứ, chất lượng, quy cách hàng hóa cho Bên A đối với mỗi đợt giao hàng. Tất cả hàng hóa phải đảm bảo vượt qua các thí nghiệm kiểm tra chất lượng để nghiệm thu vật liệu đầu, vào trước khi thi công, chi phí thí nghiệm này do Bên A chịu. Trong trường hợp thí nghiệm không đạt yêu cầu và không được Chủ đầu tư đồng ý nghiệm thu đưa vào sử dụng thì Bên B có trách nhiệm đổi lại hàng cho Bên A. Khi đó tất cả các chi phí thí nghiệm, vận chuyển và các chi phí liên quan khác Bên B phải chịu trách nhiệm.
- Yêu cầu về chất lượng sản phẩm của Hợp đồng:
 - a) Công trình phải được thi công theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Bên A chấp thuận).
 - b) Bên B đảm bảo vật tư, thiết bị do Bên B cung cấp có nguồn gốc xuất xứ như theo hồ sơ thiết kế và những thỏa thuận bằng văn bản giữa 02 Bên.
 - c) Quy chuẩn vật liệu:
 - Kết cấu thép: Theo tiêu chuẩn Việt Nam 170-2007.
 - Xà gồ: dung sai về chiều rộng bụng và cánh, độ dày, tỷ trọng $\pm 5\%$ (theo tiêu chuẩn của nhà cung cấp).
 - Tôn: dung sai về kích thước & tỷ trọng $\pm 5\%$, độ dày $\pm 5-9\%$ (theo tiêu chuẩn của nhà cung cấp).
 - Nghiệm thu phần thi công lắp đặt hoàn thiện:
 - a) Bên A chỉ nghiệm thu khối lượng, hạng mục công việc hoàn thành cho Bên B khi phần công trình được thi công lắp đặt, hoàn thiện đảm bảo chất lượng phù hợp theo quy định tại điều 2 của Hợp đồng [Yêu cầu về chất lượng hàng hóa, sản phẩm của Hợp đồng].
 - b) Quy trình nghiệm thu: Bên B có trách nhiệm mời Bên A nghiệm thu và chuẩn bị các tài liệu liên quan theo các giai đoạn sau:
 - Nghiệm thu vật liệu đầu vào (bulon, thép tấm, ...): lấy mẫu thí nghiệm, chỉ chất lượng, xuất xứ (CO/ CQ).

1311
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50



- Nghiệm thu đường hàn: siêu âm mỗi hàn đôi đầu.
- Nghiệm thu công tác sơn: nghiệm thu bề mặt trước và sau khi sơn.
- Nghiệm thu tổng thể: sau khi Bên B thi công hoàn thành toàn bộ công việc theo hợp đồng, các căn cứ nghiệm thu, hồ sơ nghiệm thu.

Tất cả các chi phí thí nghiệm, siêu âm do Bên A chịu trách nhiệm chi trả, thời gian nghiệm thu và chờ kết quả thí nghiệm không được tính vào tiến độ thi công. Bên B có trách nhiệm gửi thư mời nghiệm thu trước 02 ngày làm việc cho Bên A và sau 03 ngày làm việc kể từ ngày gửi thư mời, Bên A không tiến hành nghiệm thu thì xem như đợt nghiệm thu này được thông qua và Bên B có quyền chuyển sang giai đoạn tiếp theo.

c) Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của Hợp đồng là các bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Bên A chấp thuận); thuyết minh kỹ thuật; các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan; biểu mẫu hồ sơ nghiệm thu bàn giao.

d) Thành phần tham gia nghiệm thu, bàn giao bao gồm:

- Đại diện Bên A, Chủ đầu tư.
- Đại diện Bên B;
- Và các Bên khác (nếu có).
- Các bên tiến hành nghiệm thu tổng thể công trình, xác định các lỗi phải khắc phục (nếu có) lập thành biên bản, có hình ảnh vị trí các lỗi cần khắc phục đính kèm các bên ký xác nhận.
- Sau khi bên B tiến hành khắc phục các lỗi xong (nếu có) và mời các bên liên quan tiến hành nghiệm thu phân khắc phục lỗi, và nghiệm thu công trình. Trong trường hợp các lỗi vẫn chưa đảm bảo thì bên B phải thực hiện nhanh nhất theo yêu cầu của Bên A các lỗi để tiến hành nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng.

e) Hồ sơ nghiệm thu, bàn giao bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng hoàn thành từng hạng mục (theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có ghi khối lượng do 02 Bên thống nhất).
- Các chỉ chất lượng, xuất xứ (CO/ CQ) nếu có, phiếu xuất xưởng (nếu có).
- Các tài liệu khác liên quan đến sản phẩm theo yêu cầu của Bên A.

f) Trường hợp nếu còn những công việc nhỏ theo Hợp đồng còn tồn đọng lại và sai sót về cơ bản không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng công trình thì những tồn đọng này được ghi trong biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình và Bên B phải có trách nhiệm hoàn thành những tồn đọng này bằng chi phí của mình và theo thời hạn do Bên A chỉ định.



Điều 3. Phương thức Thanh toán

1. Tạm ứng, thanh toán

- Bên A có trách nhiệm tạm ứng 30% giá trị **Phụ lục 01** “Bảng giá chi tiết” (tương đương 944.660.400 VNĐ) khi bên B huy động nhân lực, vật lực và bố trí xong mặt bằng thi công (hai bên tiến hành nghiệm thu quá trình huy động).
- Bên A thanh toán 40% giá trị **Phụ lục 01** “Bảng giá chi tiết” (tương đương 1.259.547.200 VNĐ) sau khi Bên B thi công xong phần móng, phần thân và huy động đủ vật tư phần mái, khung bao tre đến công trường (đủ điều kiện nghiệm thu và hồ sơ thanh toán hợp lệ). Nếu Bên A chưa thanh toán thì bên B sẽ không tiến hành lắp đặt.
- Bên A phải thanh toán 30% còn lại của giá trị **Phụ lục 01** “Bảng giá chi tiết” và phát sinh (nếu có) sau khi bên B hoàn thành công việc xây dựng, lắp đặt và nghiệm thu bàn giao, có hồ sơ thanh quyết toán hợp lệ. Thời gian thanh quyết toán không quá 10 ngày kể từ ngày bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh quyết toán hợp lệ.
- Bảo lãnh tạm ứng: Không áp dụng
- Thanh toán bằng chuyển khoản.

2. Hồ sơ thanh toán (02 bộ không bao gồm bộ trả lại Bên B) bao gồm:

- Văn bản đề nghị thanh toán.
- Bảng tổng hợp giá trị thanh toán đợt.
- Bảng tổng hợp giá trị bị giảm trừ (nếu có).
- Biên bản giao nhận và nghiệm thu.
- Giấy chứng nhận hợp quy, chứng nhận xuất xưởng...
- Hóa đơn GTGT: 01 bản gốc + 02 bản sao (bản sao đóng vào hồ sơ thanh toán).

Điều 4. Địa điểm thi công

- Địa điểm thi công tại: Thôn Đồng Ấng, xã Kim Long, Huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc

Điều 5. Bảo hành công trình.

Bên B có trách nhiệm bảo hành công trình sau khi bàn giao cho Bên A, như sau:

- Tiên bảo hành: Bên B sẽ giữ lại 3% giá trị hợp đồng.
- Nội dung bảo hành: Khắc phục, sửa chữa, thay thế phần hư hỏng, khiếm khuyết của vật tư do lỗi sản xuất hoặc lỗi khác của Bên B gây ra hoặc khi công trình không đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật đã được Bên A phê duyệt.
- Phạm vi bảo hành không bao gồm các thiệt hại, hư hỏng là do hậu quả của một trong các nguyên nhân sau:

17
10
11
12
13
14
15
16
17
18

- Sự bất cân, tác động của bên thứ ba, thay đổi chức năng, sử dụng sai mục đích của Bên A;
- Sự kiện bất khả kháng;
- Hao mòn thông thường.
- Thời hạn bảo hành: 06 tháng
- Trong vòng 04 ngày kể từ ngày Bên B nhận được văn bản, tin nhắn, gọi điện trực tiếp cho người có thẩm quyền yêu cầu bảo hành của Bên A, Bên B có trách nhiệm cử cán bộ có thẩm quyền đến làm việc với Bên A để thống nhất phương án khắc phục sự cố. Bên B có trách nhiệm thực hiện việc bảo hành hoặc thay thế mới đối với một phần hay toàn bộ công việc thuộc phạm vi trách nhiệm phải bảo hành.
- Sau 07 ngày kể từ ngày Bên B nhận được thông tin yêu cầu bảo hành của Bên A mà Bên B không thực hiện thì Bên A sẽ tự thuê người khắc phục sửa chữa; kinh phí sẽ trừ vào tiền bảo hành.



Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của các Bên.

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- Tạo điều kiện thuận lợi về kho bãi, mặt bằng để Bên B cung cấp vật tư và thi công kịp tiến độ thỏa thuận giữa 2 bên.
- Có quyền từ chối tiếp nhận nghiệm thu những vật tư gia công lắp đặt cho công trình và các hạng mục công trình nếu xét thấy không đạt yêu cầu kỹ thuật, chất lượng, thiết kế.
- Quyết định của Bên A: Những điều kiện này quy định rằng, Bên A sẽ tiến hành công việc theo khoản này để đồng ý hay quyết định một vấn đề, Bên A phải trao đổi ý kiến với Bên B để cố gắng đạt được sự thống nhất chung. Trường hợp không đạt được sự thống nhất, Bên A sẽ đưa ra một quyết định khách quan phù hợp với Hợp đồng và phải xem xét thích đáng đến những sự việc có liên quan để đưa ra quyết định phù hợp.
- Bên A có quyền chỉ định đơn vị thí nghiệm đã được Chủ đầu tư dự án phê duyệt để thực hiện thí nghiệm, kiểm định các sản phẩm của hợp đồng. Hai bên phải chấp nhận kết quả do đơn vị thí nghiệm đưa ra để làm căn cứ đánh giá chất lượng sản phẩm hợp đồng.
- Có quyền ra vào kiểm tra quá trình sản xuất, thi công lắp dựng các sản phẩm của hợp đồng.
- Có quyền từ chối làm việc và yêu cầu Bên B thay thế bất kỳ nhân sự nào làm việc trên công trường Bên A nếu nhân sự đó bất hợp tác, vi phạm các quy định công trường Bên A, hoặc có hành vi vi phạm pháp luật.



- Cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên có mặt tại công trường để đơn đốc giám sát, kiểm tra chất lượng, kỹ thuật và khối lượng thi công, cùng Bên B xác nhận những khối lượng sai khác giữa thiết kế và thực tế thi công tại hiện trường.
- Cử cán bộ xác nhận khối lượng cung cấp và thi công hoàn thành cho Bên B.
- Kiểm tra hàng hóa được giao và nhận hàng đúng quy cách, chủng loại, chất lượng, số lượng như quy định của Hợp đồng hoặc theo đơn đặt hàng đã thoả thuận giữa hai Bên.
- Cử cán bộ giám sát và nghiệm thu khối lượng hàng hóa ngay khi Bên B cung cấp xong.
- Bên A chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên B theo điều khoản quy định trong từng đơn đặt hàng.
- Bên A có quyền từ chối nhận hàng nếu Bên B giao hàng không đúng chủng loại, chất lượng, số lượng như đã cam kết.
- Thực hiện xin phép xây dựng và các thủ tục pháp lý liên quan.
- Bàn giao mặt bằng (đảm bảo đủ điều kiện thi công bình thường) và tổ chức nhận hàng hóa bên B giao, nếu bên A chậm nhận hàng hóa làm phát sinh các chi phí liên quan, thì bên A phải thanh toán toàn bộ chi phí cho bên B. Cung cấp hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công và các tài liệu có liên quan để Bên B thực hiện công việc theo Hợp đồng đã ký kết.
- Thông báo cho Bên B bằng văn bản, Email, Zalo,... kịp thời nếu có thay đổi thiết kế hay những phát sinh trong quá trình thi công.
- Tổ chức nghiệm thu chậm nhất 3 ngày làm việc sau khi nhận được thông báo của bên B. Sau thời gian 3 ngày mà bên A không tiến hành nghiệm thu mà không có thỏa thuận khác hoặc thông báo được bên B chấp thuận thì mặc định hạng mục, công trình đã được nghiệm thu, thanh quyết toán khối lượng hoàn thành cho Bên B theo đúng cam kết trong Hợp đồng.
- Thanh toán cho Bên B theo đúng thời gian quy định tại Điều 3 của Hợp đồng [Phương thức thanh toán].
- Cung cấp điện, nước cho Bên B để Bên B thi công tại công trường, chi phí này do bên A chịu.
- Kết hợp với Bên B giải quyết các vấn đề có liên quan đến công việc trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.
- Triển khai việc giao ban hàng ngày để có biện pháp xử lý kịp thời tình huống tại công trường và đảm bảo chất lượng cũng như tiến độ công trình.
- Cung cấp hoặc duyệt các biểu mẫu nghiệm thu, thanh quyết toán.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

19/11/2023 10:00:00 AM

- Cung cấp vật tư và thi công lắp dựng cho Bên A đúng quy cách, chủng loại, chất lượng và tiến độ như quy định của hợp đồng.
- Bên B cung cấp đúng và đủ hồ sơ pháp lý của thiết bị theo Phụ lục 03 đính kèm.
- Bố trí người giao hàng tại công trường, chịu trách nhiệm về mọi chi phí của các máy móc phương tiện đi trên đường.
- Tập kết hàng đúng nơi quy định theo sự chỉ dẫn của Bên A.
- Cùng Bên A kiểm tra, giám sát xác định khối lượng rõ ràng, công khai, minh bạch, ký phiếu giao-nhận hàng hóa theo mẫu của Bên A.
- Cử người tham gia cùng Bên A trong quá trình mang vật tư đi thí nghiệm theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
- Vi phạm chất lượng: Nếu kết quả thí nghiệm vật tư của bên B không đạt yêu cầu như bên B đã cung cấp thì bên B phải cấp lại hàng hóa đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của dự án bằng chi phí của mình. Nếu việc khắc phục này chậm quá 03 ngày làm việc, làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công thì Bên B phải chịu phạt 5% giá trị hợp đồng đơn hàng.
- Chịu trách nhiệm thanh toán mọi chi phí liên quan đến khi vận chuyển hàng đến địa điểm nhận hàng của Bên A. Chi phí bốc dỡ hàng tại công trường sẽ được thỏa thuận theo từng đơn đặt hàng.
- Chịu trách nhiệm mua bảo hiểm, đảm bảo an toàn cho phương tiện và con người của Bên B tham gia cấp hàng cho công trình theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Tuân thủ mọi nội quy, quy định trên công trường của Bên A và Chủ đầu tư trong suốt quá trình cấp hàng và đảm bảo mọi an toàn về lao động sản xuất, cơ giới, cháy nổ, vệ sinh môi trường trong suốt quá trình cung cấp hàng hóa.
- Cung cấp cho Bên A các hóa đơn chứng từ cũng như chứng chỉ cần thiết liên quan đến chất lượng, khối lượng hàng hóa cung cấp và chịu trách nhiệm trước pháp luật cho việc cấp hóa đơn của mình.
- Nhận hồ sơ thiết kế (hoặc bản vẽ chế tạo) và các tài liệu có liên quan do Bên A cung cấp hoặc bản vẽ bên B thiết kế đã được bên a phê duyệt để thực hiện công việc theo Hợp đồng đã ký kết.
- Được đề xuất với Bên A về khối lượng phát sinh ngoài Hợp đồng; từ chối thực hiện công việc ngoài phạm vi Hợp đồng (trừ phát sinh khối lượng và phát sinh các hạng mục liên quan đến sản phẩm của hợp đồng) khi chưa được hai Bên thống nhất và những yêu cầu trái pháp luật của Bên A.





- Được thay đổi các biện pháp thi công sau khi được Bên A chấp thuận nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, an toàn, hiệu quả công trình trên cơ sở giá của Hợp đồng đã ký kết.
- Được quyền tiếp cận công trường:
- Bên A phải bàn giao cho Bên B mặt bằng thi công công trình để Bên B thực hiện Hợp đồng;
- Trường hợp Bên B không nhận được mặt bằng thi công công trình do sự chậm trễ của Bên A và gánh chịu chi phí phát sinh trong thời gian này thì Bên A phải được thanh toán chi phí phát sinh, chi phí này sẽ được cộng thêm vào trong giá trị của Hợp đồng;
- Nếu do sai sót hoặc sự chậm trễ của Bên B thì Bên B sẽ không được quyền hưởng việc gia hạn thời gian, chi phí này.
- Chịu trách nhiệm toàn bộ về kỹ thuật và chất lượng vật tư, chất lượng xây lắp công trình trước Bên A. Đảm bảo thi công theo quy định về chất lượng, yêu cầu về kỹ thuật theo hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công được phê duyệt, đúng quy trình, quy phạm của Nhà nước. Theo quy định của các văn bản về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản của nhà nước.
- Chịu sự giám sát việc thực hiện Hợp đồng của Bên A, Chủ đầu tư và đơn vị Tư vấn giám sát trong suốt thời gian thực hiện công việc.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các nội quy, quy định, sự hướng dẫn, điều phối của cán bộ Bên A khi làm việc tại công trường. Bằng chi phí của mình Bên B phải thực hiện đúng quy định về an toàn lao động, trang bị đủ và đúng bảo hộ lao động cho nhân viên, giữ gìn an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ theo quy định của Dự án. Bên B tự chịu trách nhiệm với Bên A và trước pháp luật khi để xảy ra các sự cố an toàn lao động, ninh trật tự, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công.
- Tự chịu trách nhiệm quản lý con người và tài sản của Bên B trong suốt thời gian thi công tại công trường.
- Tự tổ chức lực lượng thi công, tài chính và máy móc thiết bị của mình đảm bảo chất lượng kỹ thuật, tiến độ thi công mà Bên A yêu cầu. Luôn luôn đảm bảo đủ lực lượng nhân công trên công trường theo tiến độ thi công đã cam kết đáp ứng tiến độ cần thiết của Bên A.
- Bên B có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ, hiệu quả với các Bên khác thi công trên công trường.
- Thường xuyên phối hợp, báo cáo Bên A về tiến độ thực hiện cũng như các vấn đề vướng mắc phát sinh để các Bên kịp thời giải quyết.

- Bảo quản nguồn điện, nước do Bên A cấp. Chỉ dùng điện, nước do Bên A cấp vào dùng mục đích sản xuất, thi công lắp dựng, không sử dụng cho các mục đích khác (như sinh hoạt, ăn ở). Sử dụng điện nước phải tiết kiệm, tắt các thiết bị điện khi không sử dụng.
- Không được cho nhân viên sinh hoạt, ăn ở trong công trường Bên A. Bằng kinh phí của mình tự túc lo chỗ ăn ở cho nhân viên bên ngoài công trường.
- Cung cấp cho Bên A các chứng chỉ về tập huấn an toàn lao động của nhân viên, chứng chỉ thợ hàn, chứng chỉ thợ vận hành cầu và các máy móc khác theo quy định.
- Cung cấp cho Bên A các loại giấy tờ (gồm đăng ký và đăng kiểm) về các phương tiện máy móc thi công trên công trường như máy cầu,... theo quy định của Nhà nước.
- Cung cấp cho Bên A các hồ sơ Pháp lý theo phụ lục đính kèm.

Điều 7. Tiến độ hợp đồng

- Bên B phải hoàn thành toàn bộ công việc theo nội dung của Hợp đồng trong khoảng thời gian: 60 ngày đối với việc gia công sản xuất, giao hàng tại công trường và lắp dựng hoàn thiện, thời gian này được tính từ ngày hai Bên ký Hợp đồng và Bên B nhận được tiền thanh toán, tạm ứng đợt 1 theo Điều 3 của Hợp đồng [Phương thức thanh toán] cũng như bản vẽ xác nhận của Bên A về mặt bằng thi công và bản vẽ shopdrawing.
- Bên B phải cung cấp cho Bên A một bản tiến độ chi tiết từ quá trình chuẩn bị vật tư, nguyên vật liệu, quá trình gia công sản xuất các hạng mục (Xây, lắp đặt,...), quá trình thi công lắp đặt tại công trình và hoàn thiện.

+ Gia hạn thời gian hoàn thành:

- Bên B được quyền gia hạn thời gian hoàn thành nếu do một trong những lý do sau đây:
- Có sự thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Chủ đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng.
- Do ảnh hưởng của các trường hợp bất khả kháng được quy định tại Điều 9 của Hợp đồng [Sự kiện bất khả kháng]
- Sự chậm trễ, trở ngại trên công trường do Bên A, nhân lực của Bên A hay các nhà thầu khác của Bên A gây ra như: việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thoả thuận trong Hợp đồng, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng mà không do lỗi của Bên B gây ra.
- Chậm trễ do bên A vi phạm điều khoản thanh toán: chậm, thanh toán không đủ của đợt thanh toán đủ điều kiện thanh toán mà bên B phải ngưng thi công.

+ Khắc phục tiến độ chậm trễ:

- Khi tiến độ đã bị chậm hơn so với tiến độ thi công như các Bên thỏa thuận trong Hợp đồng của công việc đó mà không phải do những nguyên nhân đã nêu trong Điều 6 của Hợp đồng [Tiến độ hợp đồng], khi đó Bên A yêu cầu Bên B trình một bản tiến độ thi công được sửa đổi để thực hiện tiến độ hoàn thành trong thời gian yêu cầu.



Điều 8. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

- Trường hợp Bên B bàn giao muộn cho Bên A (nếu không có lý do khách quan như thiên tai, đình công...) sẽ chịu phạt 1%/1 ngày (tính trên tổng giá trị bàn giao chậm).
- Bên A vi phạm thời hạn thanh toán theo Điều 3 của Hợp đồng [Phương thức thanh toán] sẽ phải chịu phạt với số tiền tương ứng 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm. Trừ trường hợp hai Bên có thỏa thuận khác.
- Trong trường hợp Bên A vi phạm thời hạn thanh toán theo Điều 3 của Hợp đồng [Phương thức thanh toán] mà kéo dài quá 01 tháng thì Bên B có quyền yêu cầu Bên A trả tiền lãi trên số tiền chậm trả. Lãi suất được tính bằng lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) tại thời điểm vi phạm.
- Bên A vi phạm thời gian thanh toán theo điều 3 của Hợp Đồng quá 01 tháng kể từ ngày hết hạn thanh toán mà không được sự chấp thuận của bên B hoặc có thỏa thuận khác thì bên A phải chịu lãi suất 1.5%/tháng của số công nợ phải trả kể từ ngày chậm thanh toán.
- Bên B vi phạm về thời hạn thực hiện Hợp đồng mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của Bên A gây ra và không được bên A chấp thuận gia hạn thời thời gian thì Bên B phải chịu bồi thường toàn bộ thiệt hại do việc chậm tiến độ gây ra. Giá trị thiệt hại sẽ do Bên A tính toán mà không cần xác nhận của Bên B. Trừ trường hợp hai Bên có thỏa thuận khác.
- Bên B vi phạm về chất lượng hoặc số lượng thực hiện công trình mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của Bên A gây ra, Bên B phải chịu phạt với số tiền tương ứng là 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm. Ngoài ra Bên B phải khắc phục bằng cách bổ sung, thay thế hoặc sửa chữa theo đúng yêu cầu số lượng và chất lượng của hợp đồng. Trừ trường hợp hai Bên có thỏa thuận khác.

Điều 9. Tạm dừng và Chấm dứt hợp đồng trước thời hạn

1. Tạm dừng và Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên giao thầu

- Bên giao thầu có quyền chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn nếu Bên nhận thầu:
 - Không có lý do chính đáng và không thông báo trước cho Bên giao thầu mà 05 (năm) ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng;
 - Bị phá sản hoặc chấm dứt hoạt động hoặc ngừng hoạt động.



- Bên A có quyền tạm dừng thực hiện Hợp đồng trong trường hợp Bên B không đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, tiến độ theo Hợp đồng đã ký kết. Bên A có quyền tạm dừng hợp đồng theo yêu cầu của Chủ đầu tư, theo tính chất dự án mà không cần có lỗi của Bên B. Thời gian tạm dừng không được tính vào tiến độ. Việc tạm dừng nếu ảnh hưởng đến chi phí của Bên B thì Bên A có trách nhiệm chi trả những chi phí đó và chi phí thực tế này được sự thống nhất giữa hai Bên. Nếu thời gian tạm dừng quá 30 ngày, Bên B có quyền chấm dứt Hợp đồng và thông báo cho Bên A trước 03 ngày làm việc. Ngay sau đó, 02 Bên tiến hành nghiệm thu, bàn giao các hạng mục công việc đã hoàn thành và tiến hành thanh quyết toán Hợp đồng.
- Trước khi Bên A tạm dừng thực hiện công việc trong Hợp đồng, thì phải thông báo bằng văn bản cho Bên B biết trước 03 ngày, trong đó nêu rõ lý do tạm dừng thực hiện.
- Nếu trên thực tế, Bên B có hành vi cụ thể để sửa chữa, khắc phục vi phạm và không làm ảnh hưởng đến chất lượng của công trình thì Bên A có thể sẽ xem xét lại để hủy việc tạm dừng thực hiện Hợp đồng để hai Bên tiếp tục thực hiện Hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng theo Điều 9 của Hợp đồng [Sự kiện bất khả kháng].
- Bên B phải đền bù các thiệt hại theo tính toán của Bên A trong thời gian tạm dừng hợp đồng do lỗi Bên B. Thời gian tạm dừng vẫn tính vào thời gian thực hiện hợp đồng.
- Nếu Bên A tạm dừng hợp đồng mà không phải do lỗi của Bên B thì thời gian tạm dừng này không tính vào thời gian thực hiện Hợp đồng được quy định tại Điều 6 của Hợp đồng [Tiến độ hợp đồng].
- Bên B từ chối thực hiện công việc theo Hợp đồng, 03 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng, tổng số ngày không thi công là 05 ngày mà không được sự chấp thuận của Bên A dẫn đến vi phạm tiến độ thực hiện theo Điều 6 của Hợp đồng [Tiến độ Hợp đồng], trừ trường hợp được sự cho phép của Bên A.
- Bên B vi phạm các điều khoản trong hợp đồng mà Bên A đã nhắc nhở bằng văn bản từ lần thứ 3 trở đi.
- Theo yêu cầu của Chủ đầu tư, theo tính chất dự án mà có lỗi của Bên B hoặc các trường hợp bất khả kháng.
- Nếu Bên A không thông báo mà gây thiệt hại cho Bên B, thì phải bồi thường cho thiệt hại đó và các thiệt hại liên quan đến việc chấm dứt Hợp Đồng.
- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi Bên A thông báo hợp đồng bị chấm dứt, Bên B phải di chuyển toàn bộ vật tư, nhân lực, máy móc, thiết bị và các tài sản khác thuộc sở hữu của mình ra khỏi công trường.



- Nếu sau khoảng thời gian này Bên B chưa thực hiện việc di chuyển thì Bên A có quyền xử lý đối với các tài sản này, trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác.
- Bồi thường cho Bên A các khoản chi phí thiệt hại theo sự tính toán của Bên A nếu hợp đồng bị dừng do lỗi Bên B.
- Ngay khi thông báo chấm dứt Hợp đồng theo Điều 8 của Hợp đồng [Tạm dừng và Chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn] có hiệu lực, trong thời gian 03 ngày Bên A và Bên B phải có mặt tại công trường Bên A để thỏa thuận xác định giá trị của công trình đã thực hiện và các khoản tiền phải thanh toán cho Bên B cho các công việc được thực hiện theo đúng Hợp đồng sau khi trừ đi các khoản phạt. Thỏa thuận này phải được lập bằng văn bản và ký bởi những người có thẩm quyền của hai Bên. Nếu bên nào không có mặt sẽ phải chấp thuận kết quả tính toán của bên kia.

2. Tạm dừng và Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên nhận thầu

Bên nhận thầu được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

- Bên B không nhận được số tiền thanh toán kể từ ngày hết hạn thực hiện nghĩa vụ thanh toán bất kỳ khoản thanh toán nào của Bên A đối với Bên B.
- Bên mua bị phá sản hoặc chấm dứt hoạt động hoặc ngừng hoạt động.
- Nếu Bên A không thanh toán đủ cho Bên B giá trị của giai đoạn thanh toán mà các Bên thống nhất vượt quá 05 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng [Phương thức thanh toán] thì Bên B có quyền tạm dừng thực hiện Hợp đồng, trừ trường hợp hai Bên có thỏa thuận khác.
- Trước khi Bên B tạm dừng công việc trong Hợp đồng, thì phải thông báo bằng văn bản cho Bên A trước 03 ngày, trong đó nêu rõ lý do tạm dừng thực hiện.
- Trường hợp sau khi thông báo, Bên A tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Điều 3 của Hợp đồng [Phương thức thanh toán] thì các Bên sẽ tiếp tục thực hiện đúng thỏa thuận Hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 9 của Hợp đồng [Sự kiện bất khả kháng]
- Thời gian tạm dừng này không tính vào thời gian thực hiện Hợp đồng được quy định tại Điều 6 của Hợp đồng [Tiền độ Hợp đồng].
- Nếu Bên B phải chịu sự chậm trễ và các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này thì Bên A phải chịu các chi phí phát sinh đó trừ trường hợp hai Bên có thỏa thuận khác.
- Bên A chuyển nhượng Hợp đồng này cho người hoặc tổ chức khác mà không có sự chấp thuận của Bên B;



- Sau 07 ngày liên tục công việc bị dừng do lỗi của Bên A, trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác;
- Bên A không thanh toán cho bên B sau 07 ngày kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ, trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác.
- Trường hợp Bên B đã tạm dừng thực hiện hợp đồng theo Điều 8 của Hợp đồng [Tạm dừng và chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn] mà Bên A không khắc phục lỗi của mình trong khoảng thời gian 10 ngày kể từ ngày bắt đầu tạm dừng theo thông báo và không có lý do chính đáng thì Bên B có quyền chấm dứt Hợp đồng. Trong trường hợp này, Bên A phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên B, vì việc chấm dứt Hợp đồng trong trường hợp này là lỗi của Bên A.
- Nếu việc chấm dứt Hợp đồng thuộc một trong những trường hợp được quy định tại Điều 8 của Hợp đồng [Tạm dừng và Chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn], Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A trước 07 ngày và phải nêu rõ lý do chấm dứt Hợp đồng.
- Nếu Bên B không thông báo mà gây thiệt hại cho Bên A, thì phải bồi thường cho thiệt hại đó.
- Ngừng tất cả các công việc, ngoại trừ các công việc đã được Chủ đầu tư hướng dẫn để bảo vệ con người và tài sản hoặc an toàn của công trình;
- Chuyển giao cho Bên A toàn bộ tài liệu của Bên B, thiết bị, các vật liệu và các công việc khác mà Bên B đã được thanh toán;
- Di dời tất cả các vật tư, vật liệu thuộc quyền sở hữu của Bên B khỏi công trường.
- Ngay sau khi thông báo chấm dứt Hợp đồng theo Điều 8 của Hợp đồng [Tạm dừng và Chấm dứt hợp đồng trước thời hạn] có hiệu lực, Bên A phải thanh toán cho Bên B đối với các hạng mục đã hoàn thành theo đúng Hợp đồng.

Điều 10. Sự kiện bất khả kháng

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan, các Bên không thể lường trước, kiểm soát, ngăn chặn và hậu quả của nó là không thể tránh khỏi, như: động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất; hỏa hoạn; chiến tranh; bạo loạn; cấm vận; đình công; đảo chính hoặc sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và các sự kiện bất khả kháng khác.
- Được miễn trách nhiệm nếu nghĩa vụ không được thực hiện, không được thực hiện đầy đủ hoặc không được thực hiện đúng do sự kiện bất khả kháng gây ra;
- Được kéo dài thời hạn thực hiện Hợp đồng nếu việc thực hiện Hợp đồng bị chậm trễ do sự kiện bất khả kháng. Thời gian kéo dài này được bằng thời gian xảy ra sự kiện bất khả



- kháng cộng với một thời gian hợp lý để khắc phục hậu quả nhưng không được kéo dài quá 05 tháng. Thời gian hợp lý để khắc phục hậu sẽ do các Bên thỏa thuận.
- Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài hoặc gây ra hậu quả nghiêm trọng dẫn đến việc thực hiện Hợp đồng cho các Bên thì có thể chấm dứt việc thực hiện Hợp đồng theo Điều 8 của Hợp đồng [Tạm dừng và chấm dứt Hợp đồng do sự kiện bất khả kháng].
 - Trong vòng 02 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng, Bên bị ảnh hưởng phải gửi đến Bên kia thông báo bằng văn bản hoặc lời nói về sự kiện bất khả kháng.
 - Kèm theo thông báo là văn bản chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc tài liệu, chứng cứ hợp pháp có giá trị chứng minh.
 - Nếu hết thời gian kéo dài thực hiện Hợp đồng do sự kiện bất khả kháng gây ra mà sự kiện bất khả kháng vẫn còn tồn tại làm cho Bên có nghĩa vụ không thể thực hiện, thực hiện không đủ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ theo Hợp đồng thì một trong hai Bên có thể gửi thông báo chấm dứt Hợp đồng cho Bên kia. Trong trường hợp này, việc chấm dứt Hợp đồng sẽ có hiệu lực 03 ngày sau khi có thông báo.
 - Đối với trường hợp chấm dứt này, Bên A phải thanh toán cho Bên B:
 - Các khoản thanh toán cho bất kỳ hạng mục đã được thực hiện theo quy định của Hợp đồng;
 - Mọi chi phí hoặc trách nhiệm khác mà trong trường hợp bất khả kháng Bên B phải chịu để hoàn thành công trình;

Điều 11. Điều khoản chung

- Hai bên cam kết và thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này. Nếu trong quá trình thực hiện gặp khó khăn trở ngại thì hai bên chủ động thông báo cho nhau trước, chậm nhất là 03 ngày để cùng nhau kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc và chủ động thương lượng giải quyết hoặc bổ sung bằng phụ lục hợp đồng.
- Trường hợp hai bên không tự giải quyết được thì khiếu nại đến Tòa án Kinh tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo pháp luật.

Điều 12. Hiệu lực của Hợp đồng.

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký kết. Hợp đồng này hết hiệu lực khi hai Bên thực hiện hết nghĩa vụ của mình, quyết toán xong toàn bộ công việc, công nợ.
- Các đơn đặt hàng cũng như các sửa đổi, bổ sung được coi như các phụ lục và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.

- Hợp đồng này gồm 17 trang được lập thành 04 bản, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.



ĐẠI DIỆN BÊN A



NGUYỄN CAO TOẢN

ĐẠI DIỆN BÊN B



NGUYỄN NGỌC SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Vĩnh Phúc, ngày 17 tháng 07 năm 2023

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG

Số: 1707/2023/HĐTCXD/NVM - DSD

Về việc: Thi công xây dựng hoàn thiện công trình:

Công trình : Nhà phố 07 tầng giả tân cổ

Địa điểm: Tam Lộng – Hương Sơn – Bình Xuyên – Vĩnh Phúc

GIỮA

CHỦ ĐẦU TƯ

ÔNG: NGUYỄN VĂN MẠNH

VÀ

NHÀ THẦU THI CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD

Năm 2023

MỤC LỤC



I. CÁC BÊN THAM GIA KÝ HỢP ĐỒNG	2
II. CÁC CĂN CỨ ĐỂ KÝ HỢP ĐỒNG	2
III. TÀI LIỆU HỢP ĐỒNG.....	3
IV. CHỦ ĐẦU TƯ	3
1. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ đầu tư.....	3
V. NHÀ THẦU.....	4
1. Phạm vi công việc của Nhà thầu.	4
2. Quyền hạn và trách nhiệm chung của Nhà thầu.....	4
3. Trách nhiệm quản lý, giám sát của Nhà thầu	5
4. Hợp tác.....	7
5. Định vị khảo sát công trường.....	7
6. Các quy định về an toàn lao động và vệ sinh môi trường.....	7
7. Đảm bảo chất lượng.....	8
8. Điện, nước thi công.....	8
9. Che phủ tạm.....	8
10. Hệ thống kỹ thuật hiện tại.....	8
VI. THIẾT BỊ CỦA NHÀ THẦU	8
VII. TIẾN ĐỘ HỢP ĐỒNG	8
1. Thời gian thực hiện Hợp đồng.....	8
2. Thời gian hoàn thành Hợp đồng.....	8
3. Giảm trừ tiến độ.....	9
VIII. HÌNH THỨC, GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN.....	9
1. Hình thức hợp đồng:	9
2. Giá trị hợp đồng.....	9
3. Phương thức thanh toán.....	10
4. Phát sinh hợp đồng:	13
5. Đồng tiền thanh toán.....	13
6. Hình thức thanh toán.....	13
IX. BẢO HÀNH CÔNG TRÌNH	14
1. Hình thức bảo hành.....	14
2. Bảo trì công trình.....	14
X. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG	14
1. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư.....	14
2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu.....	14
XI. BẤT KHẢ KHÁNG.....	15
XII. PHẠT VI PHẠM ĐỐI VỚI TỒ ĐỘI.....	15
XIII. LUẬT ÁP DỤNG	15
XIV. TRANH CHẤP.....	15
XV. NGÔN NGỮ	16
XVI. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG	16



1707/2023/HĐTCXD/NVM - DSD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

Vĩnh Phúc, ngày 17 tháng 07 năm 2023



HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG

I. CÁC BÊN THAM GIA KÝ HỢP ĐỒNG

BÊN GIAO THẦU : HỘ GIA ĐÌNH ÔNG NGUYỄN VĂN MẠNH

Đại diện là Bà : Nguyễn Văn Mạnh Chức vụ : Chủ nhà

Địa chỉ công trình : Tam Lộng – Hương Sơn – Bình Xuyên – Vĩnh Phúc.

Địa chỉ thường trú : Tam Lộng – Hương Sơn – Bình Xuyên – Vĩnh Phúc.

Số CCCD/CMTND : 026 076 010 058 Cấp ngày: 19/09/2021

Điện thoại : 084 685 6668

Sau đây gọi tắt là Chủ đầu tư (**Bên A**)

BÊN NHẬN THẦU: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD

Đại diện nhà thầu là : Ông Nguyễn Ngọc Sơn Chức vụ : Tổng giám đốc

Địa chỉ : Tầng 7, Tòa nhà Việt Đức, số 8 Tôn Đức Thắng, Phường Khai Quang,
TP. Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Mã số thuế : 2500 679 351

Số tài khoản : 3963 822 223

Chủ tài khoản : Nguyễn Ngọc Sơn

Tại : Ngân hàng Techcombank – Chi nhánh Vĩnh Phúc

Sau đây gọi tắt là Nhà thầu (**Bên B**)

Hợp đồng này được lập và ký kết bởi Chủ đầu tư và Nhà thầu với các điều khoản, nội dung chi tiết cụ thể như sau:

II. CÁC CĂN CỨ ĐỂ KÝ HỢP ĐỒNG

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII;

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII;

- Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 về hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

III. TÀI LIỆU HỢP ĐỒNG

Tài liệu của Hợp đồng này bao gồm:

- Bản Hợp đồng này.

- Các phụ lục đính kèm:

+ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công kèm theo.

+ Biên bản, thỏa thuận, thương thảo (nếu có).

- Tất cả các tài liệu trên cùng với các nội dung và điều khoản của Hợp đồng này được hiểu là tài liệu của Hợp đồng này và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.

IV. CHỦ ĐẦU TƯ

1. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ đầu tư.

Có quyền điều chỉnh phạm vi công việc, tiến độ thi công công trình trong Hợp đồng này theo yêu cầu của công việc. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư phải thông báo cho Nhà thầu bằng văn bản (hoặc email, Zalo, điện thoại) trước 03 ngày để Nhà thầu có kế hoạch chuẩn bị nguồn nhân lực và vật liệu cần thiết.

Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu điều chuyển hay thay thế bất kỳ nhân sự nào của Nhà thầu khi xét thấy các nhân sự này không đáp ứng được yêu cầu của công việc về trình độ chuyên môn, vi phạm các điều khoản của Hợp đồng hay có thái độ bất hợp tác với Chủ đầu tư trong quá trình thực hiện hợp đồng (*có bằng chứng hợp lý để chứng minh*). Khi đó, Nhà thầu phải có trách nhiệm chấp hành và thực hiện ngay yêu cầu của Chủ đầu tư trong thời gian ngắn nhất có thể nhưng tối đa không quá 07 ngày sau khi nhận được yêu cầu bằng văn bản (hoặc email, Zalo, điện thoại) của Chủ đầu tư.

Chủ đầu tư có trách nhiệm bàn giao mặt bằng thi công cho Nhà thầu đúng tiến độ, bàn giao cho Nhà thầu toạ độ, cao độ các điểm mốc cơ sở để định vị công trình.

Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán đúng và đầy đủ cho Nhà thầu theo các đợt thanh toán và các chi phí được xác định trong Hợp đồng này.

Quản lý, giám sát và kiểm tra Nhà thầu thực hiện Hợp đồng.

Giám sát đảm bảo chất lượng công việc và có quyền yêu cầu Nhà thầu sửa chữa những công việc không phù hợp.

Nghiệm thu công việc của Nhà thầu theo yêu cầu của Hợp đồng và các quy định pháp lý có liên quan, ký xác nhận biên bản bàn giao với Nhà thầu trong vòng 03 ngày sau khi hoàn thành công việc.

Hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết và cung cấp các yêu cầu kỹ thuật, tạo điều kiện thuận lợi để Nhà thầu tiến hành công việc.



Đề cử nhân sự (bằng văn bản hoặc email, Zalo, điện thoại) có kinh nghiệm và đủ thẩm quyền đại diện Chủ đầu tư giải quyết mọi vấn đề có liên quan đến kỹ thuật, chất lượng và tiến độ công việc (theo văn bản hoặc email, Zalo, điện thoại đề cử của Chủ đầu tư).



Có hành động kịp thời ngay khi nhận được thông báo từ Nhà thầu về những nguyên nhân/ lý do dẫn đến việc công trình hoàn tất chậm trễ.

V. NHÀ THẦU

1. Phạm vi công việc của Nhà thầu.

Phạm vi công việc của Nhà thầu sẽ bao gồm những công việc liên quan đến thi công xây dựng hoàn thiện các hạng mục công việc chi tiết cụ thể như sau:

A, Thi công hoàn thiện công trình: **Nhà phố 07 tầng giả tân cổ** gồm:

+ Phần nền móng gồm các hạng mục : Đào đất, vận chuyển, ép cọc, đập đầu cọc, bê tông lót, ván khuôn, cốt thép, bê tông móng, bê tông vách, bê tông giằng móng, cung cấp bê Composite 3,0m3 đất trả vật liệu móng đạt cao độ cos nền tầng 1, bê tông nền...

+ Phần thân gồm các hạng mục: Hệ kết cấu khung bê tông cốt thép toàn khối cột, dầm + sàn, cầu thang bộ, xây tường bao, xây tường ngăn phòng, lanh tô cửa, trát tường trong và ngoài nhà, chống thấm, cán nền, ốp tường WC, lát sàn nhà, sơn nước, lát đá cầu thang bộ, ốp đá Marble mặt tiền, ốp phào chỉ mặt tiền, hệ cửa đi, cửa sổ, cửa nhà WC, hệ thống đường điện nước, hệ thống ống đồng chờ điều hòa, trần thạch cao – không phào chỉ, hệ thống chiếu sáng cơ bản, thiết bị vệ sinh (chưa bao gồm đèn chùm, thiết bị điều hòa và các thiết bị điện tử khác)

+ Phần mái gồm các hạng mục: Xây tường bao mái, hệ thống chống sét, chống thấm, lát gạch chống nóng mái và các hạng mục khác liên quan

- Các công việc khác không có trong phạm vi Nhà thầu sẽ được thống nhất bằng văn bản giữa các bên trước khi thi công.

B, Vệ sinh, dọn dẹp Công trường do Nhà thầu tự lo trên nguyên tắc đảm bảo vệ sinh môi trường của địa phương.

C, Nghiệm thu và bàn giao cho Chủ đầu tư.

Chi tiết về công việc được mô tả trong Bản vẽ thiết kế, yêu cầu kỹ thuật được cung cấp bởi Chủ đầu tư và bảng kê khối lượng kèm theo.

D, Ngoài các công việc nêu trên, nếu Chủ đầu tư có yêu cầu làm những công việc phát sinh ngoài hợp đồng thì đơn giá sẽ được thống nhất giữa các bên trước khi thi công và có biên bản xác nhận.

2. Quyền hạn và trách nhiệm chung của Nhà thầu.

a, Quyền của Nhà thầu

Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn thi công xây dựng công trình.

Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn, thi công vì lợi ích của Chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm thi công.

Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.

Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng, thanh toán đúng tiến độ Hợp đồng.

b, Nghĩa vụ của Nhà thầu

Nhà thầu chịu trách nhiệm tổ chức và thực hiện công việc đã nêu ở Khoản V điểm 1 và **Phụ lục 01** đính kèm (**Bảng chi tiết hạng mục công việc**) theo bản vẽ thiết kế kiến trúc, kết cấu của công trình và hoàn thành theo đúng Hợp đồng, thiết kế được Chủ đầu tư phê duyệt, sửa chữa bất kỳ sai sót nào của công việc.

Nhà thầu là người chịu trách nhiệm duy nhất trước Chủ đầu tư về chất lượng và tiến độ thực hiện công việc của hợp đồng này.

Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong Hợp đồng, BVTK.

Bảo quản và bàn giao lại cho Chủ đầu tư những tài liệu do Chủ đầu tư cung cấp theo Hợp đồng sau khi hoàn thành công việc.

Nhà thầu sẽ phải cung cấp đầy đủ thợ lành nghề, có đủ sức khỏe để thực hiện những công việc được giao.

3. Trách nhiệm quản lý, giám sát của Nhà thầu

Nhà thầu sẽ phải chỉ định một người quản lý chịu trách nhiệm về công việc và có mặt thường xuyên tại hiện trường (trong trường hợp người quản lý chính vắng mặt thì phải cử người có đủ thẩm quyền, năng lực thay thế). Người quản lý này phải có đủ điều kiện và năng lực phù hợp để thực hiện công việc, hơn nữa phải có khả năng phối hợp, kết hợp với các bên trong quá trình thực hiện công việc và có quyền quyết định các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện công việc.

Nhà thầu có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá Hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi Chủ đầu tư chấp thuận.

Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán theo sự thỏa thuận giữa 2 bên.

Kiểm tra các điều kiện khởi công công trình xây dựng theo quy định của Pháp luật;

Kiểm tra về nhân lực, thiết bị thi công của tổ đội thi công xây dựng đưa vào công trình;



Kiểm tra và giám sát chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị lắp đặt vào công trình do tổ đội thi công xây dựng công trình thực hiện theo yêu cầu của Hợp đồng, Bản vẽ thiết kế được duyệt;

Kiểm tra và giám sát thường xuyên có hệ thống quá trình tổ đội thi công xây dựng công trình triển khai các công việc tại hiện trường;

Xác nhận bản vẽ hoàn công;

Nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định của Pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Tập hợp, kiểm tra tài liệu phục vụ nghiệm thu công việc xây dựng, bộ phận công trình, giai đoạn thi công xây dựng, nghiệm thu thiết bị, nghiệm thu hoàn thành từng hạng mục công trình xây dựng và hoàn thành công trình xây dựng;

Phát hiện sai sót, bất hợp lý về thiết kế để đề nghị Chủ đầu tư điều chỉnh hoặc yêu cầu nhà thầu thiết kế điều chỉnh;

Phối hợp với Chủ đầu tư tổ chức kiểm định lại chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình và công trình xây dựng khi có nghi ngờ về chất lượng;

Thực hiện các công việc khác theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng cơ bản nhằm giám sát đảm bảo chất lượng, đúng thiết kế, tiến độ, an toàn lao động – vệ sinh môi trường công trường...

Nhà thầu tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ... thực hiện theo Bộ Luật lao động. Nhà thầu không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá Hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình; giám sát các biện pháp đảm bảo an toàn đối với công trình lân cận, công tác quan trắc công trình;

Yêu cầu tổ đội thi công tạm dừng thi công khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không đảm bảo an toàn, vi phạm các quy định về quản lý an toàn lao động làm xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn lao động; chủ trì, phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thi công xây dựng công trình và phối hợp xử lý, khắc phục sự cố;

Kiểm tra, đánh giá kết quả thí nghiệm kiểm tra vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng trong quá trình thi công xây dựng (nếu có) và các tài liệu khác có liên quan phục vụ nghiệm thu; kiểm tra và xác nhận bản vẽ hoàn công;

Tổ chức thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình, công trình xây dựng (nếu có);





Thực hiện các công tác nghiệm thu; kiểm tra và xác nhận khối lượng thi công hoàn thành.

Tham gia nghiệm thu các giai đoạn, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình và toàn bộ công trình khi có yêu cầu của Chủ đầu tư và tư vấn thiết kế xây dựng công trình.

Báo cáo định kỳ: Cung cấp cho Chủ đầu tư, tổ đội thi công các Báo cáo định kỳ hàng tuần về các công việc do bộ phận thi công đã và đang thực hiện tại công trường, trong đó có báo cáo các công việc đã hoàn thành và được nghiệm thu trong kỳ báo cáo, nhận xét, đánh giá của bộ phận giám sát thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt thiết bị về chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

Báo cáo nghiệm thu từng hạng mục: Sau mỗi công đoạn thi công phải thực hiện công tác nghiệm thu bộ phận, hạng mục công trình đã hoàn thành để đánh giá về mặt kỹ thuật và chất lượng cũng như khối lượng công việc đã hoàn thành, nhận xét và đưa ra phương hướng thực hiện công đoạn tiếp theo.

Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

4. Hợp tác.

Như đã được xác định trong Hợp đồng hoặc theo chỉ dẫn của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải tạo điều kiện thích hợp cho việc thực hiện công việc đối với:

- (a) Chủ đầu tư, Đại diện Chủ đầu tư và Đơn vị tư vấn (nếu có).
- (b) Các đơn vị khác được Chủ đầu tư thuê để thực hiện Dự án.
- (c) Các nhân viên của những cơ quan công quyền được thiết lập một cách hợp pháp.

Là những người tham gia vào việc thực hiện Dự án, làm việc ở trên hoặc gần công trường.

5. Định vị khảo sát công trường.

Nhà thầu sẽ phải khảo sát chi tiết công trường và các công trình xung quanh trước khi bắt đầu thực hiện công việc. Nhà thầu phải kiểm tra kích thước định vị công trình, toạ độ và cao độ của các điểm mốc cơ sở và báo cáo lại Chủ đầu tư nếu có sự khác biệt.

6. Các quy định về an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

Nhà thầu phải tuân thủ các nội quy, quy định hiện hành của Nhà nước về an toàn lao động, phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện công việc.

- Tất cả cán bộ kỹ thuật và công nhân phải và chỉ được làm việc trên cao khi có đủ sức khỏe phù hợp với công việc được giao.

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn về công tác đảm bảo an toàn lao động cho Người, máy móc, thiết bị, công trình trong suốt thời gian thi công.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cần thiết, phù hợp với công việc được giao cho công nhân thi công trên công trường.



7. Đảm bảo chất lượng.

Nhà thầu phải tuân thủ theo quy trình quản lý chất lượng được ban hành bởi Chủ đầu tư và các quy định hiện hành của Nhà nước. Trong quá trình thực hiện công việc, Nhà thầu phải phối hợp và chịu sự chi phối, điều tiết trực tiếp từ Chủ đầu tư hoặc Đại diện của Chủ đầu tư.

Việc chấp hành đúng hệ thống bảo đảm chất lượng không hề miễn cho Nhà thầu khỏi các nghĩa vụ và trách nhiệm theo Hợp đồng.

8. Điện, nước lán trại, thi công.

Chủ đầu tư sẽ thanh toán tiền sử dụng điện, nước cho quá trình thi công công trình.

9. Che phủ tạm.

Tại những vị trí cần thiết, để đảm bảo những điều kiện bảo vệ cần thiết tránh thời tiết xấu và các hư hại trong quá trình thi công, Nhà thầu được phép sử dụng những biện pháp che phủ hợp lý và phải đảm bảo dỡ bỏ những phương tiện che phủ sau khi hoàn thành công việc.

10. Hệ thống kỹ thuật hiện tại.

Bất kỳ một hư hỏng nào tới hệ thống kỹ thuật hạ tầng, của các công trình lân cận hiện tại mà nguyên nhân do Nhà thầu gây ra tại những vị trí được chỉ ra trong bản vẽ, những bằng chứng trên công trường hay được chỉ ra bởi Chủ đầu tư hoặc Đại diện Chủ đầu tư, Nhà thầu bằng chi phí của mình, sẽ phải khắc phục và sửa chữa ngay lập tức.

Bất kỳ một sự đấu nối nào với hệ thống kỹ thuật hiện tại chỉ được thực hiện dưới sự giám sát và chấp thuận của Chủ đầu tư.

VI. THIẾT BỊ CỦA NHÀ THẦU

Nhà thầu sẽ phải huy động các máy móc, thiết bị cần thiết tới công trường để triển khai công việc theo đúng tiến độ và phải duy tu, bảo dưỡng máy móc, thiết bị trong quá trình xây dựng. Nhà thầu phải thay đổi thiết bị, máy thi công xây dựng khi Chủ đầu tư nhận thấy thiết bị, máy móc đó không phù hợp và đạt chất lượng để thi công.

Nhà thầu sẽ phải chịu kinh phí cho việc huy động, di chuyển tạm và giải tán thiết bị.

Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm về bảo hiểm và an ninh các thiết bị của Nhà thầu trên CT.

VII. TIẾN ĐỘ HỢP ĐỒNG

1. Thời gian thực hiện Hợp đồng

Tính từ ngày : 17/07/2024 khi Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng có hiệu lực, đồng thời bên A bàn giao mặt bằng thi công cho bên B và bên B nhận được tiền tạm ứng của bên A.

2. Thời gian hoàn thành Hợp đồng

200 ngày kể từ ngày bên A bàn giao mặt bằng thi công cho bên B.

Tức ngày 02 tháng 02 năm 2024.

3. Giảm trừ tiến độ.

Tiến độ thi công chỉ được giảm trừ trong các trường hợp bất khả kháng như: động đất, chiến tranh, núi lửa, hỏa hoạn, mưa bão, lũ lụt...

Tiến độ thi công chưa bao gồm các ngày nghỉ lễ theo quy định của nhà nước hiện hành.

Tiến độ thi công giảm trừ do vướng mắc của các đơn vị cung cấp, thi công khác được Chủ đầu tư đưa vào thi công, gây ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình thi công của bên B.

Tiến độ thi công còn được giảm trừ khi Chủ đầu tư chậm thanh toán, chậm bàn giao mặt bằng thi công và các lý do khác theo yêu cầu tạm dừng thi công từ phía Chủ đầu tư hoặc từ các cơ quan công quyền trong trường hợp này Chủ đầu tư phải chịu toàn bộ phần thiệt hại do việc chậm tiến độ gây ra.

VIII. HÌNH THỨC, GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN

1. Hình thức hợp đồng:

- Hợp đồng là hợp đồng theo đơn giá trọn gói. Các khối lượng phát sinh không có trong bảng chi tiết hạng mục công việc, hai bên (A- B) thương thảo thống nhất trước khi thi công.
- Hợp đồng được hiểu là Hợp đồng theo hình thức giao khoán trọn gói (bao gồm vật tư chính, vật tư phụ, nhân công, máy móc, thiết bị do Nhà thầu cung cấp).
- Nếu Bản vẽ thiết kế có sự thay đổi về khối lượng từ phía CĐT thì khối lượng quyết toán sẽ được tính theo Bản vẽ thiết kế hoàn công cuối cùng được các Bên thống nhất chấp thuận.
- Các chi phí cho biện pháp thi công, đảm an toàn lao động, vệ sinh môi trường, chi phí về mua bảo hiểm cho: Người lao động, máy móc, thiết bị, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ 3... được hiểu là đã tính hết trong giá xây lắp của Nhà thầu.

2. Giá trị hợp đồng.

- Giá trị Hợp đồng thi công công trình được xác định theo m² xây dựng như sau:

Mục	Nội Dung	Diễn Giải					
		Dài (m ²)	Rộng (m ²)	Diện Tích (m ²)	Hệ số	Tổng (m ²)	Ghi Chú
I	Diện Tích Xây Dựng						
1	Sàn tầng hầm					180.00	
	Trục X1-X6/ Y1-Y2	20.00	5.00	100.00	1.8	180.00	Hệ số 1,8
2	Sàn Tầng 1					84.04	
	Trục X2-X6/Y1-Y2	15.44	5.00	77.20	1.0	77.20	
	Trục X1-X2/Y1-Y2	4.56	5.00	22.80	0.3	6.84	Hệ số 0,3

Mục	Nội Dung	Diễn Giải					Tổng (m ²)	
		Dài (m ²)	Rộng (m ²)	Diện Tích (m ²)	Hệ số			
3	Sàn Tầng 2					98.25		
	Trục X1-X6/ Y1-Y2	19.65	5.00	98.25	1.0	98.25		
4	Sàn Tầng 3					98.25		
	Trục X1-X6/ Y1-Y2	19.65	5.00	98.25	1.0	98.25		
5	Sàn Tầng 4					98.25		
	Trục X1-X6/ Y1-Y2	19.65	5.00	98.25	1.0	98.25		
6	Sàn Tầng 5					100.00		
	Trục X1-X6/ Y1-Y2	20.00	5.00	100.00	1.0	100.00		
7	Sàn Tầng Mái					77.90		
	Trục X1-X6/ Y1-Y2	15.58	5.00	77.90	1.0	77.90		
8	Tum mái					37.75		
	Thang máy	4.11	5.00	20.55	1.0	20.55		
	Sàn đỉnh mái	11.47	5.00	57.35	0.3	17.20	Hệ số 0,3	
Tổng Diện Tích Xây Dựng (m²):						774.44		

(Bằng chữ: Bảy trăm bảy mươi bốn phẩy bốn mươi bốn mét vuông./.)

- Đơn giá thi công xây dựng là: **6.000.000 VNĐ/ 1m²** xây dựng.

⇒ Giá trị Hợp đồng là: **774,44 x 6.000.000 = 4.646.640.000 VNĐ**

(Bằng chữ: Bốn tỷ, sáu trăm bốn mươi sáu triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn./.)

- Chi tiết công việc có trong **Phụ lục 01** (Bảng chi tiết hạng mục công việc) đính kèm.
- Giá trị Hợp đồng trên **chưa bao gồm thuế VAT.**

3. Phương thức thanh toán.

Thanh toán Hợp đồng: Chủ đầu tư sẽ thanh toán theo các đợt như sau:

a, Tạm ứng: Sau khi hai bên ký kết Hợp đồng thi công, Bên A sẽ tạm ứng cho bên B với số tiền là: **300.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng chẵn./.).

b, Thanh toán:

Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu theo các đợt sau :

- **Đợt 1:** Sau khi Nhà thầu thi công hoàn thành công việc **đổ bê tông móng, nền tầng hầm** bên A sẽ tiến hành nghiệm thu và thanh toán cho bên B với số tiền là: **400.000.000**



VNĐ (Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng chẵn./.) để bên B chuẩn bị cho việc thi công đổ bê tông vách, đổ bê tông dầm, sàn tầng 1.

- **Đợt 2:** Sau khi Nhà thầu thi công hoàn thành công việc đổ bê tông vách, đổ bê tông dầm, sàn tầng 1 bên A sẽ tiến hành nghiệm thu và thanh toán cho bên B với số tiền là: **400.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng chẵn./.) để bên B chuẩn bị cho việc thi công xây tường bao, tường ngăn, đổ bê tông dầm, sàn tầng 2.
- **Đợt 3:** Sau khi Nhà thầu thi công hoàn thành công việc xây tường bao, tường ngăn, đổ bê tông dầm, sàn tầng 2 bên A sẽ tiến hành nghiệm thu và thanh toán cho bên B với số tiền là: **400.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng chẵn./.) để bên B chuẩn bị cho việc thi công xây tường bao, tường ngăn, đổ bê tông dầm, sàn tầng 3.
- **Đợt 4:** Sau khi Nhà thầu thi công hoàn thành công việc xây tường bao, tường ngăn, đổ bê tông dầm, sàn tầng 3 bên A sẽ tiến hành nghiệm thu và thanh toán cho bên B với số tiền là: **400.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng chẵn./.) để bên B chuẩn bị cho việc thi công xây tường bao, tường ngăn, đổ bê tông dầm, sàn tầng 4.
- **Đợt 5:** Sau khi Nhà thầu thi công hoàn thành công việc xây tường bao, tường ngăn, đổ bê tông dầm, sàn tầng 4 bên A sẽ tiến hành nghiệm thu và thanh toán cho bên B với số tiền là: **400.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng chẵn./.) để bên B chuẩn bị cho việc thi công xây tường bao, tường ngăn, đổ bê tông dầm, sàn tầng 5.
- **Đợt 6:** Sau khi Nhà thầu thi công hoàn thành công việc xây tường bao, tường ngăn, đổ bê tông dầm, sàn tầng 6 bên A sẽ tiến hành nghiệm thu và thanh toán cho bên B với số tiền là: **400.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng chẵn./.) để bên B chuẩn bị cho việc thi công xây tường bao, tường ngăn, đổ bê tông dầm, sàn tầng mái, tum mái.
- **Đợt 7:** Sau khi Nhà thầu thi công hoàn thành công việc xây tường bao, tường ngăn, đổ bê tông dầm, sàn tầng mái, tum mái bên A sẽ tiến hành nghiệm thu và thanh toán cho bên B với số tiền là: **400.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng chẵn./.) để bên B chuẩn bị cho việc thi công đi đường điện, nước, ống đồng điều hòa âm tường, trát tường trong và ngoài nhà.
- **Đợt 8:** Sau khi Nhà thầu thi công hoàn thành công việc đi đường điện, nước, ống đồng điều hòa âm tường, trát tường trong và ngoài nhà, bên A sẽ tiến hành nghiệm thu và thanh toán cho bên B với số tiền là: **400.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng chẵn./.) để bên B chuẩn bị cho việc thi công hệ thống chống sét, chống thấm, cán nền, ốp lát gạch tường, nền nhà, lát gạch chống nóng mái, ốp đá mặt tiền, ốp đá cầu thang, ốp len chân tường.

- **Đợt 9:** Sau khi Nhà thầu thi công hoàn thành công việc **hệ thống chống sét, chống thấm, cán nền, ốp lát gạch tường, nền nhà, lát gạch chống nóng mái, ốp đá mặt tiền, ốp đá cầu thang, ốp len chân tường**, bên A sẽ tiến hành nghiệm thu và thanh toán cho bên B với số tiền là: **400.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng chẵn./.) để bên B chuẩn bị cho việc thi công **trần thạch cao, trần thả nhôm WC, sơn tường + trần trong và ngoài nhà, lắp đặt cửa đi, cửa sổ, lan can cầu thang tầng 1, cửa cuốn + motor.**

- **Đợt 10:** Sau khi Nhà thầu thi công hoàn thành công việc **trần thạch cao, trần thả nhôm WC, sơn tường + trần trong và ngoài nhà, lắp đặt cửa đi, cửa sổ, lan can cầu thang tầng 1, cửa cuốn + motor** bên A sẽ tiến hành nghiệm thu và thanh toán cho bên B với số tiền là: **400.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng chẵn./.) để bên B chuẩn bị cho việc thi công **kéo rải dây dẫn điện, lắp đặt thiết bị điện, nước, công tắc, mặt hạt, tủ điện, thiết bị vệ sinh, thiết bị chiếu sáng.**

- **Đợt 11:** Sau khi Nhà thầu thi công hoàn thành công việc **kéo rải dây dẫn điện, lắp đặt thiết bị điện, nước, công tắc, mặt hạt, tủ điện, thiết bị vệ sinh, thiết bị chiếu sáng** bên A sẽ tiến hành nghiệm thu và thanh toán cho bên B với số tiền là: **300.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng chẵn./.) để bên B chuẩn bị cho việc thi công **xông điện, thử kiểm tra, hoàn thiện lắp đặt các thiết bị điện tử, điện lạnh và các phần việc còn lại theo Hợp đồng đã ký, vệ sinh bàn giao công trình.**

- **Đợt 12:** Sau khi bên B thi công hoàn thành công việc **xông điện, thử kiểm tra, hoàn thiện lắp đặt các thiết bị điện tử, điện lạnh và các phần việc còn lại theo Hợp đồng đã ký, vệ sinh bàn giao công trình**, bên A thanh toán cho bên B giá trị của Hợp đồng còn lại, số tiền thanh quyết toán đợt này là: **46.640.000 VNĐ** (Bằng chữ: Bốn mươi sáu triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn./.)

c, Hồ sơ thanh toán bao gồm:

- + Giấy đề nghị thanh toán của bên B
- + Biên bản nghiệm thu giá trị hoàn thành theo từng giai đoạn.
- + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành từng giai đoạn.

d, Những lưu ý:

- Bên A có trách nhiệm thanh toán muộn nhất cho bên B là 03 ngày kể từ khi bên B thi công xong các phần việc.
- Trường hợp, do vướng mắc của các đơn vị cung cấp, thi công khác được Chủ đầu tư đưa vào thi công hoặc lý do trực tiếp từ Chủ đầu tư, gây ảnh hưởng trực tiếp đến quá

trình thi công của bên B, khiến bên B phải tạm dừng thi công. Thì bên A phải thanh toán chi phí đợi chờ việc cho công nhân của bên B là **300.000 VNĐ/ 01 ngày chờ đợi**.

- Trường hợp sau 07 ngày bên B chưa nhận được tiền thanh toán từ bên A. Bên B có quyền tạm dừng thi công công việc theo Hợp đồng.

- Trường hợp sau 30 ngày bên B chưa nhận được tiền thanh toán từ bên A. Bên B có quyền hủy và thanh lý Hợp đồng.

- Trường hợp nếu bên B thi công không đạt tiến độ tại điều 7 nêu trên mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc do lỗi của bên A thì bên B sẽ chịu phạt **01%/ tổng giá trị chậm tiến độ/ 01 ngày**, thời gian chậm không vượt quá 10 ngày.

- Nếu bên A không thanh toán đúng đủ giá trị khối lượng theo điều 8 nêu trên mà không có sự đồng ý của bên B thì bên A sẽ chịu phạt **01%/ tổng giá trị thanh toán chậm/ 01 ngày**, thời gian chậm không vượt quá 10 ngày.

4. Phát sinh hợp đồng:

- Nhà thầu thi công chịu trách nhiệm thi công đúng BVTK. Nhà thầu bằng kinh nghiệm của mình phải chỉ ra cho Chủ đầu tư những phần không đúng, không hợp lý trong BVTK.

- Những phần việc phát sinh ngoài ý muốn do bản vẽ thi công không đồng nhất. Những bất cập do thiết kế bản vẽ thi công so với thực tế thì được coi là phát sinh ngoài hợp đồng.

- Trong trường hợp bản vẽ thiết kế thay đổi hoặc Chủ đầu tư chủ động thay đổi sẽ tính phát sinh khi các bên thống nhất trước khi thi công.

- Khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được thỏa thuận giữa hai bên.

5. Đồng tiền thanh toán.

Thanh toán bằng đồng Việt Nam.

6. Hình thức thanh toán.

Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Nếu chuyển khoản thì thực hiện như sau:

+ Nội dung: Chủ nhà (1) thanh toán khối lượng công việc hoàn thành (2) của nhà thầu thi công Công ty DSD. Trong đó:

(1) là thông tin đơn vị chuyển tiền.

(2) là đợt thanh toán theo điều khoản Hợp đồng này.

+ Số tiền thanh toán khối lượng công việc hoàn thành được chuyển vào tài khoản sau:

- Số tài khoản: 3963 822 223

- Chủ tài khoản: Nguyễn Ngọc Sơn

- Tại: Ngân hàng Techcombank – Chi nhánh Vĩnh Phúc



IX. BẢO HÀNH CÔNG TRÌNH

1. Hình thức bảo hành.

- Bảo hành kết cấu:
- + Đối với kết cấu móng ép cọc: **10 năm.**
- + Đối với nguyên nhân gây lún, nứt kết cấu do sức chịu tải của nền đất hoặc kết cấu đã làm trước đó sẽ được hai bên kiểm tra, xác minh và thống nhất bằng văn bản.

- Bảo hành hoàn thiện: **01 năm.**

2. Bảo trì công trình.

- Nhà thầu có trách nhiệm bảo trì kịp thời sau khi nhận được yêu cầu sửa chữa của Chủ đầu tư. Thời gian bảo trì công trình là **10 năm. Số lần bảo trì 02 năm/ 01 lần.**
- Mọi chi phí cho công tác bảo trì sẽ được hai bên thống nhất trước khi Bên B tiến hành công tác bảo trì.

X. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

1. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư.

Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng nếu Nhà thầu:

- Bỏ dở công trình không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng.
- Không có lý do chính đáng mà lại không thực hiện Công việc theo đúng tiến độ HD.
- Chuyển nhượng toàn bộ Hợp đồng cho nhà thầu khác mà không được CĐT chấp thuận.
- Bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người được uỷ quyền hoặc người quản lý tài sản, hoặc có hành động nào được thực hiện hoặc sự kiện xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này

Nhà thầu phải rời công trường và chuyển các hàng hoá cần thiết, các tài liệu của Nhà thầu và các hồ sơ thiết kế khác của Nhà thầu cho Chủ đầu tư sau khi Chủ đầu tư đã thanh toán cho Nhà thầu khối lượng công việc hoàn thành. Chủ đầu tư sẽ thông báo rằng thiết bị của Nhà thầu và công trình tạm thời sẽ được giải phóng cho Nhà thầu ở tại hoặc gần công trình. Nhà thầu sẽ ngay lập tức sắp xếp để chuyển đi, rủi ro và chi phí cho việc này sẽ do Nhà thầu chịu. Tuy nhiên, nếu đến lúc này mà Nhà thầu còn nợ Chủ đầu tư một khoản thanh toán nào thì Chủ đầu tư được quyền bán chúng để lấy lại tiền. Số tiền dư ra sẽ được trả cho Nhà thầu.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu.

Nhà thầu có quyền chấm dứt hợp đồng này 15 ngày sau khi đã thông báo cho Chủ đầu tư về các trường hợp được quy định trong đoạn (a) và (b) dưới đây:

- Chủ đầu tư vi phạm các điều khoản thanh toán tại điều VIII khoản 3.

- b) Nếu, trong trường hợp bất khả kháng do Chủ đầu tư, Nhà thầu không có khả năng tiếp tục thực hiện công việc sau 60 ngày.
- c) Chủ đầu tư vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng này mà không có biện pháp khắc phục kịp thời sau khi nhận được thông báo chính thức của Nhà thầu.

Trong các trường hợp chấm dứt nêu trên, Nhà thầu được quyền yêu cầu thanh toán 100% giá trị khối lượng thực hiện hoặc được sản xuất hoặc giao đến công trường hoặc bất kỳ khoản tiền nào mà Nhà thầu đáng được hưởng cho tới thời điểm chấm dứt Hợp đồng.

Ngoài các trường hợp nêu trên, nếu một trong hai bên (Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu) đơn phương chấm dứt Hợp đồng, thì ngoài các khoản chi phí khác, bên đơn phương chấm dứt hợp đồng phải thanh toán cho bên kia một khoản phạt Hợp đồng trị giá 05% giá trị Hợp đồng.

XI. BẤT KHẢ KHÁNG

Nếu bất cứ bên nào không thể thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng do bất khả kháng, thì trong vòng 15 ngày Nhà thầu bị ảnh hưởng sẽ thông báo bằng văn bản cho bên kia đầy đủ, chi tiết trường hợp bất khả kháng của mình. Các nghĩa vụ của Nhà thầu bị ảnh hưởng chưa được thực hiện sẽ được treo lại trong quá trình xảy ra tình trạng bất khả kháng, và tình trạng bất khả kháng này sẽ được khắc phục một cách nhanh nhất. Không bên nào chịu trách nhiệm về việc chậm trễ trong trường hợp bất khả kháng.

Cụm từ “Bất khả kháng” ở đây được hiểu là chiến tranh, nguy cơ chiến tranh, động đất, sóng thần, hỏa hoạn, bão, lũ lụt... mà vượt quá khả năng kiểm soát của bất cứ bên nào.

XII. PHẠT VI PHẠM ĐỐI VỚI TỔ ĐỘI

Các vi phạm đối với tổ đội như sau: Trộm cắp, mang các chất gây nổ, các chất gây nghiện, uống rượu bia trong quá trình thi công, đánh nhau gây mất trật tự an ninh nơi ở cũng như khu vực sẽ phạt **10.000.000 đồng/ 01 lần vi phạm**, trục xuất đối tượng gây sự ra khỏi công trình và Công ty DSD phải chịu trách nhiệm đối với nhân sự của mình.

XIII. LUẬT ÁP DỤNG

Hợp đồng này sẽ được áp dụng và chi phối theo pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

XIV. TRANH CHẤP

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có tranh chấp hay bất đồng xảy ra các bên sẽ cố gắng giải quyết trên tinh thần thương lượng, hoà giải.

Trong trường hợp cả hai bên không đạt được thoả thuận thì các tranh chấp bất đồng sẽ được đưa ra Toà án Kinh tế Vĩnh Phúc để giải quyết và quyết định của Toà án là quyết định cuối cùng và có hiệu lực ràng buộc cả hai bên.

XV. NGÔN NGỮ


Ngôn ngữ sử dụng trong Hợp Đồng này là tiếng Việt.

Ngôn ngữ giao dịch trong quá trình thực hiện công việc là tiếng Việt.

XVI. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng này bao gồm cả phụ lục, tài liệu liên quan được lập thành 02 bản, Chủ đầu tư giữ 01 bản, Nhà thầu giữ 01 bản, có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ


Nguyễn Văn Mạnh

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Sơn


PHỤ LỤC 01

BẢNG CHI TIẾT HẠNG MỤC CÔNG VIỆC

(Kèm hợp đồng thi công số: 1707/2023/HĐTCXD/ NVM – DSD ký ngày 17 tháng 07 năm 2023)




STT	Tên công việc	Ghi chú
I	PHẦN THÔ NHÀ	
1	Ép cọc 250x250cm	
2	Nhân công ép cọc	
3	Đào đất + vận chuyển + biện pháp chống văng	
4	Bê tông lót M100 đá 1x2	
5	Bê tông móng M250 đá 1x2	
6	Bê tông vách hầm M250 đá 1x2	
7	Bê tông hố pít thang máy M250 đá 1x2	
8	Cốt pha, cốt thép móng, vách hầm, hố pít thang máy	
9	Xây tường móng 220mm (nếu có)	Gạch đặc A1 Nguyễn Hưng
10	Bê tông lót giằng tường M100 đá 1x2	
11	Cốt pha, cốt thép giằng tường móng	
12	Bê tông giằng tường M200 đá 1x2	
13	Bể nước hoặc bể nước ngầm	không bao gồm
14	Bể phốt theo thiết kế	
15	Hố thu nước chống ngập	
16	Băng cản nước	
17	Cát đắp nền móng nhà	
18	Bê tông nền M150 đá 1x2	
19	Cốt pha, cốt thép cột	
20	Bê tông cột M250 đá 1x2	
21	Cốt pha, cốt thép dầm + sàn	
22	Bê tông dầm + sàn M250 đá 1x2	

STT	Tên công việc	Ghi chú
23	Cốt pha, cốt thép cầu thang bộ	
24	Bê tông cầu thang bộ M250 đá 1x2	
25	Cốt pha, cốt thép lanh tô	
26	Bê tông lanh tô M200 đá 1x2	
27	Xây tường 220mm	Gạch đặc A1 Nguyễn Hưng
28	Xây tường 110mm	
29	Trát tường ngoài nhà	
30	Trát tường trong nhà	Trần trong nhà không trát (vì thi công thạch cao)
31	Trát trần tầng hầm	Các tầng phía trên không trát trần
32	Trát cầu thang, bậu cửa	
33	Trát tường bên ngoài ô thang máy	Mặt trong thang máy không trát
34	Đắp phào chỉ ngang, phải chỉ đúng mặt tiền	
35	Dán hoa văn thạch cao mặt tiền	CĐT cung cấp vật tư. Nhà thầu cung cấp nhân công dán
36	Đắp vẽ hoa văn mặt tiền (sử dụng nghệ nhân)	Không bao gồm
37	Xây bậc cấp, cấu kiện phức tạp khác	
II	BỂ TỰ HOẠI	
1	Bê tông lót bể phốt M100 đá 1x2	
2	Cốt thép, cốt pha đáy bể phốt	
3	Bê tông đáy bể phốt	
4	Xây tường bể phốt	
5	Cốt pha, cốt thép tấm đan nắp bể	
6	Xây tường bao, ngăn bể phốt	Gạch đặc A1 Nguyễn Hưng
7	Trát tường, cán nền bể phốt	

STT	Tên công việc	Ghi chú
8	Láng nền, đánh màu bề phốt	
III	PHẦN HOÀN THIỆN	
1	Ốp đá mặt tiền	
2	Ốp đá cầu thang, bậc cấp	
3	Lát nền gạch 80x80cm trong nhà	
4	Lát gạch 30x60cm nhà vệ sinh	
5	Lát gạch chống nóng 40x40cm sàn mái	
6	Ốp tường gạch 30x60cm nhà vệ sinh	
7	Ốp len chân tường 10x80cm trong nhà	
8	Trần thạch cao trong nhà	
9	Trần thả nhôm WC	
10	Sơn 1 lót, 2 phủ ngoài nhà (không bả)	
11	Bả trần trong nhà	
12	Sơn 1 lót, 2 phủ trong nhà (không bả)	
13	Lan can cầu thang tầng 1	
14	Cửa cuốn Austdoor khe thoáng	
15	Motor + UBS	
16	Cửa nhôm kính Xingfa trong nước hệ 55 vát cạnh	
17	Khóa + bản lề + phụ kiện đồng bộ	
18	Ca bơm bê tông	
19	Vật tư, phụ kiện khác	
20	Chi phí quản lý, giám sát, bảo vệ vật tư.	
IV	HẠNG MỤC ĐIỆN NƯỚC	
	Hạng mục điện, điện nhẹ	
1	Lắp đặt đường ống gen âm tường, âm sàn	



STT	Tên công việc	Ghi chú
2	Kéo rải dây điện	
3	Lắp đặt đế âm, ổ cắm, công tắc, mặt hạt, tủ điện	
4	Lắp đặt thiết bị điện chiếu sáng trong và ngoài nhà	
5	Lắp đặt đường ống gen âm tường, âm sàn	
6	Kéo rải dây điện, dây mạng, camera, tivi	
	Hạng mục cấp, thoát nước	
7	Lắp đặt đường ống cấp, thoát nước trong nhà	
8	Lắp đặt đường ống thoát nước mưa, nước thải	
9	Cung cấp lắp đặt thiết bị nước	
10	Cung cấp, lắp đặt thiết bị vệ sinh	



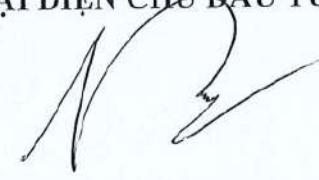
STT	Tên công việc	Ghi chú
-----	---------------	---------

*****Điện nước:** (bao gồm nhân công, vật tư hệ thống cấp, thoát nước trong, ngoài nhà và phụ kiện, hệ thống điện trong nhà, ổ cắm, công tắc, mặt hạt, aptomat, tủ điện, hệ thống chiếu sáng cơ bản, hệ thống ống đồng chờ điều hòa không khí, thiết bị vệ sinh, bình nóng lạnh, téc nước – không bao gồm đèn chùm và các thiết bị điện tử khác)


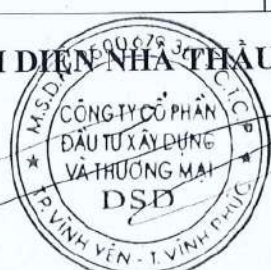
- + Lắp đặt thiết bị vệ sinh cơ bản, không lắp đặt những thiết bị thông minh thiết bị không phổ biến.
- + Lắp đặt thiết bị điều hòa cơ bản, không lắp đặt những thiết bị thông minh thiết bị không phổ biến.
- + Lắp đặt thiết bị điện nước cơ bản, không lắp đặt những thiết bị thông minh thiết bị không phổ biến, không bao gồm đồng hồ nước
- + Hệ thống cấp thoát nước nêu trên áp dụng cho dùng 01 đường ống thoát sàn + 01 đường ống thoát xí bệt.
- + Nếu Chủ đầu tư muốn tách riêng từng đường ống cấp, thoát thì sẽ tính thêm chi phí phát sinh tùy theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
- + **Ống cấp, thoát nước tiền phong C2.**
- + Ống thoát trực 110cm.
- + Ống thoát tay 90cm.
- + Ống cấp nước PPR từ D40 đến D25
- + Ống nhiệt PPR.
- + Dây điện nguồn đến tủ tổng (Hãng sản xuất - CADISUN)
- + Dây điện từ tủ tổng đến tủ các tầng Dây 2x(1x6mm) (Hãng CADISUN)
- + Dây điện đi các phòng chức năng (Hãng sản xuất – CADISUN)
- + Dây điện chiếu sáng dây 2x(1x1.5mm).
- + Dây điện ổ cắm dây 2x(1x2.5mm).
- + Dây quạt 2x(1x1.5mm).
- + Dây nóng lạnh 2x(1x2.5mm).
- + Dây bếp từ 2x(1x4mm).
- + Điều hòa 9000BTU sẽ sử dụng (ống đồng D6 và D10 dày 6.1 bảo ôn, băng cuộn).
- + Điều hòa 12.000BTU đến 18.000 sẽ sử dụng (ống đồng D6 và D10 dày 7.1, bảo ôn, băng cuộn) và phụ kiện đi kèm.

V	HẠNG MỤC CHỐNG THẨM	
1	Chống thấm tầng hầm, vách, hồ pít thang máy	
2	Chống thấm nhà vệ sinh + vườn sân thượng	
3	Chống thấm sàn mái + tum thang máy	

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ


 Nguyễn Văn Mạnh

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG



 TỔNG GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Ngọc Sơn

PHỤ LỤC 02

BẢNG QUY CÁCH CHUNG LOẠI VẬT TƯ/ THIẾT BỊ

(Kèm hợp đồng thi công số: 1707/2023/HĐTCXD/NVM – DSD ký ngày 17 tháng 07 năm 2023)

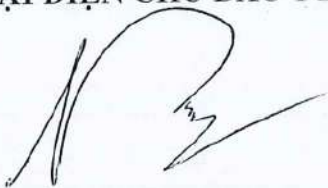


Stt	Tên vật tư	Hãng sản xuất/ Thương hiệu/ Nhà cung cấp	Ghi chú
1	Thép xây dựng	Thép Việt Nhật	CB300V, 240T
2	Thép hình	Hòa Phát, Việt Nam	SS400
3	Xi măng	Vicent Hải Phòng	PCB30, PCB40
4	Bê tông	Máy trộn hoặc trạm trộn địa phương	Mác theo BVTK
5	Gạch xây	Nguyễn Hưng	Gạch đặc A1 Loại 3 chấm
6	Cát vàng	Địa phương	
7	Cát xây, cát trát	Địa phương	
8	Đá 1x2; 2x4	Địa phương	
9	Cầu thang, bậc cấp	Cầu thang: Mặt Đá đen Granite Campuchia, cổ đá trắng.	Chạy toàn bộ lợi chỉ, và chân tường.
10	Lan can cầu thang	Kính cường lực 10mm, cao 90cm, tay vịn gỗ lim 6,5 đến 6,7cm+ phụ kiện inox đồng bộ, chân bắt lửng	Không bao gồm trụ kết thúc
11	Đá ốp mặt tiền	Đá marble nhân tạo Phào chỉ theo thiết kế	Mẫu chủ đầu tư chọn
12	Gạch ceramic 80x80cm	Prime	Không quá 180.000 đ/m ²
14	Gạch ceramic 30x60mm	Prime	Không quá 150.000 đ/m ²
15	Gạch chống nóng 40x40cm	Prime, hạ long hoặc tương đương	Không quá 100.000 đ/m ²
16	Trần thạch cao trong nhà	Khung xương chìm eko, mặt tấm trắng Vĩnh tường tiêu chuẩn 9mm	Mẫu theo thiết kế
17	Trần nhôm WC	Tấm nhôm kích thước 600x600mm Khung xương đồng bộ	Mẫu chủ đầu tư chọn
18	Sơn trong, ngoài nhà	Sơn Mykolor hoặc tương đương	Màu chủ đầu tư chọn
19	Chống thấm	Neopress Crystal hồ pít + vách hầm Skytex PolyFlex phòng vệ sinh	
20	Hệ nhôm kính	Xingfa trong nước hệ 55 vát cạnh Phụ kiện đồng bộ	Màu chủ đầu tư chọn

21	Dây điện	Cadisun	
22	Ống luồn dây điện	Sino (ống cứng + ống mềm)	
23	Ống cấp, thoát nước	Ống nước Tiên phong C2, Ống nhiệt Tiên Phong	
24	Công tắc, mặt hạt	Sino (hạt to)	Mẫu chủ đầu tư chọn
25	Aptomat, tủ điện	Sino	
26	Đèn chiếu sáng	GS Lingting hoặc tương đương	Màu trắng
27	Đèn âm trần	GS Lingting D90/ 8W	Màu trắng
28	Đèn tuýp (nếu có)	GS Lingting 1m2/ 1x18W	Màu trắng
29	Thiết bị vệ sinh	Viglacera hoặc tương đương	Không quá 13.000.000đ/ phòng
30	Bình nóng lạnh	Ferroli hoặc tương đương	
31	Téc nước 1,5m3	Tân Á hoặc tương đương	Bể nằm
32	Cửa cuốn Austdoor	Mẫu Chủ đầu tư chọn	Không quá 1.500.000đ/ m2



ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ


Nguyễn Văn Mạnh

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Sơn

+ Phối hợp với các bên có vướng mắc, phát sinh, giải quyết các vấn đề, mâu thuẫn phát sinh trong và sau khi thực hiện công trình.

+ Kiểm tra, kiểm soát toàn bộ tài liệu phục vụ cho công tác nghiệm thu công việc, công trình, vật liệu, máy móc, thiết bị, từng hạng mục và hoàn thành công trình xây dựng



ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

Nguyễn Văn Mạnh

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD
Tầng 7, Tòa nhà Việt Đức, Số 8, Tôn Đức Thắng, Phường Khai Quang,
Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam.

Tận tụy xây dựng niềm tin



Trụ sở chính: Tầng 7, Tòa nhà Việt Đức, Số 8, Tôn Đức Thắng,
Phường Khai Quang, Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc.
Chi nhánh Hà Nội: Tầng 12, Tòa nhà Veam, số 689, Lạc Long Quân,
Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội
MST: 2500679351
Điện thoại: 1900.99.66.63
Email: congy@xaydungdsd.com.vn
Website: <https://xaydungdsd.com.vn>





DSD

CONSTRUCTION

TẬN TỤY XÂY DỰNG NIỀM TIN

 **1900 99 66 63**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DSD

Trụ sở chính: Tầng 7, Tòa nhà Việt Đức, Số 8, Tôn Đức Thắng, P.Khai Quang, Tp.Vinh Yên, T.Vinh Phúc

Chi nhánh Hà Nội: Tầng 12, Tòa nhà Veam Tây Hồ, số 689 Lạc Long Quân, Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội.

MST: 2500679351

Điện thoại: 0947.822.223

Hotline: 1900.99.66.63

Email: congyty@xaydungdsd.com.vn

Website: <https://xaydungdsd.com.vn>